

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**  
**KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN**



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

# **HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

**Sinh viên thực hiện : Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm**

**Lớp : Kế toán K41A**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Quanh**

**Bình Định, tháng 06 năm 2022**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài khóa luận tốt nghiệp: “*Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong bài khóa luận tốt nghiệp được sử dụng trung thực, chính xác.

**Bình Định, ngày 06 tháng 6 năm 2022**

**Sinh viên**

**Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm**

## NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm

Lớp: Kế toán 41A

Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

### **I. Nội dung nhận xét:**

1. Tình hình thực hiện: .....
2. Nội dung của đề tài:
  - Cơ sở lý thuyết: .....
  - Cơ sở số liệu: .....
  - Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....
3. Hình thức của đề tài:
  - Hình thức trình bày: .....
  - Kết cấu của đề tài: .....
4. Những nhận xét khác: .....

### **II. Đánh giá cho điểm:**

- Tiến trình làm đề tài: .....
- Nội dung đề tài: .....
- Hình thức đề tài: .....
- Tổng cộng: .....

*Bình Định, ngày .... tháng .... năm.....*

**Giảng viên hướng dẫn**

**ThS. Trần Thị Quanh**

## **NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/ PHẢN BIỆN**

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm

Lớp: Kế toán 41A

Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

### **I. Nội dung nhận xét:**

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết: .....
- .....
- Cơ sở số liệu: .....
- .....
- Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày: .....
- Kết cấu của đề tài: .....

3. Những nhận xét khác: .....

.....

### **II. Đánh giá cho điểm:**

- Nội dung đề tài: .....
- Hình thức đề tài: .....
- Tổng cộng: .....

*Bình Định, ngày .... tháng .... năm.....*

**Giảng viên phản biện**

# MỤC LỤC

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b> .....	<b>3</b>
<b>1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng</b> .....	<b>3</b>
<i>1.1.1. Khái niệm nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>3</i>
<i>1.1.2. Đặc điểm khoản mục nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>3</i>
<i>1.1.3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>4</i>
<i>1.1.4. Phương pháp kế toán nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i> .....	<i>5</i>
<i>1.1.6. Mục tiêu kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>7</i>
<i>1.1.7. Các sai phạm thường gặp khi kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>8</i>
<b>1.2. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng</b> .....	<b>9</b>
<i>1.2.1. Các yêu cầu của kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>9</i>
<i>1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát đối với nợ phải thu khách hàng</i> .....	<i>9</i>
<b>1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng</b> .....	<b>11</b>
<i>1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán</i> .....	<i>12</i>
<i>1.3.2. Thực hiện kiểm toán</i> .....	<i>16</i>
<i>1.3.3. Kết thúc kiểm toán</i> .....	<i>21</i>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM</b> .....	<b>25</b>
<b>2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM</b> .....	<b>25</b>
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM</i> .....	<i>25</i>
<i>2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM</i> .....	<i>28</i>

2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty.....	29
2.1.4. Quy trình kiểm toán của công ty .....	30
<b>2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM .....</b>	<b>34</b>
2.2.1. Đánh giá và chấp nhận khách hàng .....	35
2.2.2. Tiền kế hoạch .....	42
2.2.3. Lập kế hoạch kiểm toán.....	45
2.2.4. Thực hiện kiểm toán.....	50
2.2.5. Kết thúc kiểm toán.....	59
<b>2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.....</b>	<b>60</b>
2.3.1. Ưu điểm .....	60
2.3.2. Hạn chế .....	61
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM .....</b>	<b>64</b>
3.1. Quan điểm hoàn thiện của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM .....	64
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM ...	65
3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính, Hiệp hội nghề nghiệp,...) .....	69
3.3.1. Kiến nghị đến Bộ Tài chính.....	69
3.3.2. Kiến nghị đến Hội nghề nghiệp.....	70
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>72</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>73</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
BCTC	Báo cáo tài chính
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DN	Doanh nghiệp
IFRS	Chuẩn mực BCTC Quốc tế
GD, TGD	Giám đốc, Tổng giám đốc
GLV	Giấy làm việc
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT-BTC	Thông tư - Bộ Tài chính
VACPA	Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam
VSA	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng .....	7
Bảng 1.2: Bảng câu hỏi về hệ thống KSNB đối với nợ phải thu khách hàng .....	14
Bảng 1.3: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng .....	17
Bảng 1.4: Minh họa các xét đoán của KTV .....	23
Bảng 2.1: Kết quả kinh doanh của ECOVIS AFA VIETNAM qua các năm.....	27
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp GLV liên quan khoản mục nợ phải thu khách hàng của ECOVIS AFA VIETNAM .....	34
Bảng 2.3: Bảng phân tích sơ bộ biến động doanh thu và nợ phải thu .....	43
của Công ty TNHH A .....	43
Bảng 2.4: Tỷ lệ tính mức trọng yếu tổng thể của ECOVIS AFA VIETNAM .....	46



# DANH MỤC SƠ ĐỒ

	<b>Trang</b>
Sơ đồ 1.1: Phương pháp kế toán nợ phải thu khách hàng .....	5
Sơ đồ 1.2: Phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khách hàng .....	7
Sơ đồ 1.3: Cách thức tổ chức chu trình bán hàng.....	11
Sơ đồ 1.4: Chu trình kiểm toán theo VACPA .....	12
Sơ đồ 1.5: Quy trình chấp nhận khách hàng.....	13
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức ECOVIS AFA VIETNAM .....	27
Sơ đồ 2.2: Các giai đoạn kiểm toán tại ECOVIS AFA VIETNAM.....	31

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang trong xu hướng kinh tế hội nhập và phát triển, thị trường kinh doanh ngày càng rộng mở đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của nhiều loại hình doanh nghiệp. Đi đôi với sự phát triển ấy là sự gia tăng nhu cầu sử dụng thông tin tài chính và vấn đề trung thực, hợp lý của thông tin trên BCTC ngày càng trở nên cấp thiết. Vì vậy, nhu cầu về kiểm toán BCTC càng trở thành tất yếu. Với chức năng xác minh tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, kiểm toán không chỉ đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư, lợi ích của các chủ sở hữu vốn và của chính bản thân doanh nghiệp mà còn giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội có được những thông tin kinh tế, tài chính trung thực từ các doanh nghiệp.

Kiểm toán BCTC là một bộ phận của kiểm toán độc lập, mục đích cuối cùng là để KTV đưa ra ý kiến kiểm toán về sự trình bày một cách trung thực và hợp lý thông tin trên BCTC của một đơn vị. Việc này không chỉ được các đối tượng bên ngoài mà phía nhà quản lý doanh nghiệp cũng rất quan tâm. Họ muốn nắm bắt chính xác tình hình quản lý nguồn lực của mình có thật sự hiệu quả và hữu hiệu hay không. Khi tiếp cận BCTC của doanh nghiệp, nợ phải thu khách hàng luôn là một khoản mục khá nhạy cảm. Bởi lẽ, bên cạnh các tài sản cố định và hàng tồn kho thì nợ phải thu khách hàng cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng tài sản và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường là một nhân tố thúc đẩy nhiều đơn vị phải mở rộng chính sách bán chịu và điều này làm tăng rủi ro có sai phạm khi kiểm toán khoản mục này. Nếu khoản nợ phải thu quá lớn sẽ làm ảnh hưởng đến kết cấu tài sản cũng như công tác quản lý thu hồi nợ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, “Nợ phải thu khách hàng” là một loại tài sản nhạy cảm với những gian lận rất phổ biến như bị chiếm dụng hoặc biến thủ tài sản mà tần suất phát sinh là tương đối lớn. Do đó, khoản mục nợ phải thu khách hàng ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của công ty. Không chỉ vậy, việc thu hồi nợ cũng tác động trực tiếp đến khả năng xoay vòng vốn của doanh nghiệp, bởi khi khả năng thu hồi nợ tốt sẽ làm cho doanh nghiệp nắm giữ lượng tiền nhiều hơn để lo cho các dự án kinh doanh mới. Vì vậy, các KTV thường rất thận trọng khi kiểm toán khoản mục này với mục tiêu cung cấp cho người sử dụng BCTC một cái nhìn trung thực và khách quan nhất.

Hiểu được tầm quan trọng của khoản mục này trong kiểm toán BCTC, em quyết định chọn đề tài ***“Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống cơ sở lý luận về kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.
- Tìm hiểu thực trạng kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.
- Đánh giá và đưa ra một số ý kiến kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Không gian: Nghiên cứu tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

+ Dữ liệu thu thập: Số liệu kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

+ Thời gian thực hiện: Từ ngày 27/12/2021 đến ngày 31/03/2022.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến đề tài.
- Phương pháp quan sát: Trực tiếp tham gia kiểm toán khách hàng.
- Phương pháp phỏng vấn: Thông qua các câu hỏi phỏng vấn khách hàng.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập số liệu trong quá trình kiểm toán tại công ty.
- Phương pháp thống kê, so sánh đối chiếu: So sánh hồ sơ Kiểm toán qua các năm.

## **5. Kết cấu đề tài**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận thì đề tài này gồm có 3 phần chính:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.

**Chương 2:** Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

**Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

## 1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng

### 1.1.1. Khái niệm nợ phải thu khách hàng

Theo Thông tư 200/2014/TT - BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014: “*Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác*”.

Khoản mục nợ phải thu khách hàng trình bày tại phần A “Tài sản ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán gồm khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” (mã số 131) ghi theo số phải thu gộp. Riêng khoản “Phải thu dài hạn của khách hàng” (mã số 211) được trình bày trong phần B “Tài sản dài hạn”.

### 1.1.2. Đặc điểm khoản mục nợ phải thu khách hàng

Nợ phải thu khách hàng là một khoản mục mang tính chất trọng yếu bởi nó có những đặc điểm sau đây:

- Khoản mục nợ phải thu khách hàng được phản ánh thông qua tài khoản 131. Tài khoản này có số dư bên Nợ và số dư bên Có. Số dư bên Nợ thể hiện số tiền phải thu của khách hàng, số dư bên Có thể hiện số tiền nhận trước hoặc số tiền đã thu nhiều hơn số tiền phải thu của khách hàng. Chính vì có số dư cả hai bên Nợ và Có nên khoản mục này tiềm tàng một số rủi ro nhất định. Ví dụ như trong quá trình bù trừ công nợ, kế toán dễ nhầm lẫn cái đối tượng khách hàng,...

- Nợ phải thu khách hàng là khoản mục liên quan mật thiết đến kết quả kinh doanh, do đó là đối tượng để sử dụng các thủ thuật thổi phồng hoặc che giấu doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư nếu không xem xét kỹ BCTC, chỉ nhìn vào doanh thu và lợi nhuận dễ đưa ra những quyết định sai lầm.

- Khoản mục phải thu khách hàng là một khoản mục rất quan trọng và có mối liên hệ với nhiều khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ví dụ như như khoản mục tiền, dự phòng phải thu khó đòi, chi phí, hàng tồn kho, doanh thu...

- Nợ phải thu khách hàng được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Tuy nhiên, do việc lập dự phòng phải thu khó đòi thường dựa vào ước tính của các nhà quản lý nên sẽ thiếu tính chính xác, có nhiều khả năng sai sót và khó kiểm tra.

### ***1.1.3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu khách hàng***

- Theo Thông tư 200/2014/TT – BTC, khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Khi hạch toán không được phép bù trừ các khoản phải thu và phải trả của các đối tượng khác nhau và nếu không có sự thỏa thuận giữa các bên với doanh nghiệp.

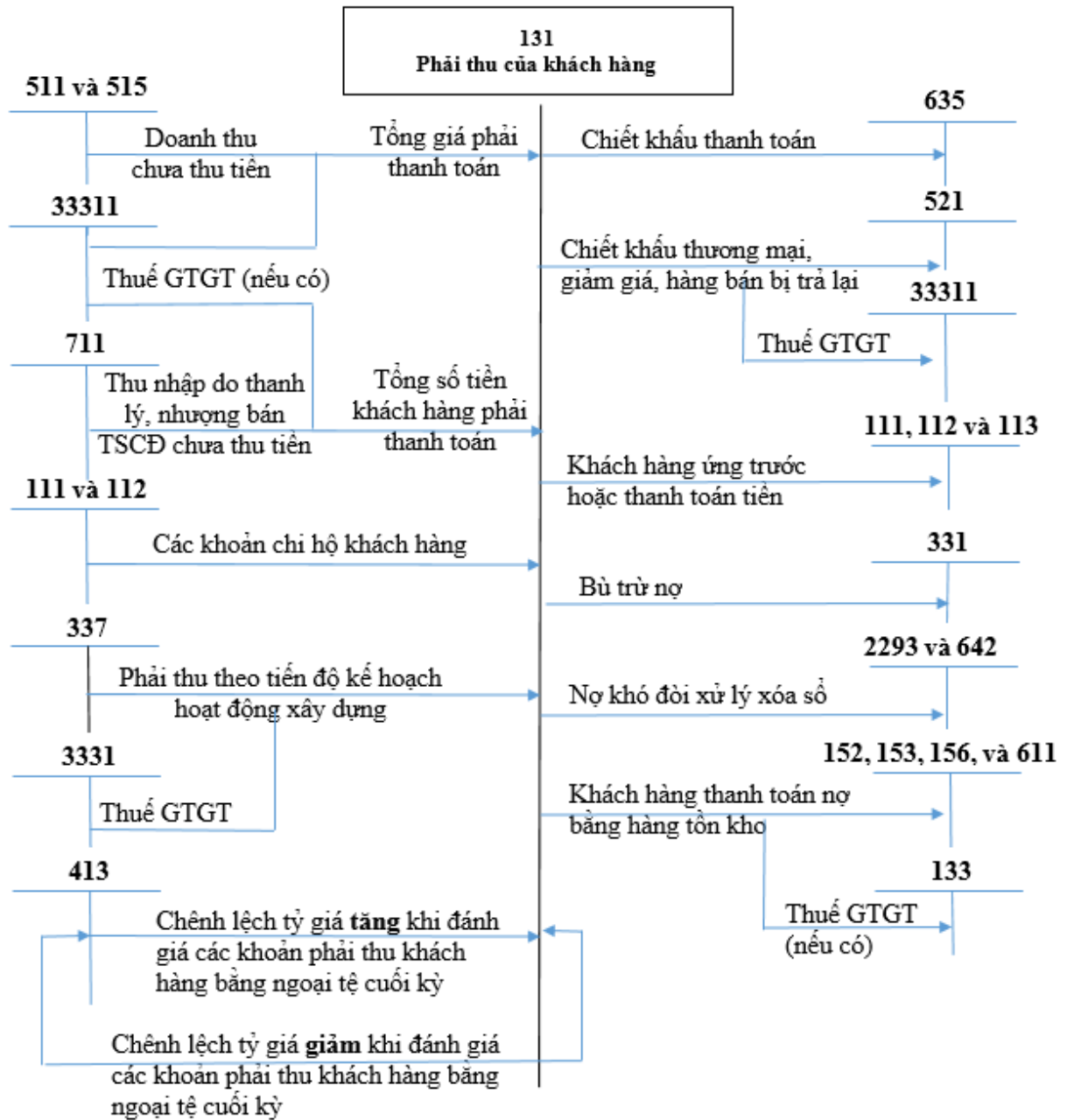
- Hàng kỳ, kế toán phải thực hiện kiểm tra, đối chiếu công nợ đối với từng khoản phải thu, số đã thu, số còn phải thu để tránh nhầm lẫn cũng như kịp thời phát hiện các sai sót để sửa chữa, đặc biệt là đối với các khách hàng có quan hệ giao dịch thường xuyên, số dư khoản phải thu lớn.

- Theo nguyên tắc thận trọng, khi lập BCTC, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản thu để phân loại là dài hạn hay ngắn hạn. Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào sự phân loại đó trên Bảng cân đối kế toán.

- Với những khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ, kế toán phải theo dõi đồng thời cả số dư ngoại tệ và Việt Nam đồng theo tỷ giá thích hợp. Vào ngày cuối cùng mỗi kỳ kế toán, doanh nghiệp cần thực hiện đánh giá lại số dư các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ, ngoại trừ các khoản trả trước từ người mua. Cuối kỳ cần đánh giá lại các khoản phải thu khách hàng này và điều chỉnh theo giá trị thực tế.

### 1.1.4. Phương pháp kế toán nợ phải thu khách hàng

Hạch toán các nghiệp vụ liên quan tới tài khoản 131 như trong sơ đồ 1.1.



(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

### Sơ đồ 1.1: Phương pháp kế toán nợ phải thu khách hàng

#### 1.1.5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

##### 1.1.5.1. Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi

Theo Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn về việc lập và xử lý các khoản dự phòng, trong đó có dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị tổn thất các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được

đúng hạn. Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ đó, kèm theo là chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì DN dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

#### 1.1.5.2. Nguyên tắc kế toán

- Khi lập BCTC: DN xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

- DN trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng, hoặc cam kết nợ, DN đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc này căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua - bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

- Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận nợ từ khách nợ về số tiền còn lại chưa trả gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

+ Mức trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

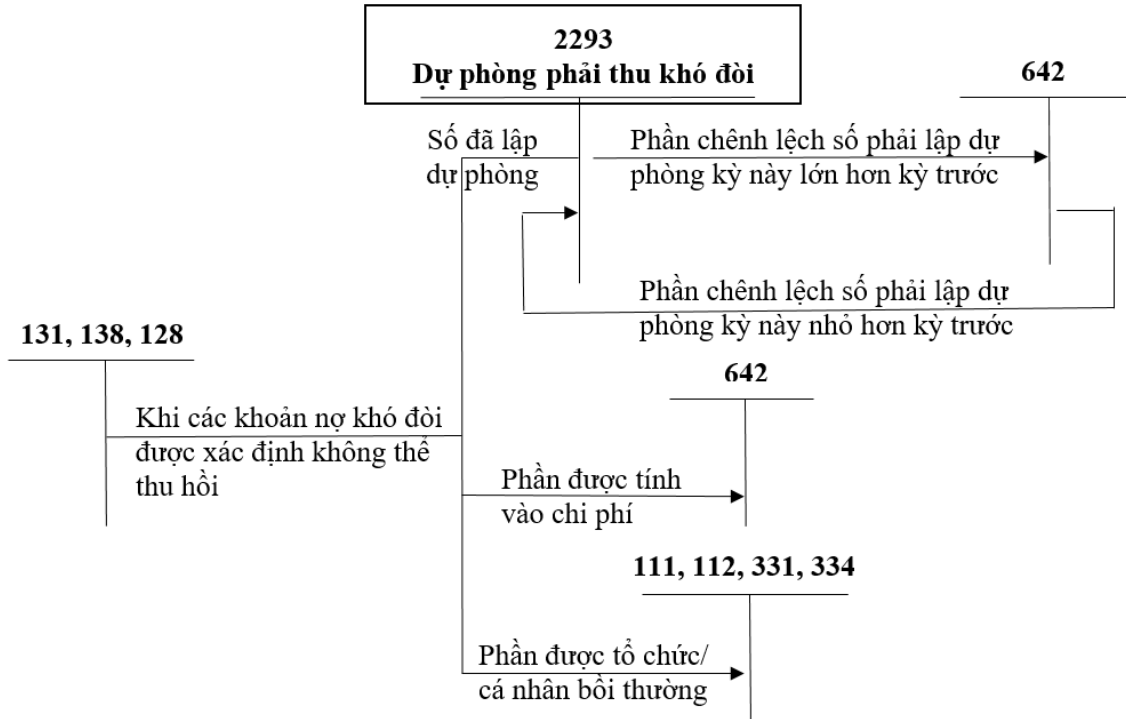
- Việc trích lập hay hoàn nhập khoản dự phòng phải thu đòi được thực hiện ở thời điểm lập BCTC.

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch được ghi tăng vào dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài qua nhiều năm, DN phải thực hiện các thủ tục cần thiết và xóa nợ trên sổ sách kế toán. Nếu sau khi đã xóa nợ, DN đòi lại được nợ thì xử lý số tiền thu được đó vào tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

### 1.1.5.3. Phương pháp kế toán



(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

## Sơ đồ 1.2: Phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khách hàng

### 1.1.6. Mục tiêu kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng

Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng cần đảm bảo mục tiêu của các CSDL được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng**

CSDL	Mục tiêu kiểm toán
Tính hiện hữu	Đảm bảo tất cả các khoản phải thu khách hàng được ghi nhận trong sổ Cái là có thật tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
Tính đầy đủ	Đảm bảo tất cả các giao dịch bán hàng phát sinh tại hoặc trước ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận đầy đủ trong sổ Cái.
Quyền và nghĩa vụ	Đảm bảo đơn vị sở hữu hay có quyền hợp pháp đối với tất cả các khoản phải thu được ghi nhận vào sổ Cái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản phải thu khách hàng không bị hạn chế quyền sử dụng, quyền sở hữu, hoặc các quyền lợi được đảm bảo khác nếu không, các quyền



	bị hạn chế đó phải được xác minh và trình bày trong thuyết minh BCTC.
Đánh giá	Đảm bảo các khoản lập dự phòng được lập đầy đủ cho các khoản phải thu khó đòi; các khoản bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thích hợp.
Chính xác	Chứng minh đơn vị đã ghi chép đúng số tiền gộp trên BCTC và phù hợp giữa chi tiết của khoản nợ phải thu khách hàng trên Sổ Cái.
Trình bày và thuyết minh	Đảm bảo tất cả các thuyết minh cần thiết liên quan đến khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn được lập chính xác, mô tả phù hợp trong Thuyết minh BCTC.

(Nguồn: Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, 2020)

Trong quá trình kiểm toán, mục tiêu “Hiện hữu” được KTV quan tâm nhất vì có khả năng đơn vị sẽ khai không hay che giấu chúng. Bên cạnh đó, mục tiêu “Đánh giá và phân bổ” cũng được quan tâm vì khả năng sai sót do đơn vị đánh giá các khoản nợ phải thu khách hàng chưa phù hợp.

#### **1.1.7. Các sai phạm thường gặp khi kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng là khoản mục có tính chất trọng yếu trên BCTC và cũng là khoản mục có nhiều sai sót xảy ra. Dưới đây là một số sai phạm thường xảy ra đối với khoản mục này:

- Sai sót trong khâu hạch toán của kế toán công nợ:

+ Số nợ phải thu khách hàng phản ánh trên sổ sách kế toán cao hơn thực tế. Sai phạm này xảy ra khi kế toán ghi nhận các khoản phải thu khách hàng cao hơn so với số liệu thu được trên chứng từ gốc; hoặc hạch toán hai lần cho một nghiệp vụ phát sinh.

+ Kế toán viên bù trừ các khoản công nợ phải thu và phải trả cho nhiều khách hàng dẫn đến nhầm lẫn giữa các đối tượng.

+ Không theo dõi chính xác tuổi nợ; không theo dõi riêng biệt các khoản phải thu ngắn hạn hay dài hạn.

+ Chưa trích lập các khoản dự phòng các khoản phải thu bị quá hạn hay không có khả năng thu hồi.

- Sai sót trong khâu theo dõi và quản lý công nợ:

+ Kế toán quản lý công nợ không chặt chẽ, không thường xuyên quyết toán dẫn đến khó khăn trong công tác thu hồi công nợ.

+ Không đôn đốc thu hồi nợ, không tiến hành lập Bảng chi tiết công nợ theo tuổi nợ; không có sự kết nối và cập nhật thông tin giữa bộ phận kinh doanh và phòng kế toán nên nhiều khách hàng nợ quá hạn không có khả năng thanh toán trong tương lai vẫn chấp nhận giao dịch mới.

+ Không tìm hiểu kỹ và không xét duyệt đầy đủ trong việc giao dịch phát sinh với khách hàng mới.

- Sai sót trong quá trình đối chiếu:

+ Kế toán không chú trọng đến việc gửi Thư đối chiếu xác nhận công nợ vào cuối kỳ hoặc cuối năm.

+ Khi có chênh lệch giữa Thư xác nhận và Biên bản đối chiếu công nợ, kế toán không tìm hiểu nguyên nhân.

## **1.2. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng**

### ***1.2.1. Các yêu cầu của kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng***

Vì nợ phải thu khách hàng có mối liên hệ chặt chẽ với chu trình bán hàng của đơn vị nên việc hệ thống KSNB không hiệu quả sẽ dẫn đến sai sót trong nợ phải thu khách hàng. Do vậy, muốn hiểu và đánh giá rủi ro trong kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng ta cần tìm hiểu hoạt động của hệ thống KSNB đối với chu trình bán hàng.

Các mục tiêu KSNB đối với nợ phải thu khách hàng trong thực tế gồm các việc như: tách biệt chức năng phân công phân nhiệm, xét duyệt các nghiệp vụ bán hàng,... Để giảm thiểu các rủi ro điển hình như một cá nhân có quyền thực hiện nhiều khâu công việc trong một quy trình. Mức độ phân chia trách nhiệm càng cao thì càng dễ phát hiện sai phạm.

### ***1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát đối với nợ phải thu khách hàng***

Doanh nghiệp cần thiết kế các thủ tục kiểm soát chặt chẽ đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng để ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những gian lận, nhằm lẫn có thể xảy ra, đồng thời mọi bộ phận của đơn vị đều phải tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm túc, đồng bộ các quy định. Các thủ tục kiểm soát thường được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau:

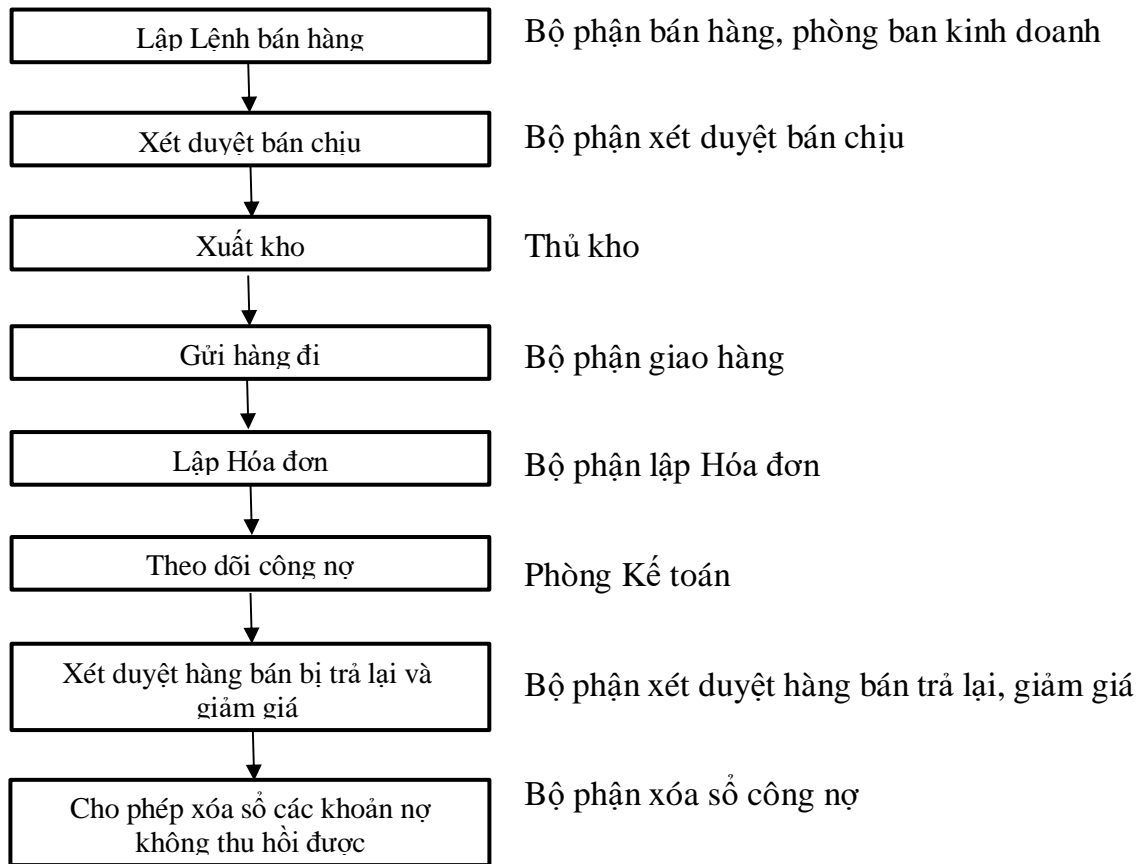
- Nguyên tắc “phân công, phân nhiệm”: Trong chu trình bán hàng – thu tiền có nhiều người tham gia, công việc cần được phân chia cho nhiều người, không để một người làm quá nhiều việc còn người lại không có việc làm. Việc phân công phân nhiệm rõ ràng tạo sự chuyên môn hóa trong công việc, sai sót ít xảy ra hơn và khi xảy ra thường dễ phát hiện. Mục đích là không để cho một cá nhân hay bộ phận nào nắm mọi mặt của một nghiệp vụ. Do vậy, nên phân chia và tách biệt các chức năng giữa các bộ phận như bộ phận bán hàng, bộ phận xét duyệt bán chịu, bộ phận giao hàng, bộ phận lập hóa đơn, bộ phận kho,...

- Nguyên tắc “bất kiêm nhiệm”: Nguyên tắc này tránh việc một bộ phận có nhiều hơn một chức năng. Người kiểm tra phải độc lập với người bị kiểm tra và công việc kiểm tra. Thủ tục này nhằm nâng cao ý thức chấp hành kỉ luật, tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các cá nhân, bộ phận trong đơn vị. Đặc biệt, nguyên tắc “bất kiêm nhiệm” phải được tôn trọng trong các trường hợp như: bất kiêm nhiệm trong việc bảo vệ tài sản với kế toán; bất kiêm nhiệm trong việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế với việc thực hiện các nghiệp vụ đó; bất kiêm nhiệm giữa việc điều hành với trách nhiệm ghi sổ.

- Nguyên tắc “phê chuẩn, ủy quyền”: Trong một DN, nếu ai cũng có quyền phê chuẩn hay xét duyệt thì mọi việc sẽ rất hỗn loạn và phức tạp. Phê chuẩn là biểu hiện cụ thể của việc quyết định và giải quyết một công việc trong phạm vi nhất định. Ví dụ trong chu trình bán hàng – thu tiền, các cam kết về ngày giao hàng, lượng hàng bán ra, các đề nghị mua chịu của khách hàng, hay các lệnh bán hàng, xóa sổ nợ... cần được người có thẩm quyền xét duyệt. Nhà quản lý có thể ủy quyền cho cấp dưới thông qua việc ban hành các chính sách.

Như đã nêu ở trên, hệ thống KSNB hữu hiệu về chu trình bán hàng cần phải tách biệt các chức năng, và phân nhiệm cho những cá nhân hay bộ phận khác nhau phụ trách. Tùy theo quy mô và đặc điểm của từng doanh nghiệp mà cách thức tổ chức cụ thể về KSNB trong chu trình bán hàng có thể khác nhau. Cách thức tổ chức chu trình bán hàng (chủ yếu là bán chịu) ở một công ty có quy mô lớn được thể hiện vắn tắt trong sơ đồ 1.2.

Nếu mức độ phân chia trách nhiệm càng cao thì các sai phạm càng dễ bị phát hiện nhờ sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận với nhau. Do đó khả năng xảy ra các gian lận và nhầm lẫn sẽ được giảm thiểu. (Ví dụ: *Bộ phận bán hàng* chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn đặt hàng và lập lệnh bán hàng. *Bộ phận xét duyệt bán chịu* sẽ chịu trách nhiệm xây dựng tất cả các trường hợp bán chịu theo đúng chính sách, quy định của đơn vị. Nếu bán hàng trả chậm có giá trị lớn cần có sự phê duyệt của cấp cao hơn. *Bộ phận kho* chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa, xuất kho theo lệnh bán hàng đã được phê duyệt. *Bộ phận giao hàng* chịu trách nhiệm kiểm tra độc lập hàng hóa trước khi giao hàng. *Bộ phận lập hóa đơn* chịu trách nhiệm lập hóa đơn bán hàng. *Bộ phận theo dõi nợ phải thu* sẽ ghi nhận nợ phải thu, liên lạc với khách hàng, đốc thúc việc trả tiền, theo dõi và phân tích tuổi nợ; xóa sổ nợ phải thu khó đòi).

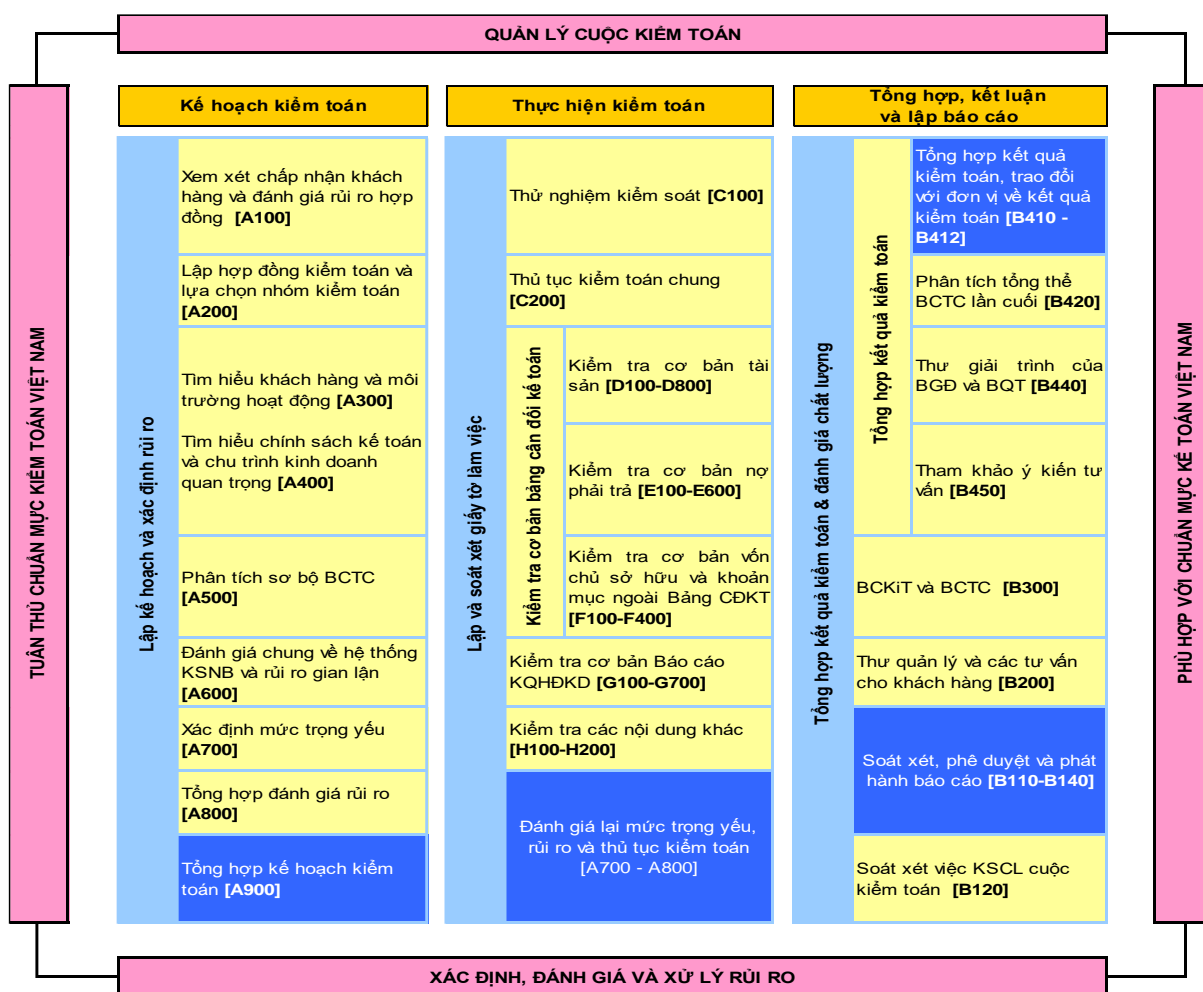


(Nguồn: Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, 2020)

### Sơ đồ 1.3: Cách thức tổ chức chu trình bán hàng

#### 1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng

Chương trình kiểm toán mẫu của VACPA được thể hiện trong sơ đồ 1.4. Chương trình kiểm toán mẫu có 3 giai đoạn: kế hoạch kiểm toán; thực hiện kiểm toán; tổng hợp kết luận và báo cáo. Trong giai đoạn thứ nhất, KTV cần chú ý xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng vì đây là bước đầu tiên quyết định xem có thực hiện được hợp đồng kiểm toán hay không. Ở giai đoạn thứ hai, khi KTV đã xác định được phạm vi của cuộc kiểm toán, sẽ thực hiện các thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản. Đây là một bước công việc không thể thiếu của cuộc kiểm toán, dù hệ thống kiểm soát có hiệu quả, hữu hiệu tới đâu thì cũng phải làm các thử nghiệm cơ bản. Sau cùng là tổng hợp các kết quả kiểm toán và trao đổi với đơn vị khách hàng; bước cuối cùng là soát xét, phê duyệt và phát hành báo cáo.



(Nguồn: VACPA, 2019)

### 1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán

#### a. Xem xét và chấp nhận khách hàng

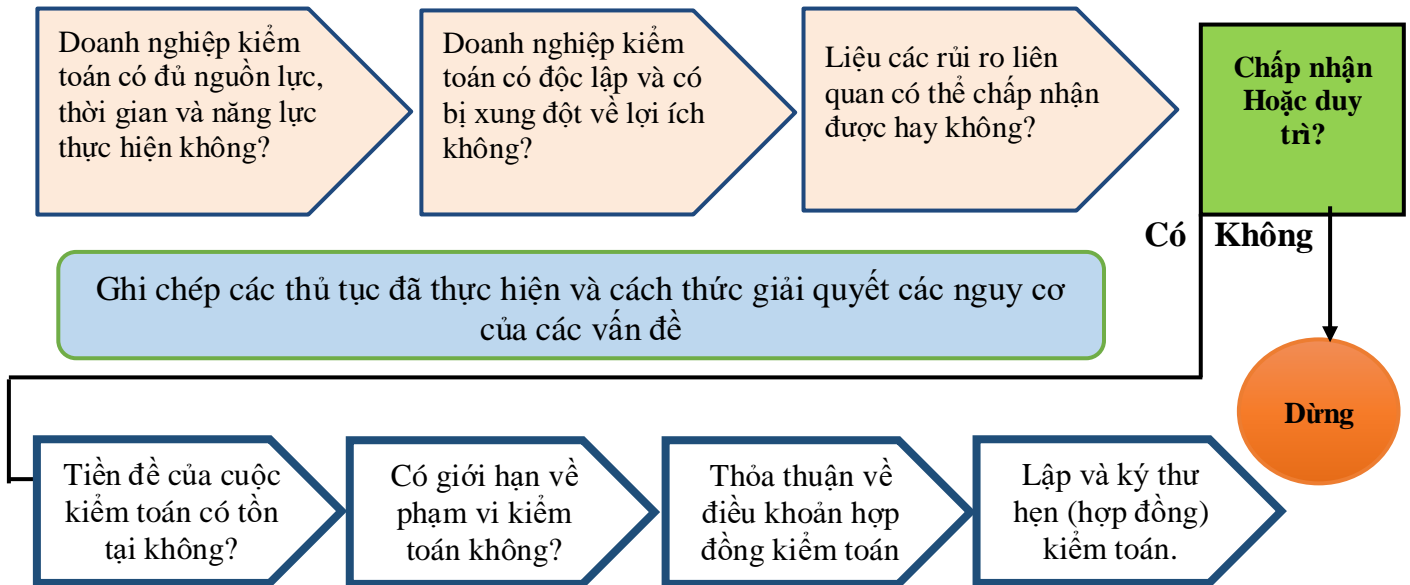
Nhóm KTV phải thu thập các thông tin cần thiết trong từng trường hợp trước khi quyết định tiếp tục duy trì quan hệ khách hàng hiện tại hay cân nhắc việc chấp nhận khách hàng mới. Trong đó, phải xét đến các yếu tố sau đây:

- Tính chính trực của các chủ sở hữu chính, thành viên chủ chốt của ban GD và ban quản trị; tên tuổi và danh tính của các chủ sở hữu chính, đặc điểm hoạt động của khách hàng, quan điểm của chủ sở hữu chính, liệu khách hàng có quan tâm đến mức phí kiểm toán càng thấp càng tốt hay không; các dấu hiệu về hạn chế phạm vi công việc kiểm toán, lý do chọn doanh nghiệp kiểm toán hiện tại và không tái bổ nhiệm doanh nghiệp kiểm toán tiền nhiệm,...

- Năng lực chuyên môn và khả năng của nhóm kiểm toán: Doanh nghiệp kiểm toán phải soát xét các yêu cầu kiểm toán cụ thể của hợp đồng dịch vụ và năng lực của thành viên ban GD,...

- Các vấn đề trọng yếu phát sinh trong cuộc kiểm toán năm hiện hành hoặc năm trước và những ảnh hưởng đối với việc duy trì quan hệ khách hàng.

Khi xem xét chấp nhận khách hàng mới hoặc với khách hàng hiện tại, nếu phát hiện khả năng xung đột về lợi ích, doanh nghiệp kiểm toán phải xác định có nên chấp nhận hợp đồng hay không. Ngoài ra, đối với khách hàng kiểm toán năm đầu tiên, doanh nghiệp kiểm toán nên liên hệ với KTV tiền nhiệm tìm hiểu trước để có cơ sở đưa ra quyết định đúng đắn.



(Nguồn: VACPA, 2019)

### Sơ đồ 1.5: Quy trình chấp nhận khách hàng

#### b. Tìm hiểu đánh giá hệ thống KSNB

Sau khi tìm hiểu về đơn vị, KTV cần phải có sự hiểu biết về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng. Theo VSA 315, KTV tìm hiểu về mặt thiết kế và triển khai của hệ thống KSNB để đánh giá rủi ro và xác định nội dung, lịch trình, phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo. Việc tìm hiểu và đánh giá KSNB trong giai đoạn lập kế hoạch này được thực hiện gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá KSNB ở cấp độ toàn doanh nghiệp. KTV cần tìm hiểu 5 bộ phận cấu thành bao gồm: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hệ thống thông tin liên quan đến việc lập và trình bày BCTC và trao đổi thông tin, các hoạt động kiểm soát và giám sát.

- Phần 2: Tìm hiểu KSNB về chu trình kinh doanh chính và chu trình khóa sổ, lập và trình bày BCTC. Để đánh giá KSNB đối với chu trình này, KTV cần thực hiện sáu bước sau:

+ Bước 1 - Xác định mục tiêu kiểm soát: Mục tiêu kiểm soát chủ yếu dựa vào một số CSDL như tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính chính xác.

+ Bước 2 - Xác định rủi ro có thể xảy ra: Xác định được rủi ro có thể xảy ra dẫn đến mục tiêu kiểm soát tương ứng không thực hiện được.

+ Bước 3 - Xác định thủ tục kiểm soát chính: Xác định thủ tục kiểm soát chủ yếu mà DN sử dụng để ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa các rủi ro đã xác định một cách có hiệu quả.

+ Bước 4 - Đánh giá thủ tục kiểm soát chính về mặt thiết kế: Sử dụng các thủ tục phỏng vấn, trao đổi, quan sát và vận dụng xét đoán chuyên môn để đánh giá xem chúng có ngăn ngừa, phát hiện hay sửa chữa các rủi ro một cách hiệu quả hay không.

+ Bước 5 – Đánh giá thủ tục kiểm soát chính về mặt triển khai: Kiểm tra xem DN có thực sự sử dụng các thủ tục kiểm soát này không bằng cách chọn một hoặc hai nghiệp vụ kiểm tra chứng từ từ lúc bắt đầu đến khi ghi nhận vào BCTC.

+ Bước 6 – Quyết định có thực hiện kiểm tra tính hiện hữu của thủ tục kiểm soát chính hay không: Tùy theo mức độ hữu hiệu trong việc ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa sai sót hoặc gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến các CSDL của các chỉ tiêu trên BCTC của hệ thống KSNB, KTV có thể quyết định thực hiện hoặc không thực hiện kiểm tra tính hữu hiệu của các thử nghiệm kiểm soát mà thay vào đó chỉ thực hiện thử nghiệm cơ bản.

Bảng câu hỏi về hệ thống KSNB của DN dưới đây là một loạt câu hỏi về cơ cấu KSNB. Liệt kê những câu hỏi với câu trả lời “Có” hoặc là “Không”.

**Bảng 1.2: Bảng câu hỏi về hệ thống KSNB đối với nợ phải thu khách hàng**

Câu hỏi	Trả lời		Đánh giá của KTV về yếu kém của KSNB		Ghi chú
	Có	Không	Quan trọng	Thứ yếu	
1. Các khoản bán chịu có được xét duyệt trước khi gửi hàng không?					
2. Các chính sách bán chịu có được cụ thể hóa cho từng đối tượng khách hàng hay không?					
3. Các Chứng từ gửi hàng có được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng không?					

4. Các Hóa đơn bán hàng có được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng không?					
5. Có quy định bắt buộc kiểm tra để đảm bảo rằng mọi hàng hóa gửi đi đều đã được lập Hóa đơn hay không?					
6. Có bảng giá được duyệt để làm cơ sở tính tiền trên Hóa đơn hay không?					
7. Phương thức tín dụng có được xem xét và phê chuẩn bởi 1 nhân viên có trách nhiệm hay không?					
8. Hóa đơn có được kiểm tra độc lập trước khi gửi đi hay không?					
9. Hàng tháng có gửi bảng sao kê công nợ cho khách hàng hay không?					
10. Nguyên nhân trả hàng có được điều tra hay không?					
11. Việc nhận hàng bị trả lại có sự phê duyệt của người có thẩm quyền hay không?					
12. Hàng tháng đơn vị có gửi Bản sao kê công nợ để đối chiếu với khách hàng hay không?					
13. Đơn vị có phân loại doanh thu bán hàng thu tiền mặt và doanh thu bán chịu hay không?					
14. Việc xóa sổ nợ phải thu khó đòi có được phê chuẩn và được thực hiện bằng văn bản hay bởi Giám đốc hay người có thẩm quyền hay không?					

(Nguồn: Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, 2020)

Sau khi kết thúc phần tìm hiểu, KTV phải xác định được: (1) Yếu tố có thể gây rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ toán DN (nếu có), các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận; (2) Các yếu tố đó có ảnh hưởng đến nhóm giao dịch, số dư tài khoản, thông tin thuyết minh nào, hoặc đến tổng thể BCTC; (3) Các thủ tục kiểm soát làm giảm rủi ro; (4) Các thủ tục kiểm toán cơ bản bổ sung.

c. Thủ tục đánh giá rủi ro



Trên cơ sở hiểu biết về đơn vị, môi trường kinh doanh của đơn vị và hệ thống KSNB, KTV có thể đánh giá sự hữu hiệu của hệ thống KSNB trong việc ngăn chặn và phát hiện sai sót trọng yếu. Căn cứ mức độ hữu hiệu của hệ thống KSNB, KTV sẽ đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát theo từng CSDL bằng tỷ lệ % hay là theo mức độ: cao, trung bình và thấp. Thông thường khi đánh giá rủi ro kiểm soát, KTV thường dự kiến ở mức cao nhất có thể. Nếu hệ thống KSNB được thiết kế và vận hành hữu hiệu thì rủi ro kiểm toán được đánh giá là thấp hơn mức tối đa, KTV cần phải bổ sung thêm những bằng chứng thu được từ kết quả thực hiện các thử nghiệm kiểm soát. Đây là cơ sở giúp KTV giới hạn phạm vi của các thử nghiệm cơ bản. Ngược lại, nếu mức rủi ro kiểm toán được đánh giá là tối đa và không giảm được, KTV không thực hiện các thử nghiệm kiểm soát mà chỉ thực hiện các thử nghiệm cơ bản ở mức độ phù hợp.

#### d. Xác lập mức trọng yếu

Mục tiêu: Nhóm kiểm toán sẽ thực hiện lập mức trọng yếu kế hoạch trước kiểm toán tại đơn vị dựa trên chỉ tiêu được chọn với tỷ lệ thích hợp. Từ đó xác định mức trọng yếu thực hiện và ngưỡng sai sót có thể bỏ qua. Sau khi kết thúc giai đoạn thực hiện kiểm toán, KTV sẽ xác định lại mức trọng yếu ở giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, xem xét và có thể điều chỉnh mức trọng yếu kế hoạch nếu cần thiết.

### ***1.3.2. Thực hiện kiểm toán***

#### *1.3.1.1. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát*

KTV phải thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống KSNB đối với nợ phải thu khách hàng. Điều này rất quan trọng vì đây là cơ sở để KTV xác định phạm vi của các thử nghiệm cơ bản.

Để cung cấp những cơ sở hợp lý cho việc kết luận về tính hữu hiệu của hệ thống KSNB chính trong toàn bộ kỳ được kiểm toán, KTV sử dụng phương pháp chọn mẫu để xem xét việc thực hiện hoạt động kiểm soát trong thực tế đơn vị. KTV tiến hành kiểm tra trên các phần tử đã chọn lọc. Kết thúc công việc này, KTV kết luận về hoạt động kiểm soát có được thực hiện đầy đủ hay không.

Có bốn kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong thử nghiệm kiểm soát, đó là:

- Phỏng vấn: KTV có thể đặt câu hỏi cho nhân viên của đơn vị liên quan đến các hoạt động kiểm soát để hiểu được kiểm soát nào là bắt buộc và tính hữu hiệu của chúng. Khi sử dụng kỹ thuật này, độ tin cậy thường rất thấp nên không đủ để kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát, cần kết hợp thêm các thử nghiệm khác.

- Quan sát: KTV có thể quan sát nhân viên của đơn vị thực hiện các công việc hằng ngày để xem liệu họ có tuân thủ các quy định kiểm soát hay không.

- Kiểm tra tài liệu: KTV có thể kiểm tra các chứng từ để xem xét các dấu vết kiểm soát có còn lưu trên các chứng từ đó hay không. Ví dụ kiểm tra các lệnh bán hàng có được phê duyệt trước khi gửi đến bộ phận kho hay không,...

- Thực hiện lại: KTV có thể thực hiện lại một cách độc lập các hoạt động kiểm soát mà đơn vị đã thực hiện trước đó. Ví dụ, KTV thực hiện lại việc đối chiếu giữa phiếu xuất kho đã được xét duyệt với chứng từ gốc (hợp đồng mua hàng, phiếu yêu cầu xuất vật tư,...)

### 1.3.1.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản

Dù cho hệ thống KSNB có hữu hiệu và hiệu quả như thế nào thì KTV vẫn phải thiết kế và thực hiện đầy đủ các thủ tục của thử nghiệm cơ bản (thủ tục phân tích cơ bản và kiểm tra chi tiết). Các thử nghiệm cơ bản và mục tiêu kiểm soát tương ứng khi thực hiện kiểm toán được trình bày trong bảng 1.3 như sau:

**Bảng 1.3: Thử nghiệm cơ bản đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng**

Loại	Thử nghiệm cơ bản	Mục tiêu kiểm toán
<b>Thủ tục phân tích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ Lãi gộp/Doanh thu</li> <li>- Số vòng quay nợ phải thu khách hàng</li> <li>- Số nợ quá hạn</li> <li>- Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/Tổng số nợ phải thu khách hàng năm nay so với năm trước</li> <li>- Dự phòng nợ phải thu khó đòi/Số dư nợ phải thu khách hàng</li> </ul>	Tính hiện hữu, Tính đầy đủ, Đánh giá và phân bổ, Tính chính xác
<b>Kiểm tra chi tiết</b>	Đối chiếu số dư đầu năm với số dư cuối kỳ năm trước và kiểm tra Bảng số dư chi tiết phân tích theo tuổi nợ	Tính chính xác
	Gửi thư xác nhận đến khách hàng	Tính hiện hữu, Quyền và nghĩa vụ
	Kiểm tra việc lập dự phòng phải thu khó đòi	Đánh giá và phân bổ
	Kiểm tra việc khóa sổ nghiệp vụ bán hàng	Tính hiện hữu, Tính đầy đủ
	Xem xét các khoản nợ phải thu khách hàng bị cầm cố, thế chấp	Quyền và nghĩa vụ, Trình bày và thuyết minh

Xem xét các khoản nợ phải thu khách hàng có được phân loại đúng đắn không	Trình bày và thuyết minh
Đánh giá chung về sự trình bày và thuyết minh về các khoản nợ phải thu khách hàng	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, 2020)

#### a. Thủ tục phân tích

Tính tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu so với tỷ lệ ngành hay với những năm trước để xem xét, đánh giá biến động bất thường cần giải thích nguyên nhân. Sự biến động có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân (do biến động thị trường, các chính sách của Nhà nước và trên thế giới, nhu cầu khách hàng,...); sai sót từ số liệu kế toán (ghi chép doanh thu sai kỳ,...)

Tính số vòng quay nợ phải thu khách hàng (được tính bằng doanh thu bán hàng chia cho nợ phải thu khách hàng bình quân) so với tỷ lệ ngành hoặc so với những năm trước để tìm ra biến động bất thường và giải thích nguyên nhân. Có thể giải thích bởi vì chính sách bán chịu của DN thay đổi (thời gian bán chịu, thu hẹp hay mở rộng điều kiện bán chịu...); Phát hiện ra những khoản phải thu khó đòi chưa được lập dự phòng; hoặc do sai sót trong quá trình ghi chép sổ sách.

KTV so sánh số nợ quá hạn hay tỷ lệ nợ khó đòi trên tổng số nợ phải thu khách hàng năm nay so với năm trước để tìm ra biến động trong khâu thu hồi nợ và khả năng chênh lệch số liệu nợ phải thu khách hàng. Cần phải có Bảng tổng hợp công nợ và Bảng phân loại tuổi nợ (nếu có), trong trường hợp không có, KTV tiến hành lập và so sánh số dư chi tiết các khoản phải thu theo các tuổi nợ.

KTV tính tỷ số chi phí dự phòng trên số dư nợ phải thu khách hàng để đánh giá tính hợp lý của lập dự phòng phải thu khó đòi, phát hiện các trường hợp khai khống hay khai thiếu mức dự phòng.

KTV soát xét các khoản mục trên mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng. Cuối cùng, xem xét liệu có các rủi ro cụ thể được xác định từ việc thực hiện các thủ tục phân tích dẫn đến số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn chứa đựng sai sót trọng yếu không.

#### b. Kiểm tra chi tiết

##### - Đối chiếu số dư

KTV lập Bảng tổng hợp số dư cuối kỳ nợ phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi để phân tích biến động và tìm nguyên nhân. Bên cạnh đó, so sánh đối chiếu Sổ chi tiết các tài khoản phải thu từ Bảng cân đối số phát sinh (Số dư cuối kỳ = Số dư đầu kỳ + Phát sinh tăng – Phát sinh giảm) để đảm bảo khách hàng đã cộng sổ đúng và phù hợp.

- Gửi thư xác nhận

KTV gửi thư xin xác nhận đến các khách hàng của đơn vị đang được kiểm toán để thu thập bằng chứng về sự hiện hữu và hạch toán đúng kỳ cũng như tính chính xác của nợ phải thu khách hàng vào thời điểm khóa sổ. Đây là một thủ tục kiểm toán bắt buộc phải làm đối với phần hành nợ phải thu khách hàng. Rủi ro thường gặp nhất đối với phần hành này là đơn vị thường có xu hướng khai khống hay che giấu giá trị của các khoản nợ phải thu khách hàng. Nếu thư xác nhận không được phản hồi, KTV sẽ thực hiện các thủ tục thay thế như: kiểm tra các khoản thanh toán phát sinh sau ngày kết thúc năm hoặc kiểm tra chứng từ chứng minh tính hiện hữu của nghiệp vụ bán hàng (hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao hàng,...) trong năm. Do vậy, việc gửi thư xác nhận sẽ đảm bảo được tính hiện hữu của các khoản nợ phải thu khách hàng này. Các bước công việc thể hiện như sau:

***Thứ nhất, KTV phân nhóm khách hàng:***

- Nhóm khách hàng không có phát sinh công nợ trong kỳ;
- Nhóm khách hàng có số dư công nợ cuối kỳ lớn;
- Nhóm khách hàng có số lượng hay giá trị giao dịch lớn nhưng số dư nhỏ, khách hàng nhỏ lẻ ít phát sinh giao dịch.

***Thứ hai, KTV gửi thư xác nhận đến khách hàng:***

Trong các thủ tục kiểm toán đối với khoản mục này, xác nhận sự hiện hữu của khoản mục nợ phải thu là thủ tục bắt buộc đòi hỏi KTV phải thực hiện. Thủ tục xác nhận nợ phải thu khách hàng do KTV trực tiếp thu thập bằng văn bản từ các nguồn độc lập nên có độ tin cậy cao.

- Hình thức thư xác nhận:

+ Thư xác nhận dạng khẳng định: Theo VSA 505 “Thư xác nhận dạng khẳng định là đề nghị bên xác nhận phúc đáp trực tiếp cho KTV nêu rõ bên phúc đáp đồng ý hay không đồng ý với thông tin cần xác nhận, hoặc cung cấp thông tin yêu cầu xác nhận”. Tuy nhiên nếu thư xác nhận có dạng điền sẵn số liệu thì có rủi ro bên xác nhận có thể trả lời thư xác nhận mà không xác minh thông tin có chính xác hay không. KTV có thể giảm rủi ro này bằng cách chừa trống phần số liệu xin xác nhận.

+ Thư xác nhận dạng phủ định: Theo VSA 505 “Thư xác nhận dạng phủ định là đề nghị bên xác nhận phúc đáp trực tiếp cho KTV chỉ khi bên xác nhận không đồng ý với thông tin được nêu trong thư xác nhận”. Thư xác nhận dạng phủ định cung cấp bằng chứng ít thuyết phục hơn xác nhận dạng khẳng định. Điều này có tiềm ẩn rủi ro nhiều thư xác nhận phúc đáp thông tin không chính xác, kể cả trong trường hợp nhận được sự

phúc đáp là không đồng ý với nội dung thư xác nhận, khi thông tin trong thư không có lợi cho họ, tức là sự phúc đáp còn phụ thuộc vào sự sai lệch. Trong một số trường hợp, họ không gửi lại phúc đáp thư xác nhận cho KTV không phải là thông tin đã chính xác (ví dụ trên thư xác nhận có số dư nhỏ hơn thực tế, họ sẽ gian lận coi như số dư đó là đúng)

- Rà soát các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu khách hàng được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được nên việc xác định dự phòng phải thu khó đòi là vấn đề được KTV quan tâm khi kiểm tra việc đánh giá khoản mục phải thu khách hàng. Mục tiêu của thủ tục này giúp KTV kiểm tra sự hợp lý của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Kiểm tra tính đúng kỳ (Cut-off test)

KTV kiểm tra việc khóa sổ các nghiệp vụ bán hàng để phát hiện việc cố tình ghi tăng/giảm doanh thu trong kỳ, ví dụ: Hàng gửi đi vào đầu tháng 1 của niên độ sau nhưng Hóa đơn bán hàng lập vào tháng 12 của niên độ trước và ghi sổ kế toán.

KTV lập Bảng kê các nghiệp vụ bán hàng diễn ra vài ngày trước và sau thời điểm khóa sổ (thường là 2 tuần trước và sau ngày kết thúc niên độ); so sánh với hóa đơn bán hàng và chứng từ liên quan. KTV yêu cầu đơn vị bổ sung số liệu Sổ chi tiết tài khoản phải thu của kỳ kế toán tiếp theo và tiến hành chọn mẫu test cut-off cho cả trước và sau kỳ. Thời điểm ghi nhận doanh thu và công nợ phải thu thường sẽ là thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu tài sản. Do đó, KTV chú ý nhiều nhất vào Biên bản bàn giao hàng hóa và điều khoản trên Hợp đồng mua bán. Bởi vì trên đó sẽ thể hiện chính xác ngày mà đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu tài sản cho khách hàng. Tuy nhiên, KTV còn phải kiểm tra số tiền đơn vị đang ghi nhận trên giao dịch có đúng không thông qua Hóa đơn bán hàng.

KTV xem xét tất cả các khoản hàng trả lại sau ngày kết thúc niên độ và so sánh với thư xác nhận công nợ liên quan. Mục tiêu KTV phát hiện doanh thu khai tăng giả tạo bằng cách ghi nhận trước khoản doanh thu vào niên độ hiện hành, qua niên độ sau điều chỉnh giảm doanh thu trở lại.

Lưu ý đối với những giao dịch liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa được chọn để thực hiện kiểm tra tính đúng kỳ, KTV phải xem xét kỹ các điều khoản thương mại quốc tế bởi vì không phải lúc nào biên bản bàn giao cũng là căn cứ để chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu.

- Đánh giá lại các khoản nợ phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ.

Khi kiểm tra các số dư cuối kỳ, KTV chọn tất cả những khách hàng có số dư cuối kỳ là ngoại tệ, lấy số nguyên tệ và tiến hành đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi đơn vị chi định khách hàng thanh toán. Lưu ý rằng, KTV không phải tiến hành đánh giá lại cho các khoản ứng trước từ khách hàng, tức là những khách hàng có số dư bên Có tài khoản 131.

- Trình bày và thuyết minh

Đảm bảo các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm thuyết minh đầy đủ, thích hợp về số dư phải thu khách hàng với các bên liên quan.

Bên cạnh đó, KTV phỏng vấn đơn vị để xác định các khoản phải thu khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp, cầm cố (kết hợp với các phần hành liên quan vay, nợ,...) để thuyết minh theo yêu cầu cho phù hợp; Đảm bảo đã thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp trong Hồ sơ kiểm toán để hỗ trợ cho việc thực hiện tất cả các thuyết minh.

Tiến hành đánh giá chung về sự trình bày và công bố khoản phải thu khách hàng trên BCTC có tuân thủ đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hay không. Lưu ý khi tài khoản phải thu khách hàng có số dư bên Có thì đơn vị phải trình bày trên phần nợ phải trả của Bảng cân đối kế toán. KTV kiểm tra bảng số dư chi tiết phân tích theo tuổi nợ để xem xét khoản phải thu khách hàng ghi trong bảng này có được phân loại đúng hay không.

### ***1.3.3. Kết thúc kiểm toán***

Giai đoạn kết thúc kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của một cuộc kiểm toán. Trong khâu cuối cùng của kiểm toán BCTC, quan trọng nhất vẫn là việc lập báo cáo kiểm toán và đưa ra kết luận kiểm toán. Đây là kết quả tổng kết công việc thực hiện của KTV trong suốt quá trình kiểm toán BCTC. Sau đây là các bước công việc trong giai đoạn kiểm toán cuối cùng này:

- Tổng hợp kết quả kiểm toán:

+ Tổng hợp kết quả kiểm toán, trao đổi với đơn vị về kết quả kiểm toán

Trong phần này, KTV cần tổng hợp kết quả kiểm toán cho từng khoản mục trọng yếu và trình bày kết quả tổng hợp theo các nội dung gồm kết luận kiểm toán đối với khoản mục trọng yếu, các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết, trao đổi với KTV phụ trách cuộc kiểm toán, thành viên ban GD và khách hàng. Bên cạnh đó, KTV sẽ trao đổi với đơn vị về các vấn đề như:

(i) Về chính sách kế toán và việc tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và khuôn khổ về lập và trình bày BCTC

- (ii) Các khiếm khuyết trong KSNB
- (iii) Các vấn đề về tuân thủ pháp luật và các quy định khác (kể cả luật thuế)
- (iv) Các vấn đề cần giải quyết trước ngày phát hành báo cáo kiểm toán
- (v) Các bút toán điều chỉnh và phân loại lại
- (vi) Dự thảo ý kiến kiểm toán
- (vii) Lưu ý ban GD về các vấn đề KTV sẽ tiếp tục trao đổi với ban quản trị
- (viii) Các vấn đề khác (nếu có)

+ Phân tích tổng thể BCTC lần cuối

Sau khi trao đổi với ban GD thống nhất các điều chỉnh sai sót, KTV sẽ tiếp tục công việc phân tích tổng thể BCTC lần cuối. Nếu ở giai đoạn lập kế hoạch việc thực hiện phân tích sơ bộ BCTC để phát hiện các biến động bất thường, nhận diện rủi ro thì ở giai đoạn kết thúc kiểm toán bước công việc này sẽ sử dụng BCTC cuối cùng để phân tích. Qua đó, KTV sẽ nhận diện lại các vấn đề mà lúc ban đầu cho là bất thường xem đã điều chỉnh hoặc được giải thích hợp lý chưa.

+ Thư giải trình của ban GD và ban quản trị

Theo VSA 580 quy định về “Giải trình bằng văn bản”: Thu thập giải trình bằng văn bản của ban GD và ban quản trị đơn vị được kiểm toán (trong phạm vi phù hợp) về việc ban GD và ban quản trị khẳng định rằng họ đã hoàn thành trách nhiệm trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và cung cấp đầy đủ thông tin cho kiểm toán viên. Mặc dù giải trình bằng văn bản cung cấp bằng chứng kiểm toán cần thiết nhưng bản thân các giải trình đó có thể chưa cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về bất kỳ vấn đề nào được giải trình. Hơn nữa, việc ban GD đơn vị được kiểm toán đã cung cấp văn bản giải trình đáng tin cậy không làm ảnh hưởng đến nội dung hoặc phạm vi các bằng chứng kiểm toán khác mà kiểm toán viên thu thập về việc ban GD đơn vị đã hoàn thành các trách nhiệm của họ hoặc về các cơ sở dẫn liệu cụ thể.

- Phát hành Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý

Thành viên Ban giám đốc phụ trách cuộc kiểm toán và thành viên ban kiểm soát chịu trách nhiệm hoàn thành mẫu này bằng cách đánh dấu (x) vào những công việc đã thực hiện. Bất kể một công việc nào chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa được thỏa mãn thì người soát xét phải yêu cầu nhóm kiểm toán cần phải giải trình hoặc xem xét, đánh giá lại ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán.

Chuẩn mực kiểm toán “Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính” (VSA 700) yêu cầu KTV và công ty kiểm toán phải phát hành Báo cáo kiểm toán thể hiện ý kiến kiểm toán của mình. Báo cáo kiểm toán có 4 mẫu chính áp dụng cho các trường hợp khác nhau: dạng chấp nhận toàn phần; dạng từ chối đưa ra ý kiến; dạng trái ngược và dạng ngoại trừ. Cụ thể như sau:

+ Ý kiến chấp nhận toàn phần: Khi KTV kết luận rằng BCTC được lập trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng. Đồng thời, còn được áp dụng cho cả trường hợp BCTC được kiểm toán có những sai sót nhưng đã được KTV phát hiện và đơn vị đã điều chỉnh theo ý kiến của KTV và đã được KTV chấp nhận.

+ Theo đoạn 02 VSA số 705 “Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần có 3 dạng ý kiến kiểm toán...”.

**Bảng 1. 4: Minh họa các xét đoán của KTV**

<b>Bản chất của vấn đề dẫn tới việc KTV phải đưa ra ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần</b>	<b>Xét đoán của KTV về tính chất lan tỏa của các ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng có thể có của vấn đề đó đối với BCTC</b>	
	<b>Trọng yếu nhưng không lan tỏa</b>	<b>Trọng yếu và lan tỏa</b>
BCTC có sai sót trọng yếu	Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Ý kiến kiểm toán trái ngược
Không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp	Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Từ chối đưa ra ý kiến

(Nguồn: Lê Thị Thanh Mỹ và cộng sự, 2018)

+ Ý kiến ngoại trừ: Khi KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán, nhưng KTV kết luận rằng những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện (nếu có) có thể là trọng yếu nhưng không lan tỏa đối với BCTC.

+ Ý kiến trái ngược: Khi KTV dựa trên các bằng chứng kiểm toán đầy đủ, thích hợp đã thu thập được, KTV kết luận là các sai sót, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, có ảnh hưởng trọng yếu và lan tỏa đối với BCTC.

+ Từ chối đưa ra ý kiến: Khi KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán và KTV kết luận rằng những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện có thể là trọng yếu lan tỏa đối với BCTC.

“Báo cáo kiểm toán” và “Thư quản lý” (nếu có) là kết quả của cuộc kiểm toán, được thể hiện bằng văn bản chính thức của Giám đốc công ty kiểm toán. Báo cáo kiểm toán phải đính kèm với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Thư quản lý này chỉ phục vụ cho mục đích sử dụng của ban giám đốc và không nhằm mục đích cung cấp thông tin



cho bất cứ bên thứ ba nào sử dụng. Vì vậy việc cung cấp thư này cho bên thứ ba sử dụng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của KTV là không phù hợp và trong trường hợp đó KTV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ quyết định nào của bên thứ ba do đã sử dụng bản sao của Thư quản lý này.

- Soát xét, phê duyệt và phát hành báo cáo

Các mẫu này lưu lại các bút toán sai sót (thiếu, thừa hoặc sai) lớn hơn ngưỡng sai sót có thể bỏ qua do KTV phát hiện trong quá trình thực hiện các thủ tục kiểm toán.

Trong quá trình đánh giá ảnh hưởng của các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán, KTV phải đánh giá 2 nội dung chủ yếu sau đây:

+ Đánh giá ảnh hưởng của các sai sót đã được phát hiện đối với cuộc kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện các thủ tục kiểm toán, KTV có thể phát hiện ra các sai sót (chênh lệch kiểm toán). KTV cần đánh giá các sai sót đã phát hiện, xem xét nội dung, qui mô, nguyên nhân của các sai sót, đánh giá ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC .

Theo quy định VSA 260, KTV phải trao đổi kịp thời về tất cả các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán với cấp quản lý phù hợp trong đơn vị được kiểm toán và phải đề nghị Ban giám đốc đơn vị điều chỉnh các sai sót đã trao đổi.

Nếu Ban giám đốc từ chối điều chỉnh một số hoặc tất cả các sai sót do KTV đề nghị, KTV phải tìm hiểu nguyên nhân của việc từ chối này và đánh giá liệu BCTC xét trên giác độ tổng thể có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

+ Đánh giá ảnh hưởng của các sai sót không được điều chỉnh (nếu có) đối với BCTC.

Để đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của BCTC, KTV cần xem xét trong trường hợp tồn tại các sai sót không điều chỉnh thì các sai sót không điều chỉnh này có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC không xét trên phạm vi số dư tài khoản hoặc thuyết minh và trên tổng thể BCTC.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

### **2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

#### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM***

##### *2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty*

- Tên công ty: Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

- Tên tiếng Anh: ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING COMPANY LIMITED.

- Logo công ty:

- Trước khi gia nhập tập đoàn ECOVIS (Năm 2014 – 2020):



- Sau khi gia nhập tập đoàn ECOVIS (từ năm 2020 đến nay):



- Địa chỉ: Số 142, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Mã số thuế: 0401632052

- Tổng Giám đốc: Phạm Quang Trung

- Điện thoại: +84.236.363.333

- Email: info@afac.com.vn

- Website: <http://www.afac.com.vn>

##### *2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng*

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM có tiền thân là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA, được thành lập ngày 26 tháng 11 năm 2014, là một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

Những năm vừa qua, Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM đã từng bước xây dựng nền móng về đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, quy trình làm việc, giá trị văn hóa. Sau gần 8 năm hoạt động, ECOVIS AFA VIETNAM đã trở thành công ty Kiểm toán có doanh thu lớn nhất miền Trung và Tây nguyên, đồng thời là công ty có hai dịch vụ kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và Thẩm định giá tài sản (chỉ tính trong các công ty kiểm toán có cung cấp dịch vụ Thẩm định giá) nằm trong top 10 của Việt Nam; nằm trong danh sách 37 công ty được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.

Năm 2020, ECOVIS AFA VIETNAM chính thức gia nhập tập đoàn ECOVIS và chính thức hoạt động dưới cái tên mới Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM. Theo đó, Tập đoàn ECOVIS là một trong những tập đoàn tư hoạt động về thuế, kế toán, kiểm toán và tư vấn tài chính toàn cầu hàng đầu của thế giới có nguồn gốc từ Châu Âu đại lục. Tập đoàn có gần 9.000 nhân viên hoạt động tại hơn 80 quốc gia trên toàn thế giới, trong đó tại Việt Nam. Trọng tâm của tập đoàn là tư vấn và năng lực cốt lõi của tập đoàn nằm trong các lĩnh vực tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán và tư vấn pháp lý. Cái tên ECOVIS là một sự kết hợp giữa các thuật ngữ Economy (Kinh tế) và Vision (Tầm nhìn), thể hiện cả tầm nhìn quốc tế và niềm tin vào tương lai và sự phát triển của kinh tế.

#### *2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty*

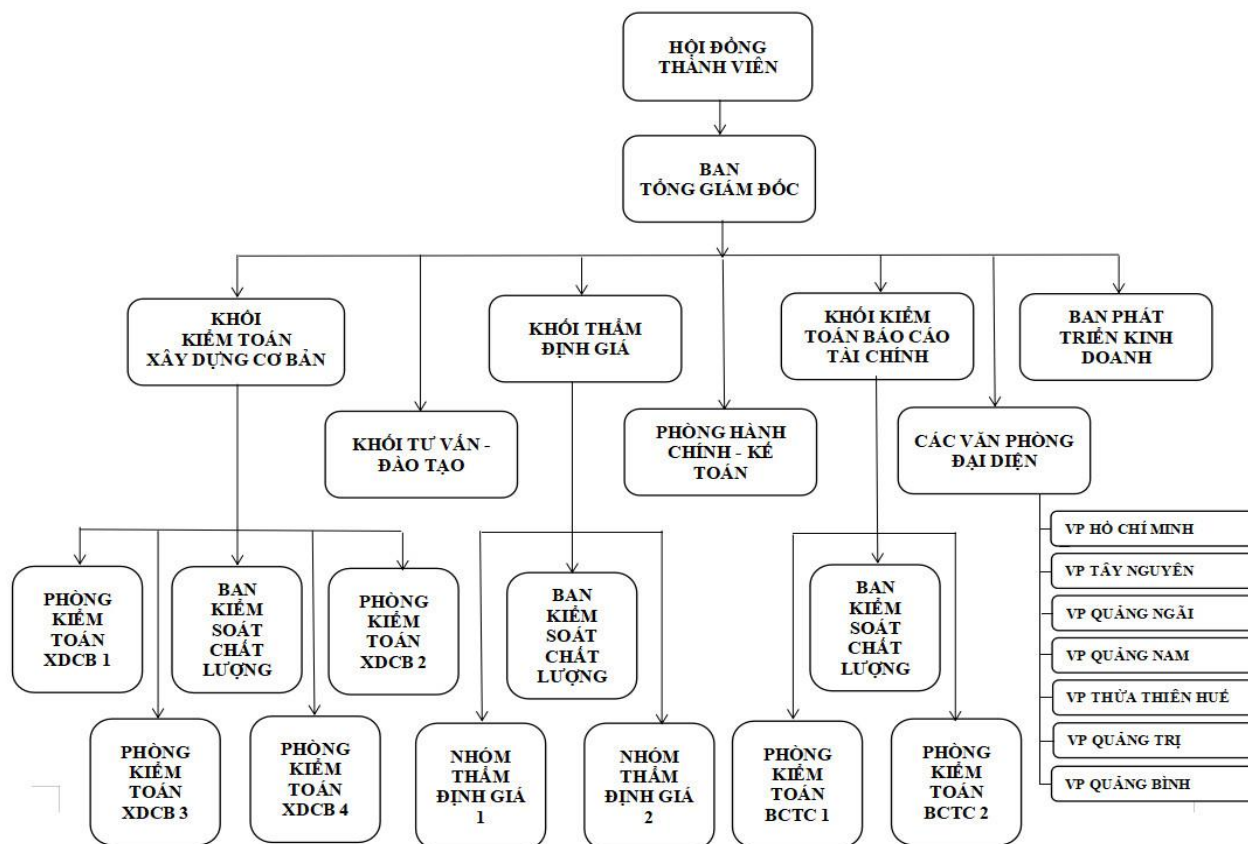
Công ty có người đại diện pháp lý hiện tại là ông Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ tịch Hội đồng thành viên), ông Phạm Quang Trung (Tổng giám đốc) và 3 Phó Tổng giám đốc là ông Nguyễn Trung Dũng, ông Nguyễn Hải Nam và ông Trần Dương Nghĩa.

Đứng sau Hội đồng thành viên là Ban giám đốc. Công ty bao gồm 3 khối hoạt động chính là khối Kiểm toán xây dựng cơ bản, khối Kiểm toán BCTC và khối Thẩm định giá. Ngoài ra còn có khối Tư vấn – Đào tạo, phòng Hành chính - Kế toán và Ban phát triển kinh doanh. Dưới các khối bao gồm các Ban kiểm soát chất lượng và các phòng kiểm toán. Hiện nay, công ty đã có các văn phòng đại diện trải dài khắp, cụ thể như Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình.

ECOVIS AFA VIETNAM có một đội ngũ nhân sự hùng hậu với gần 130 nhân viên chuyên nghiệp, năng động, chăm chỉ với trình độ chuyên môn cao, được đào tạo thường xuyên và liên tục. Các thành viên của ban lãnh đạo hầu hết đều đã trải qua thời gian dài làm việc trong môi trường kiểm toán chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và uy tín. Bằng những kiến thức và am hiểu sâu rộng đó, họ thường xuyên tham gia giảng dạy, bồi huấn

nghiệp vụ, đào tạo nhân viên và cập nhật các chính sách về thuế, kế toán, tài chính và các thông tư, quy định cho khách hàng.

Cơ cấu tổ chức của ECOVIS AFA VIETNAM được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM)

### Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức ECOVIS AFA VIETNAM

#### 2.1.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Sau gần 8 năm hoạt động, ECOVIS AFA VIETNAM dần khẳng định vị thế của mình qua kết quả kinh doanh các năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua các năm được thể hiện qua bảng 2.1 như sau:

**Bảng 2. 1: Kết quả kinh doanh của ECOVIS AFA VIETNAM qua các năm**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu	62.353.114.131	50.847.204.170	61.074.447.268
Chi phí	58.388.169.530	45.756.052.701	54.241.400.790
Lợi nhuận sau thuế	3.342.331.469	4.629.872.682	5.882.293.197

Kết quả kinh doanh của công ty giai đoạn 2019 – 2021 cho thấy rằng doanh thu năm 2019 đạt hơn 62 tỷ đồng nhưng sang đến năm 2020, con số này có sự giảm sút, cụ thể giảm gần 12 tỷ đồng. Sự sụt giảm này có khả năng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

đã gây khó khăn không nhỏ cho ECOVIS AFA VIETNAM nói riêng và các DN Việt Nam nói chung. Tuy nhiên sang năm 2021, doanh thu đã tăng vọt chạm ngưỡng hơn 61 tỷ đồng, cụ thể đã tăng gần 11 tỷ đồng so với năm 2020 - một con số không hề nhỏ. Điều này đã cho thấy năm 2021, DN đã có những bước tiến vượt bậc trong các chính sách làm việc và đạt hiệu quả công việc ở mức cao. Các khoản lợi nhuận sau thuế tăng dần qua 3 năm cũng đã góp phần rất lớn vào việc phát triển ngân sách nhà nước.

### ***2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM***

#### *2.1.2.1. Chức năng*

Công ty là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, thẩm định giá, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn thuế, kế toán và đào tạo. Công ty mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng khách hàng, góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp. Mục tiêu của Công ty là mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ cao nhất thông qua hướng tiếp cận chuyên nghiệp, sáng tạo và khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói với mức phí hợp lý.

#### *2.1.2.2. Nhiệm vụ*

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM luôn phấn đấu không ngừng để trở thành một trong những công ty kiểm toán và thẩm định giá hàng đầu tại khu vực Miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung, đồng thời đem lại những giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như cộng đồng xã hội, và nâng cao giá trị cuộc sống của các thành viên ECOVIS AFA VIETNAM cả về vật chất lẫn tinh thần.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, ECOVIS AFA VIETNAM đã và đang xây dựng và hoàn thiện hơn nữa các giá trị cốt lõi của mình:

*Đối với khách hàng và đối tác, luôn đặt uy tín và lòng tận tâm lên hàng đầu;*

*Đối với nội bộ công ty, đoàn kết và sẻ chia làm nên sức mạnh tập thể;*

*Đối với sản phẩm, dịch vụ, luôn chú trọng vào chất lượng và hiệu quả;*

*Đối với xã hội, luôn gương mẫu và hoàn thành mọi trách nhiệm và nghĩa vụ.*

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM tin tưởng rằng với tầm nhìn và các giá trị cốt lõi trên, công ty sẽ phát triển vững mạnh, vươn tầm khu vực và quốc gia, đem đến quyền lợi cho người lao động và các thành viên, và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của cộng đồng.”

Phương châm hoạt động của ECOVIS AFA VIETNAM là “Luôn đồng hành cùng doanh nghiệp” cùng với tinh thần luôn sẵn sàng sát cánh và tận tụy với khách hàng, đồng thời luôn đề cao nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bí mật số liệu khách hàng. Nhằm mục tiêu giúp cho khách hàng và các bên khách quan có thể bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình cũng như cung cấp những thông tin cần thiết cùng các giải pháp tối ưu cho việc quản trị và điều hành DN, công ty cam kết sẽ mang đến cho khách hàng các dịch vụ chuyên ngành với chất lượng tốt nhất, tham gia vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

### **2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

#### **2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty**

##### **- Kiểm toán và soát xét BCTC:**

ECOVIS AFA VIETNAM cung cấp dịch vụ kiểm toán và dịch vụ đảm bảo với tiêu chuẩn và chuyên môn đáng tin cậy do đội ngũ KTV nhiều năm kinh nghiệm thực hiện. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu kiểm toán thông thường, công ty còn nghiên cứu sâu hơn các hoạt động của khách hàng để giúp doanh nghiệp sớm phát hiện các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình kinh doanh. Bao gồm các dịch vụ như:

- + Kiểm toán BCTC.
- + Soát xét BCTC.
- + Soát xét thông tin tài chính dựa theo các thủ tục thỏa thuận trước.
- + Kiểm toán và chuyển đổi BCTC theo hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam sang Chuẩn mực kế toán quốc tế.
- + Kiểm toán BCTC lập theo Chuẩn mực lập và trình bày BCTC Quốc tế (IFRS).
- + Các dịch vụ khác về kiểm toán

##### **- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:**

Mục đích là làm tăng độ tin cậy của người sử dụng đối với Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án và là cơ sở để người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét phê duyệt Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án. Xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định hay không và báo cáo kiểm toán có phản ánh trung thực hợp lý tình hình quyết toán dự án hay không... Bao gồm các dịch vụ như:

- + Kiểm tra đánh giá tính pháp lý của việc đầu tư và tuân thủ trình tự thủ tục đầu tư xây dựng công trình với quy định hiện hành của Nhà nước
- + Kiểm tra giá trị quyết toán phân vật tư, thiết bị
- + Kiểm tra báo cáo quyết toán và hồ sơ quyết toán công trình,...

- Thẩm định giá:

Cùng với dịch vụ kiểm toán thì thẩm định giá luôn là thế mạnh của ECOVIS AFA VIETNAM. Các thủ tục và quy trình thẩm định giá của ECOVIS AFA VIETNAM được thiết kế và áp dụng trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về đặc điểm của từng loại tài sản cần thẩm định cho các mục đích khác nhau. Bao gồm các dịch vụ như: Thẩm định giá giá trị bất động sản; Thẩm định giá giá trị động sản; Thẩm định giá giá trị dự án đầu tư; Thẩm định giá giá trị DN,...

- Dịch vụ thuế: bao gồm các dịch vụ như Lập kế hoạch thuế cho nhân sự nước ngoài; Tư vấn thuế; Rà soát về thuế; Soát xét thuế; Thuế giá trị gia tăng,...

- Dịch vụ tư vấn: Tư vấn hoạt động cổ phần hóa, chuẩn bị niêm yết; Hỗ trợ giao dịch; Tư vấn tái cấu trúc kinh doanh, tư vấn quản trị, tư vấn về gian lận và rủi ro pháp lý,...

- Dịch vụ đào tạo: Bồi huấn, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán và Thuế; đào tạo về đầu tư xây dựng cơ bản; đào tạo nội dung theo yêu cầu khách hàng.

- Các dịch vụ chuyên ngành khác:

+ Dịch vụ kế toán: Ghi sổ kế toán, lập BCTC, lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư và các báo cáo khác; Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán; Chuyển đổi báo cáo sang IFRS và tư vấn kế toán. Khách hàng có thể thuê dịch vụ kế toán từ ECOVIS AFA VIETNAM. Sử dụng dịch vụ kế toán ECOVIS AFA VIETNAM vừa mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, vừa mang lại sự ổn định và chuyên nghiệp.

+ Ngoài ra, còn có các dịch vụ như dịch vụ giấy phép và dịch vụ đào tạo.

#### *2.1.3.2. Các khách hàng của công ty*

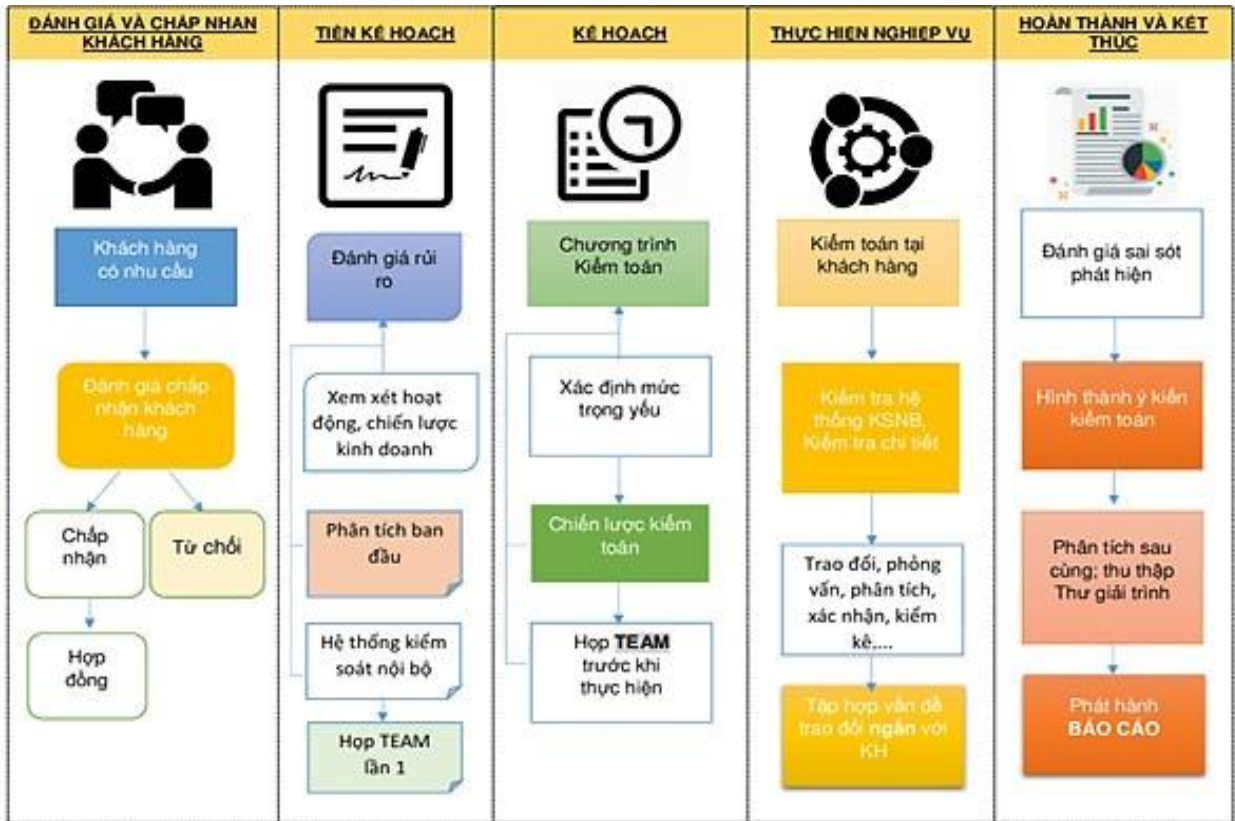
Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM có mạng lưới khách hàng thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, quy mô khác nhau; cung cấp đầy đủ các dịch vụ giá trị gia tăng như kiểm toán, kế toán, tư vấn thuế, tư vấn tài chính và đầu tư, tư vấn quản trị, đào tạo và hỗ trợ tuyển dụng cho các DN.

Công ty cũng đã có kinh nghiệm kiểm toán cho các khách hàng lớn như các Tập đoàn, cả công ty con và công ty mẹ hay những công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán.

#### *2.1.4. Quy trình kiểm toán của công ty*

Quy trình kiểm toán của công ty được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu liệu BCTC công ty có được lập và trình bày theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ

thống kê toán Việt Nam và các quy định về kế toán khác có liên quan tại Việt Nam. Cuộc kiểm toán được thực hiện dựa trên sự hiểu biết về tình hình kinh doanh, hệ thống KSNB và các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng. Với công cụ dự đoán sẵn có, KTV sẽ đưa ra kế hoạch về việc phân tích và dự đoán tổng quát. Phương pháp này sẽ giúp xác định được các vấn đề tiềm tàng, tăng cường sự hiểu biết trong suốt cuộc kiểm toán. Các giai đoạn kiểm toán tại ECOVIS AFA VIỆT NAM được thể hiện trong sơ đồ 2.2 như sau:



(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM)

## Sơ đồ 2.2: Các giai đoạn kiểm toán tại ECOVIS AFA VIETNAM

### ❖ Đánh giá và chấp nhận khách hàng

Đây là quá trình tiếp cận để kiểm toán viên thu nhập những thông tin về khách hàng kiểm toán, nhằm giúp KTV tìm hiểu về nhu cầu của khách hàng, đánh giá rủi ro cũng như khả năng kiểm toán và các vấn đề liên quan như chi phí kiểm toán và thời gian kiểm toán. Cụ thể, khi ECOVIS AFA VIETNAM nhận yêu cầu từ khách hàng, công ty sẽ cử nhân viên gặp trực tiếp khách hàng để thực hiện tìm hiểu tổng quát về khách hàng như ngành nghề, tình hình tài chính và những vấn đề pháp lý liên quan. Đối với khách hàng mới và đã có KTV tiền nhiệm, công ty cần liên lạc với KTV tiền nhiệm, và xem xét những vấn đề liên quan đến tính liên chính của ban quản trị, những bất đồng giữa ban quản trị đối với KTV tiền nhiệm và lý do vì sao khách hàng thay đổi công ty kiểm toán.



Đối với khách hàng chưa từng được kiểm toán trước đây, KTV có thể thu nhập những thông tin tại các nguồn như Internet, sách báo chuyên ngành, và bên thứ ba của khách hàng. Sau đó, công ty thống nhất phạm vi hợp đồng kiểm toán và tiến hành sắp xếp những KTV phù hợp để thực hiện cuộc kiểm toán.

#### ❖ Tiền kế hoạch

Khi đã kí hợp đồng kiểm toán với khách hàng, KTV chuyển sang thực hiện các công việc trong giai đoạn tiền kế hoạch. Ở giai đoạn này, KTV tiến hành phỏng vấn, thu thập những tài liệu, điều lệ công ty và giấy phép kinh doanh về các thông tin của khách hàng, để hiểu biết về khách hàng cụ thể là về môi trường hoạt động, lĩnh vực kinh doanh của đơn vị, các chuẩn mực, chế độ kế toán mà khách hàng áp dụng,... Bên cạnh đó, KTV thực hiện thủ tục đánh giá rủi ro, phân tích sơ bộ BCTC và tìm hiểu các chu trình kinh doanh. Những thông tin này giúp KTV xác định các thủ tục kiểm toán phù hợp và xác định những khoản mục đặc biệt có rủi ro trọng yếu đến báo cáo tài chính để có những thủ tục thích hợp.

#### ❖ Lập kế hoạch kiểm toán

Ở các giai đoạn trên KTV thu nhập các thông tin khách quan về khách hàng, đến giai đoạn lập kế hoạch, KTV sẽ dựa vào những thông tin đã thu thập đó để đánh giá, và xác định mức trọng yếu. KTV tiến hành xác định ba chỉ tiêu quan trọng chính là mức trọng yếu tổng thể, mức trọng yếu thực hiện và ngưỡng sai sót có thể bỏ qua. Tiếp theo đó, KTV dựa trên mức trọng yếu tổng thể để đánh giá các khoản mục đặc biệt, mang tính trọng yếu, dựa vào đó đưa ra thủ tục kiểm toán và chiến lược kiểm toán thích hợp. Kết thúc giai đoạn lập kế hoạch, công ty tiến hành họp nhóm kiểm toán, trưởng đoàn sẽ phân công công việc cụ thể và phù hợp cho từng thành viên với từng phần hành và thông báo cho công ty khách hàng kế hoạch thực hiện kiểm toán.

#### ❖ Thực hiện kiểm toán

Đối với kế hoạch đã phân công, từng thành viên trong đoàn kiểm toán sẽ thực hiện kiểm toán phần hành mà mình được phân công, đồng thời liên hệ với các thành viên trong đoàn để đối chiếu, kiểm tra khoản mục có liên quan với nhau. Một số các thủ tục mà KTV tiến hành tại giai đoạn kiểm toán bao gồm:

- Tổng hợp số liệu trên BCTC và sổ Cái của khách hàng.
- Thu thập các chứng từ liên quan, tiến hành kiểm tra chi tiết, đối chiếu và phân tích số liệu để phát hiện những chênh lệch bất thường hoặc sai sót.
- Phỏng vấn những nhân viên có liên quan; chứng kiến kiểm kê, quan sát hoặc gửi thư xác nhận đến bên thứ ba.

- Chọn mẫu các chứng từ, nghiệp vụ để kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc bằng các phương pháp chọn mẫu thống kê và phi thống kê.

Sau khi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán và trình bày trên giấy tờ làm việc, trưởng đoàn kiểm toán sẽ kiểm tra lại, và nếu cần thiết thì sẽ thực hiện thêm các thủ tục để hoàn thiện. Đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán, KTV phải thu thập các bằng chứng để đưa ra ý kiến kiểm toán về sự hợp lý và trung thực của BCTC.

❖ Hoàn thành và kết thúc kiểm toán

Sau khi đã kiểm toán tại đơn vị, KTV đánh giá và tổng hợp sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán và trao đổi với khách hàng về các biện pháp sửa đổi sai sót. Đồng thời, KTV cũng xem xét sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ, và tính hoạt động liên tục. KTV cũng sử dụng thủ tục phân tích để phân tích BCTC sau khi kết thúc kiểm toán để kiểm tra xem còn biến động nào bất thường hay không. Trưởng đoàn kiểm toán sẽ xem lại hồ sơ kiểm toán, ghi nhận những sai sót còn tồn tại và lập báo cáo kiểm toán. Sau khi hoàn thành ý kiến kiểm toán, công ty trao đổi với ban giám đốc và ban quản trị của khách hàng. Nếu không có vấn đề gì, trưởng đoàn sẽ lập báo cáo kiểm toán. Báo cáo kiểm toán sẽ được đưa lên ban soát xét để kiểm tra. Nếu có vấn đề chưa được hoàn thiện, ban soát xét sẽ yêu cầu KTV hoàn thiện, nếu không có vấn đề gì, báo cáo kiểm toán sẽ được đưa lên ban giám đốc để xem xét lần cuối và ký duyệt trước khi gửi cho khách hàng.

Sở dĩ quy trình kiểm toán của ECOVIS AFA VIETNAM gồm 5 giai đoạn, khác với quy trình kiểm toán của VACPA gồm 3 giai đoạn là vì ECOVIS AFA VIETNAM đã cụ thể hóa giai đoạn “Chuẩn bị kiểm toán” của quy trình kiểm toán mẫu thành 3 tiểu giai đoạn là giai đoạn 1: “Đánh giá và chấp nhận khách hàng”, giai đoạn 2: “Tiền kế hoạch” và giai đoạn 3: “Lập kế hoạch”. Công ty đã đánh giá và ước tính rằng giai đoạn 1-2-3 đã chiếm khoảng 60-70% thời gian của cuộc kiểm toán và ảnh hưởng của ba giai đoạn này đến cuộc kiểm toán là tương đối lớn. Đó là lý do quy trình của công ty đã cụ thể hóa ba giai đoạn này từ giai đoạn đầu trong VACPA. Điều này là thực sự hợp lý khi mà giai đoạn Chuẩn bị kiểm toán đang ngày càng quan trọng đối với một cuộc kiểm toán, KTV sẽ bỏ ít thời gian để đến công ty khách hàng hơn vì công ty đã thu nhập đầy đủ các thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, nghiên cứu khách hàng kỹ lưỡng, vạch ra đầy đủ các bước và thủ tục thực hiện kiểm toán. Điều này làm giảm đi thời gian công tác tại công ty khách hàng các chi phí liên quan, tăng hiệu quả kiểm toán và đảm bảo mức độ chuyên nghiệp của các KTV.

## 2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Các GLV liên quan đến khoản mục nợ phải thu khách hàng được tác giả tổng hợp cụ thể qua bảng 2.1 như sau:

**Bảng 2.2: Bảng tổng hợp GLV liên quan khoản mục nợ phải thu khách hàng của ECOVIS AFA VIETNAM**

Giai đoạn	Tên GLV	Giải thích
Đánh giá và chấp nhận KH	GLV 212.MPQ	Đánh giá lại khách hàng và bảng câu hỏi độc lập
Tiền kế hoạch	GLV 301	Hiểu biết chung về doanh nghiệp
	GLV 302	Đánh giá rủi ro
	GLV 321	Đánh giá rủi ro gian lận
Lập kế hoạch kiểm toán	GLV 401	Tài liệu kế hoạch kiểm toán
	GLV 420	Xác định mức trọng yếu
Thực hiện kiểm toán	Information	Thông tin chung về công ty khách hàng
	To do list	Danh sách công việc GLV cần làm
	5310	Biểu tổng hợp
	5320	Tổng hợp lỗi
	5330	Chương trình kiểm toán
	5340	Mô tả chi tiết và phân tích cơ bản
	5340 - 1	Bảng tổng hợp công nợ (VND)
	5340 - 2	Bảng tổng hợp công nợ (USD)
	5342	Thủ tục phân tích
	5350	Phân tích tuổi nợ
	5350 - 1	Tuổi nợ VND
	5350 - 2	Tuổi nợ USD
	5351	Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	5353	Tổng hợp dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Sampling 520; MUS	Phương pháp chọn mẫu Sampling
	5360	Xác nhận nợ phải thu khách hàng
	5361	Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế
	5362	Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế - Ứng trước của người mua
	5370	Đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
Kết thúc kiểm toán	710.10	Tổng hợp các điều chỉnh sai sót
	720.MO	Thủ tục phân tích cuối cùng

### **2.2.1. Đánh giá và chấp nhận khách hàng**

Trước khi đưa ra quyết định chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng kiểm toán, KTV thu nhập những thông tin tổng quát về khách hàng thông qua các nguồn như website của công ty, các trang mạng; phỏng vấn, trao đổi với Ban quản trị của công ty hoặc với KTV tiền nhiệm. Đối với những khách hàng mới, KTV tiến hành thực hiện trên mẫu giấy 211 - Chấp nhận khách hàng và bảng câu hỏi độc lập. Đối với khách hàng cũ, KTV thực hiện trên mẫu giấy 212.MPQ - Đánh giá lại khách hàng và bảng câu hỏi độc lập.

#### ***Giới thiệu công ty khách hàng:***

- Công ty TNHH A được thành lập năm 2003 và có trụ sở đặt tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Ngành nghề: Sản xuất; Sản phẩm/ dịch vụ: các sản phẩm lốp cao su.

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

- Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa nên có cơ cấu quy trình và thủ tục đơn giản. Do đó, Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ.


- Là công ty có 100% vốn góp là các cá nhân người Thái Lan, nhà máy đặt tại Việt Nam được trang bị, đầu tư vào dây chuyền sản xuất, máy móc, thiết bị công nghệ và kỹ thuật để sản xuất lốp không săm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Với sự gia tăng sản xuất qua các năm, công ty đã và đang giành được nhiều sự tin tưởng từ khách hàng cũng như thu hút được nguồn nhân lực có kỹ năng làm việc tốt và lành nghề.

- Lịch kiểm toán là phù hợp để nhóm kiểm toán có thể hoàn thành công việc. Các khoản mục trọng yếu trên BCTC của khách hàng không yêu cầu có sự xác nhận từ các

chuyên gia độc lập. Công việc kiểm toán không có liên quan đến mua bán, sáp nhập DN, không có liên quan đến phát hành chứng khoán lần đầu hoặc mua bán cổ phần giữa các cá nhân. Hoạt động kinh doanh của khách hàng không yêu cầu kiến thức chuyên ngành đặc biệt. Không có bất kỳ yếu tố nào liên quan đến tính độc lập của KTV ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

- Bên cạnh đó, qua các thông tin thu nhập trên website công ty và trao đổi với Ban giám đốc, KTV không nhận thấy các thông tin nào cho thấy chủ sở hữu hoặc Ban giám đốc thiếu tính chính trực hay không phải là đối tượng đang bị điều tra của cơ quan quản lý.

Với những thông tin như trên, ECOVIS AFA VIETNAM đưa ra kết luận: Chấp nhận tiếp tục kiểm toán khách hàng này [GLV 212].

		<b>ĐÁNH GIÁ LẠI KHÁCH HÀNG VÀ BẢNG CÂU HỎI ĐỘC LẬP</b>		<b>212</b>	
Tên KH:	Công ty TNHH A	Người thực hiện	Tên	LVH	Ngày
		Soát xét	TTNP		26/11/2021
Kết thúc niên độ:	31/12/2021				

#### A. Tổng quan

T	Thủ tục kiểm toán	Có/ Không	Thông tin
1	Tên KH	C	Công ty TNHH A
	Kết thúc niên độ		31-12-21
	Địa chỉ		Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
2	Số năm DNKT đã cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC cho KH này	C	Năm nay là năm thứ 6
3	Ngành nghề kinh doanh Mô tả ngắn gọn về bản chất kinh doanh của khách hàng (ngành nghề, sản phẩm, dịch vụ, khách hàng chính, nhà cung cấp chính...)	C	- Ngành nghề: Sản xuất - Sản phẩm/dịch vụ: Các sản phẩm lớp cao su
4	Các thay đổi chính so với năm trước	K	

	Giấy CNĐKDN/Giấy CNĐT	K	
	Ngành nghề kinh doanh	K	
	Cơ cấu tổ chức, điều hành	K	
	Khách hàng, nhà cung cấp, các khoản đầu tư, bên liên quan	K	
	Chính sách kế toán	K	
	Các thay đổi khác	K	
5	Các vấn đề lưu ý từ cuộc kiểm toán năm trước	Có	Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vượt quá vốn điều lệ số tiền là 158.745.215.605 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 157.989.513.953 VND. Khả năng hoạt động liên tục của công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của chủ đầu tư.

#### Criteria for using the AFA Basic MAPs

TT	Thủ tục kiểm toán		Kết quả
A1	Có sự tập trung quyền sở hữu và quyền quản lý với một số cá nhân không?	Có	Khách hàng là một công ty TNHH 100% vốn nước ngoài, thuộc sở hữu của 6 cá nhân nước ngoài.
A2	Có phát sinh ít giao dịch và đơn giản hay không?	Có	Hoạt động của công ty là sản xuất sắm và lắp xe máy cho nên công ty có ít giao dịch và đơn giản
A3	Đơn vị có lưu trữ hồ sơ ít phức tạp không?	Có	Công ty chỉ nối mạng nội bộ trong công ty, với phần mềm tiêu chuẩn và chỉ có bộ phận kế toán chịu trách nhiệm ghi sổ cho nên hệ thống sổ sách của Công ty đơn giản
A4	Công ty có kỳ vọng tăng trưởng bình thường không hay một công ty tăng trưởng ở giai đoạn đầu?	Có	Với đặc thù ngành nghề của công ty, được thành lập từ năm 2007 nên công ty đang trong giai đoạn phát triển ổn định Qua trao đổi với Mr Boonlert - Phó Tổng Giám đốc (Được Tổng Giám đốc Ủy quyền) được biết công ty chỉ kỳ vọng 1 sự tăng trưởng bình thường
A5	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ không?	Có	Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa nên có cơ cấu quy trình và thủ tục đơn giản. Do đó, công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ

A6	Công ty có đang niêm yết không và có nằm trong nguy cơ rủi ro cao theo quy định AFA không?	Có	Công ty không phải là công ty niêm yết và ngành nghề của công ty như đã nêu trên thì không nằm trong những ngành nghề có rủi ro cao theo quy định của ECOVIS AFA VIETNAM.
A7	Đơn vị có hoạt động trong môi trường kinh doanh ổn định không?	Có	Công ty đang kinh doanh trong môi trường ổn định về lãi suất cơ bản. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4%-7,2%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn.
A8	Đơn vị hoạt động trong ngành được quản lý không phức tạp?	Có	Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên ngành nghề này thì không phức tạp và các quy định pháp luật cũng không quá phức tạp đối với hoạt động của Công ty.
A9	Chúng tôi dự kiến sẽ không sử dụng chuyên gia trong ngành?	Có	Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp xe máy và AFA cũng đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực này nên không cần sử dụng chuyên gia trong việc thực hiện kiểm toán
A10	Chúng tôi có dự kiến sẽ không phụ thuộc vào KSNB trong phương pháp kiểm toán của mình?	Có	Hoạt động của công ty đơn giản và rủi ro được đánh giá là thấp; Quy mô công ty nhỏ; Do đó nhà quản lý có thể kiểm soát hiệu quả. Hơn nữa, các bằng chứng về các thủ tục kiểm soát không có sẵn ở dạng tài liệu và hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được hệ thống hóa nên chúng tôi quyết định không dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ khi thực hiện kiểm toán.

### Chấp nhận lại khách hàng

	Thủ tục kiểm toán	Kết quả
B1	Mô tả bất kỳ thông tin nào cho thấy chủ sở hữu, ban quản lý hoặc những người chịu trách nhiệm chính thiếu tính chính trực.	Qua khảo sát KTV không thấy bất kỳ thông tin nào cho thấy rằng chủ sở hữu của khách hàng, Ban Tổng giám đốc hoặc những người chịu trách nhiệm quản trị thiếu tính chính trực. Hội đồng quản trị và Ban TGD hoạt động trên tinh thần tuân thủ pháp luật.

B2	Mô tả các nhu cầu dịch vụ mới của KH và công ty có đủ khả năng để thực hiện công việc hay không?	Yêu cầu của khách hàng là kiểm toán báo cáo tài chính theo yêu cầu của luật pháp, chủ sở hữu công ty nên AFA có đủ khả năng cần thiết sẵn có để thực hiện các công việc theo yêu cầu của khách hàng
B3	Mô tả liệu có bất kỳ trường hợp nào cần tham vấn với:	
	a) Head of Audit:	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• KH là đối tượng của một cuộc điều tra theo quy định</li> </ul>	Qua trao đổi với Mr Boonlert -Phó Tổng Giám đốc (Được Tổng Giám đốc Ủy quyền) ngày 10/11/2021 và các trang web truyền thông, xét thấy KH không phải đối tượng bị điều tra của cơ quan quản lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc rút khỏi hợp đồng đang được xem xét sau khi chấp nhận</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• KH không chịu trách nhiệm về việc trình bày hợp lý BCTC hoặc các xác nhận tài chính được trình bày trong Báo cáo kiểm toán</li> </ul>	Đã trao đổi Mr Boonlert -Phó Tổng Giám đốc (Được Tổng Giám đốc Ủy quyền, khách hàng đồng ý ký thư giải trình và cũng như những giải trình khác về trách nhiệm lập và trình bày BCTC
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có bằng chứng cho thấy Kh trình bày sai hoặc giấu các thông tin trọng yếu</li> </ul>	Không có bằng chứng cho thấy khách hàng có ý định trình bày sai hoặc giấu các thông tin trọng yếu
	b) Second Partner if:	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sự thay đổi quyền chủ sở hữu của công ty KH hoặc những thay đổi trong ban lãnh đạo dẫn đến tăng rủi ro khi đánh giá rủi ro hợp đồng dịch vụ</li> </ul>	Không có sự thay đổi quan trọng trong bộ máy quản lý của Công ty dẫn đến gia tăng rủi ro đánh giá hợp đồng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• KH không thể hoặc không muốn thanh toán phí kiểm toán các năm trước</li> </ul>	KH đã thanh toán phí kiểm toán năm trước



	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một partner khác hoặc cty kiểm toán thành viên yêu cầu đánh giá lại quan hệ giữa AFA với KH</li> </ul>	Không có partner hoặc Công ty kiểm toán thành viên yêu cầu đánh giá lại mối quan hệ giữa AFA và khách hàng
B4	Có điều khoản hợp đồng cần được cập nhật?	Không có điều khoản hợp đồng cần được cập nhật
B5	Mô tả bất kỳ các mối quan ngại liên quan đến cuộc kiểm toán:	Các quan ngại dưới đây được đánh giá là có ảnh hưởng thấp
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lập và trình bày BCTC</li> </ul>	Tuân thủ theo VAS
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự thừa nhận và sự hiểu biết của ban giám đốc về BCTC</li> </ul>	Ban TGD hiểu và chịu trách nhiệm về lập và trình bày báo cáo
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giới hạn phạm vi</li> </ul>	Không có bất kỳ giới hạn nào
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xung đột giữa các chuẩn mực BCTC và các yêu cầu pháp lí</li> </ul>	Không có sự mâu thuẫn nào trong việc lập và trình bày báo cáo
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khuôn khổ BCTC theo quy định, bố cục hoặc từ ngữ trong Báo cáo kiểm toán của KTV</li> </ul>	Tuân thủ theo VAS

### Đánh giá rủi ro

No.	Thủ tục kiểm toán	Kết quả	Tham chiếu
C1	KH có hoạt động trong ngành rủi ro cao không?	Không	Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất sắm lốp xe máy lĩnh vực này không nằm trong những ngành có rủi ro cao theo AFA
C2	Mô tả bất kỳ các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh.		Không có rủi ro nào trọng yếu có liên quan đến hoạt động của khách hàng này.
C3	Mô tả bất kỳ các rủi ro liên quan đến dòng tiền, nợ hoặc thanh khoản		Không có rủi ro nào trọng yếu có liên quan đến dòng tiền, nợ hoặc thanh khoản của khách hàng này.
C4	Mô tả bất kỳ các rủi ro liên quan đến KH		Chưa có nguy cơ rủi ro nào liên quan đến khách hàng

C5	Mô tả bất kỳ lĩnh vực nào mà kiến thức chuyên ngành là cần thiết để thực hiện đánh giá		Hoạt động kinh doanh đơn giản không cần thiết phải có đánh giá của chuyên gia
C6	Xem xét mục B1 và các mục từ C1 đến C5, đánh giá rủi ro hợp đồng (Cao/ Thấp)?	Thấp	Từ các câu trả lời ở trên, rủi ro chấp nhận khách hàng được đánh giá là THẤP.

### Xem xét tính độc lập

No.	Thủ tục kiểm toán	Kết quả
D1	Mô tả bất kỳ xung đột lợi ích tiềm ẩn nào đã được xác định phát sinh từ các thủ tục bao gồm:	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định các dịch vụ phi kiểm toán và mức phí</li> </ul>	Chỉ cung cấp dịch vụ kiểm toán
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra công cụ theo dõi mối quan hệ toàn cầu</li> </ul>	AFA không có quan hệ nào với Công ty
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra đánh sách các công ty thành viên của KH</li> </ul>	AFA không có bất kỳ mối quan hệ nào với các công ty thành viên làm ảnh hưởng đến tính độc lập
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các biện pháp phòng ngừa cho các trường hợp khác</li> </ul>	Không các điều kiện tiên quyết nào khác ảnh hưởng trọng yếu đến tính độc lập
D2	Mô tả bản chất và mức độ của các biện pháp được áp dụng cho các dịch vụ phi kiểm toán	Không tồn tại các yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến tính độc lập của nhóm kiểm toán cũng như AFA

### Chấp nhận/ từ chối khách hàng

	Thủ tục kiểm toán	Kết quả	Tham chiếu
E1	Từ chối hay chấp nhận khách hàng?	<b>Chấp nhận</b>	Căn cứ vào kết quả các đánh giá ở trên.

### 2.2.2. *Tiền kế hoạch*

Đây là một giai đoạn vô cùng quan trọng và bắt buộc phải có trong bất cứ một cuộc kiểm toán nào. Bởi vì, ở giai đoạn này KTV thực hiện tìm hiểu về mô hình và môi trường kinh doanh của khách hàng. Từ đó, cung cấp cho KTV các dữ liệu đầy đủ để thực hiện kiểm toán, đặc biệt là đối với khách hàng mới. Ngoài ra, thông qua hiểu biết khách hàng và môi trường hoạt động, KTV thiết lập khuôn khổ tham chiếu lập kế hoạch kiểm toán.

#### 2.2.2.1. *Hiểu biết chung về doanh nghiệp [GLV 301]*

KTV trao đổi với Ban giám đốc và bộ phận kế toán để điền những thông tin về bản chất như loại hình đơn vị, thông tin về Ban giám đốc, HĐQT, các bên liên quan, các khách hàng chính và nhà cung cấp chính, mô tả về hệ thống kế toán đơn vị đang sử dụng.

Tại Công ty TNHH A, KTV đã thu thập được một số thông tin như sau:

Bản chất doanh thu của đơn vị là bán sắm lốp xe máy. Thị trường tiêu thụ bao gồm cả ở Việt Nam và nước ngoài. Công ty kinh doanh các lĩnh vực chủ yếu là sản xuất sắm lốp xe máy. Vì công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài và có các giao dịch với khách hàng nước ngoài nên có phát sinh ngoại tệ là đô la Mỹ (USD). Công ty sử dụng phần mềm kế toán Misa – phần mềm này không phức tạp chủ yếu áp dụng để xử lý các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng, hàng tồn kho. Tất cả các nghiệp vụ yêu cầu phải có sự xử lý của nhân viên.

Tiếp theo, KTV thực hiện các hoạt động đánh giá rủi ro, bao gồm: đánh giá rủi ro gian lận, đánh giá rủi ro kinh doanh, phân tích sơ bộ BCTC, đánh giá về khả năng hoạt động liên tục, đánh giá về rủi ro kiểm soát. Tất cả những thủ tục này được KTV tổng hợp và thể hiện trên giấy làm việc số 302 (Đánh giá rủi ro). Liên quan đến đánh giá rủi ro khoản mục nợ phải thu khách hàng, phần tiếp theo của bài viết sẽ trình bày phân tích sơ bộ BCTC và đánh giá rủi ro kiểm soát.

#### 2.2.2.2. *Phân tích sơ bộ BCTC [GLV 302]*

Thủ tục này được KTV thực hiện và trình bày ở GLV 302 [Phụ lục 2]. Đây cũng là một thủ tục không kém phần quan trọng. Ở thủ tục này, KTV phân tích biến động của các khoản mục trên BCTC của năm này so với năm trước, để nhằm xác định những khoản mục trọng yếu. Đối với kiểm toán nợ phải thu khách hàng, KTV chú trọng vào việc phân tích biến động của mục nợ phải thu khách hàng, các khoản ứng trước và dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**Bảng 2.3: Bảng phân tích sơ bộ biến động Doanh thu và nợ phải thu của Công ty TNHH A**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	%
<b>Doanh thu</b>	471.130.770.977	445.641.702.982	25.489.067.995	5,7
<b>Nợ phải thu KH</b>	27.859.570.370	52.059.844.142	(24.200.273.772)	-46,5

(Đính kèm GLV 302 - Phụ lục 2)

Nhận xét: Công nợ phải thu năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020, nguyên nhân do công ty đẩy nhanh tốc độ thu tiền hơn năm trước. Đồng thời, công ty cũng đã thu hồi được phần lớn công nợ tồn đọng (phát sinh ở chi nhánh trước khi giải thể).

### 2.2.2.3. Đánh giá về rủi ro [GLV 302]

**Đánh giá rủi ro gian lận:** Được thực hiện và trình bày trong mục A. Rủi ro gian lận và được cụ thể hóa trong GLV 321. KTV phỏng vấn các thành viên Ban giám đốc và một số nhân viên khác trong đơn vị khách hàng về quan điểm của họ về các rủi ro gian lận và hiểu biết của họ về gian lận hay nghi ngờ gian lận trong Công ty. Đối với Biểu mẫu 322, KTV chọn các bút toán để kiểm tra, bao gồm: Các bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn; Bút toán ghi sổ bất thường/ không thường xuyên; Bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn cuối niên độ; Bút toán ghi sổ bất thường và không thường xuyên cuối niên độ. Đối với bút toán được chọn KTV sẽ kiểm tra các chứng từ gốc có liên quan, sự phê duyệt, việc ghi chép đầy đủ, chính xác, đúng kỳ, có phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày BCTC hay không. Qua đó, để KTV nhận thấy có bất kỳ bằng chứng nào về việc Ban giám đốc sẽ bỏ qua hệ thống kiểm soát (có nghĩa là không chịu sự kiểm soát của hệ thống kiểm soát), và phát hiện những gian lận có thể phát sinh từ sự vượt quyền của Ban giám đốc. Nếu có, KTV cần xem xét xem điều này có thể đưa đến những rủi ro sai sót trọng yếu hay không và đưa những rủi ro này vào Báo cáo rủi ro (Mục I- GLV 302).

Đối với công ty A: Qua trao đổi với Phó TGD (được TGD ủy quyền), KTV không phát hiện bất kỳ yếu tố nào có thể dẫn đến rủi ro gian lận, bao gồm cả rủi ro gian lận trong việc ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, KTV nhận thấy khó xảy ra gian lận do các hoạt động kinh doanh vì tất cả đều được kiểm soát và xét duyệt của kế toán trưởng và Ban TGD, đồng thời do có hệ thống KSNB của công ty kiểm soát và kiểm tra thường xuyên. Đính kèm là GLV 321 ghi nhận kết quả phỏng vấn và GLV trao đổi trong nhóm kiểm toán.

**Đánh giá về khả năng hoạt động liên tục:** mục D. Khả năng hoạt động liên tục [GLV 302 – Phụ lục 2], KTV thực hiện việc đánh giá ban đầu xem có những sự kiện hay điều kiện tồn tại tổng hợp hoặc riêng lẻ, có thể dẫn đến những vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị không, nếu có thì Ban giám đốc đã xử lý chúng như thế nào. KTV cần phỏng vấn Ban giám đốc về những đánh giá ban đầu của Ban giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của DN ở hiện tại và dự định của Ban giám đốc về việc tiếp tục duy trì khả năng hoạt động liên tục trong tương lai, cũng như những hiểu biết của họ đối với những sự kiện, hoạt động nằm ngoài đánh giá của họ, mà điều này đưa ra những nghi ngờ quan trọng về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng.

Đối với công ty A: Dựa trên các thủ tục phân tích ban đầu và qua quá trình khảo sát cho thấy không tồn tại yếu tố nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục. Đồng thời, được biết trong năm 2021 công ty hoạt động kinh doanh đang có lãi và có ý định tiếp tục hoạt động trong tương lai. Qua phỏng vấn, KTV biết được chưa có những sự kiện cũng như hoạt động nằm ngoài đánh giá của Ban giám đốc liên quan đến những nghi ngờ trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị khách hàng. Năm nay công ty cũng tiến hành tăng vốn điều lệ và có mục tiêu hoạt động kinh doanh ngày càng tạo ra nhiều lãi hơn.

**Đánh giá rủi ro kế toán:** mục F. Quy trình BCTC và Rủi ro kế toán [GLV 302- Phụ lục 2] thể hiện việc đánh giá rủi ro kế toán. Trong phần này, KTV sẽ xem xét các chính sách kế toán có nhất quán với năm trước hay không, nếu có thay đổi thì sự thay đổi đó có được trình bày lên Thuyết minh BCTC hay không. Bên cạnh đó, chú ý đến các ước tính kế toán tại doanh nghiệp về khấu hao tài sản cố định, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các ước tính khác. KTV tìm hiểu xem BCTC được lập dựa trên phần mềm kế toán nào và có được Giám đốc xem xét trước khi phát hành hay không.

Đối với công ty A: KTV đánh giá rủi ro kế toán thông qua mục F. GLV 302. Tại GLV này, cho thấy công ty không thay đổi chính sách kế toán so với năm trước và cũng không có chuẩn mực kế toán mới ảnh hưởng đến BCTC của khách hàng. Thêm vào đó, KTV đã phỏng vấn và tìm hiểu được rằng các giao dịch với các bên liên quan đều được phê duyệt đầy đủ và đúng thẩm quyền. Khi ước tính các khoản khấu hao tài sản cố định, kế toán dựa theo *Thông tư 45/2018/TT-BTC* và các khoản trích lập dự phòng theo *Thông tư 48/2019/TT-BTC*. Sau khi kiểm tra sơ bộ, KTV không phát hiện các chênh lệch trong yếu giữa các ước tính và thực tế phát sinh của niên độ. Và cuối cùng là BCTC của công ty A đã được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam trên phần mềm kế toán và được Giám đốc tài chính xem xét kiểm tra trước khi phát hành.

### 2.2.3. *Lập kế hoạch kiểm toán*

#### 2.2.3.1. *Tài liệu cần khách hàng chuẩn bị*

Ở giai đoạn này, KTV sẽ yêu cầu đơn vị khách hàng chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho cuộc kiểm toán, và gửi tập tin qua công cụ hỗ trợ. Các tài liệu này bao gồm: BCTC, sổ Nhật kí chung, sổ Cái các tài khoản. Đối với công ty A, cần các tài liệu như sau:

- BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
- Bảng Cân đối số phát sinh
- Sổ Cái và Sổ chi tiết tài khoản 131.
- Bảng tổng hợp công nợ (hoặc Bảng kê chi tiết số dư tài khoản)
- Bảng đối chiếu công nợ (hoặc Biên bản cân trừ công nợ...)
- Bảng phân tích tuổi nợ
- Thư xác nhận
- Các chính sách (nếu DN có thay đổi)

- Hợp đồng mua bán (hoặc Hợp đồng kinh tế), Hóa đơn bán hàng, Hồ sơ ghi nhận doanh thu.

Tiếp theo đó là việc xác định mức trọng yếu được trình bày tại phần Lập kế hoạch mức trọng yếu và GLV 420 – Phụ lục 5. Theo ECOVIS AFA VIETNAM, việc xác định mức trọng yếu gồm ba phần, đó chính là: mức trọng yếu tổng thể (OM), mức trọng yếu thực hiện (PM) và ngưỡng sai sót có thể bỏ qua.

#### 2.2.3.2. *Xác định mức trọng yếu*

Khi lập chiến lược kiểm toán tổng thể, KTV phải xác định được mức trọng yếu tổng thể BCTC. Việc xác định mức trọng yếu được trình bày tại GLV 420. Trong GLV này, KTV trình bày lí do chọn tiêu chí để tính mức trọng yếu và từ đó tính ra các mức trọng yếu cần thiết. Theo đó, quy trình xác định mức trọng yếu của ECOVIS AFA VIETNAM gồm 3 phần: Mức trọng yếu tổng thể, mức trọng yếu thực hiện và ngưỡng sai sót không đáng kể.

#### ❖ **Mức trọng yếu tổng thể (Overall Material – OM):**

Để xác định mức trọng yếu tổng thể, KTV cần thực hiện các bước sau để xác định mức trọng yếu tổng thể:

- Xác định các đối tượng sử dụng thông tin tài chính.

- Xác định tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu (nghĩa là tiêu chí mà đối tượng sử dụng quan tâm nhất hoặc tiêu chí đó có ý nghĩa với đối tượng sử dụng thông tin tài chính nhất).

- Xác định tỷ lệ phần trăm tương ứng với tiêu chí lựa chọn để xác định mức trọng yếu tổng thể. Được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trọng yếu tổng thể} = \text{Tiêu chí} * \text{Tỷ lệ}$$

Tùy theo từng tiêu chí được chọn mà tỷ lệ % cũng thay đổi tương ứng để mức trọng yếu được tính ra phù hợp, theo quy định của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM, tỷ lệ % dựa theo quy mô của công ty, cụ thể được trình bày trong bảng 2.4 như sau:

**Bảng 2.4: Tỷ lệ tính mức trọng yếu tổng thể của ECOVIS AFA VIETNAM**

(Tỷ giá: 22.500VND/USD)

Tổng TS hoặc Doanh thu		Tài sản ròng		Lợi nhuận gộp	
US\$ million	%	US\$ million	%	US\$ million	%
25	2.0	10	5.0	5	10.0
50	1.5	20	4.0	10	7.5
75	1.0	30	3.5	15	6.0
100	0.75	40	3.25	20	5.5
Over	0.50	Over	3.0	Over	5.0

(Nguồn: Trích từ GLV 420)

Đối với công ty A, các đối tượng sử dụng BCTC của công ty có thể kể đến là các thành viên góp vốn; cơ quan thuế và các cơ quan thống kê. Bên cạnh đó còn có ngân hàng hoặc các nhà đầu tư. Tiêu chí được xác định để tính mức trọng yếu là *Doanh thu*, vì tiêu chí này thể hiện năng suất làm việc của công ty trong năm, thể hiện năng lực sản xuất và quy mô mở rộng thị trường của công ty trong năm.

Tiêu chí	Chọn	Giá trị	Mức trọng yếu tổng thể
<b>Doanh thu</b>	Có	450.000.000.000	<b>9.000.000.000</b>

(Nguồn: Trích từ GLV 420 – Phụ lục 5)

Trưởng nhóm KTV sẽ thực hiện việc lấy số liệu Doanh thu của Công ty từ đó ước lượng tỷ lệ mức trích lập trọng yếu tổng thể. Cụ thể ở đây số liệu 9.000.000.000 VND

chính là số doanh thu 450.000.000.000 x 2% (Tỷ lệ 2% là vì doanh thu nhỏ hơn 25 triệu USD).

❖ **Mức trọng yếu thực hiện (Performance Materiality - PM):**

Nếu mức trọng yếu tổng thể là giá trị mà KTV xác định trên cấp độ toàn bộ BCTC thì mức trọng yếu thực hiện sẽ quyết định nội dung, lịch trình, phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần phải thực hiện. Mức trọng yếu thực hiện có thể thay đổi dựa trên những yếu tố rủi ro mới hoặc những phát hiện kiểm toán mà không tác động đến mức trọng yếu tổng thể. Mức trọng yếu thực hiện được xác định như sau:

$$\text{Mức trọng yếu thực hiện} = \text{Mức trọng yếu tổng thể} * \text{Tỷ lệ}$$

Trong đó, nếu khách hàng có rủi ro kiểm toán thấp thì tỷ lệ là 75%; nếu khách hàng có rủi ro kiểm toán cao thì tỷ lệ là 50%. Đối với Công ty A, vì rủi ro kiểm toán đã được đánh giá là Thấp [GLV 302], nên có mức trọng yếu thực hiện là 75% so với mức trọng yếu tổng thể. Vì vậy, mức trọng yếu thực hiện của công ty A là 9.000.000.000 \* 75% = 6.750.000.000 VND.

MỨC TRỌNG YẾU THỰC HIỆN	CAO / THẤP
Rủi ro tổng thể được đánh giá ở GLV 302	Thấp
Giá trị mức trọng yếu thực hiện	VND <b>6.750.000.000</b>

(Nguồn: Trích từ GLV 420 – Phụ lục 4)


❖ **Ngưỡng sai sót không đáng kể:**

Đây là mức giá trị cụ thể mà sai sót dưới mức đó được coi là sai sót không đáng kể và không cần tổng hợp lại vì KTV cho rằng tổng hợp các sai sót đó không ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

$$\text{Ngưỡng sai sót không đáng kể} = \text{Mức trọng yếu tổng thể} * 3\%$$

NGƯỠNG SAI SÓT KHÔNG ĐÁNG KỂ	
Giá trị ngưỡng sai sót không đáng kể	<b>270.000.000</b>

(Nguồn: Trích từ GLV 420)

		XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU		420
Tên khách hàng	Công ty TNHH A			Ngày
		Người thực hiện	LVH	15/01/2022



		Soát xét	TTNP	15/01/2022
Kết thúc niên độ	31/12/2021	GD	PQT	15/01/2022

### Phần 1: Mức trọng yếu tổng thể

#### 1. Lựa chọn tiêu chí và đối tượng sử dụng BCTC

No.	Thủ tục kiểm toán	Nhận xét
1	Xác định các đối tượng sử dụng BCTC	Báo cáo cho các thành viên góp vốn; Cơ quan thuế và các cơ quan thống kê
2	Mô tả bản chất và tác động của tiêu chí được sử dụng	Chỉ tiêu doanh thu thể hiện năng suất làm việc của Công ty trong năm; thể hiện được năng lực sản xuất và quy mô mở rộng thị trường của công ty trong năm.

#### 2. Chọn ngưỡng trọng yếu

Tiêu chí		Số tiền (VND)	Mức trọng yếu tổng thể
Doanh thu KTV có dự phòng cho khả năng doanh thu có rủi ro bị điều chỉnh giảm do ghi nhận sớm hơn thực tế.	Có	450.000.000.000	9.000.000.000
Tổng tài sản	Không	216.678.344.360	4.333.566.887
Tài sản ròng	Không	93.481.723.244	4.674.086.162
Lợi nhuận sau thuế Có thể sử dụng lợi nhuận sau thuế, vui lòng xem hướng dẫn bên dưới	Không	19.017.938.890	1.901.793.889
Khác			
Lí do chọn tiêu chí khác:			

#### 4. Mức trọng yếu kế hoạch:

Mức trọng yếu tổng thể	Nhận xét
Mức trọng yếu của năm trước	
Mức trọng yếu năm nay	<b>9.000.000.000</b>

### Phần 2: Mức trọng yếu thực hiện

Mức trọng yếu thực hiện	Cao/ Thấp
Đánh giá rủi ro kiểm toán tổng thể tại GLV 302	<b>Thấp</b>
Dựa vào đánh giá rủi ro kiểm toán ở GLV 302, mức trọng yếu thực hiện được tính:	<b>6.750.000.000 VND</b>

(Nếu mức rủi ro kiểm toán tổng thể THẤP, lấy 75% mức trọng yếu tổng thể; Nếu mức rủi ro kiểm toán CAO, lấy 50% mức trọng yếu tổng thể)

### Phần 3: Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua

Số tiền ở dưới mức này thì không điều chỉnh trong GLV 710. (3% của mức trọng yếu tổng thể)	<b>270.000.000</b>
---	--------------------

#### 2.2.3.3. Trao đổi với khách hàng về chương trình kiểm toán

Sau khi tìm hiểu các khía cạnh của đơn vị khách hàng, đánh giá rủi ro và xác định các mức trọng yếu, ECOVIS AFA VIỆT NAM tiến hành bố trí nhân sự tham gia cuộc kiểm toán, gồm 2 kiểm toán viên và 2 trợ lý kiểm toán viên với thời gian là 4 ngày. Thông thường, hầu hết các kiểm toán viên sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán dựa trên một chương trình mẫu được ECOVIS AFA VIETNAM xây dựng sẵn. Chương trình kiểm toán này có thể được xem như là một tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể và hiệu nhất cho các trợ lý kiểm toán cũng như các kiểm toán viên. Chương trình kiểm toán còn giúp cho người xem xét hồ sơ kiểm toán có thể hiểu được những bước công việc mà kiểm toán viên thực hiện trong quá trình kiểm toán. Điều đó làm tăng cao mức độ tin cậy vào kết quả kiểm toán góp phần vào sự thành công của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính. Chương trình kiểm toán được thể hiện qua GLV <5330-Pro> (Audit program).



### CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN

5330

Tên KH	CÔNG TY TNHH A			Ngày
Kết thúc niên độ	31/12/2021	Người thực hiện	LVH	14/02/2022
Tên GLV	Chương trình kiểm toán - Nợ phải thu khách hàng	Soát xét	NMC	15/02/2022

		Cơ sở dẫn liệu					Tham chiếu GLV
		C	A	V	E	P	
<b>A. THỦ TỤC CƠ BẢN</b>							
1)	Xác nhận số dư trên Sổ Cái và số liệu đã kiểm toán năm trước	C	A			P	<b>5340</b>
	Tổng hợp các khoản nợ phải thu khách hàng						<b>&lt;5340-1,2,3&gt;</b>
2)	Thủ tục phân tích	C	A				<b>5342</b>
3)	Thủ tục cho dự phòng phải thu khó đòi			V			<b>5351,5353</b>

4)	Thủ tục gửi thư xác nhận cho khách hàng		A		E	<b>5360</b>
						<b>&lt;5361-5362&gt;</b>
5)	Thủ tục nợ phải thu có phát sinh ngoại tệ			V		<b>5370</b>

#### **2.2.4. Thực hiện kiểm toán**

Các thủ tục liên quan đến kiểm toán các khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM được trình bày lên [GLV 5300 – Trade receivables].

##### *2.2.4.1. Thử nghiệm kiểm soát*

Thông thường, đối với các khách hàng cũ, KTV sẽ không thực hiện thử nghiệm kiểm soát và không thực hiện lại GLV liên quan đến thử nghiệm kiểm soát. Tuy nhiên KTV vẫn tìm hiểu hệ thống KSNB, phỏng vấn Ban giám đốc tại [GLV 302]. Ngoài ra, KTV vẫn thường xuyên quan sát và thực hiện kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan. Đây cũng là cách để đánh giá tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB.

##### *2.2.4.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản*

###### *a. Lập biểu tổng hợp*

Trước hết, KTV lập biểu tổng hợp của hai chỉ tiêu: Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021 (đã được kiểm toán năm 2020).

KTV đối chiếu số dư đầu năm trên biểu tổng hợp, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo kiểm toán năm 2020. Đối chiếu số liệu cuối năm trên biểu tổng hợp với bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối kế toán và sổ Cái.

Kết luận: Sau khi lập biểu tổng hợp và tiến hành đối chiếu, KTV nhận thấy số dư trên biểu tổng hợp khớp đúng với sổ sách kế toán nên chấp nhận số liệu của đơn vị. Công việc này được thực hiện trên [GLV 5310- Biểu tổng hợp phải thu khách hàng].

ECOVIS <sup>®</sup> AFA VIETNAM		BIỂU TỔNG HỢP				5310	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A					Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021					Người thực hiện	14/02/2022
Nội dung	Nợ phải thu khách hàng - Biểu tổng hợp					Soát xét	NMC 15/02/2022
			Số liệu trên sổ sách	Điều chỉnh		Đã kiểm toán	
	Acc.	Ref		Nợ	Có	31-12-2021	31-12-2020
			GL				LY
<b>Ngắn hạn</b>							
Nợ phải thu khách hàng	TK 131N	<5340>	27.859.570.370			27.859.570.370	52.059.844.142
131-VND			12.745.090.567			12.745.090.567	16.578.105.698
131-USD			15.028.766.470			15.028.766.470	30.691.195.638
131-CN			85.713.333			85.713.333	4.790.542.806
Người mua ứng trước	TK 131C	<5340>	5.035.844.703			5.035.844.703	615.018.235
131-VND			1.270.532.077			1.270.532.077	200.000.000
131-USD			3.765.312.626			3.765.312.626	415.018.235
131-CN			-			-	-
<b>Workdone:</b>							
GL- Agreed to general ledger							
LY- Agreed to last audited amount							

Trong đó: **GL**: Khớp với sổ cái; **LY**: Khớp với số liệu năm trước

*b. Lập biểu thuyết minh tổng hợp về nợ phải thu khách hàng*


Thủ tục này được thực hiện trên GLV 5340, được sử dụng để phân biệt số dư của các bên liên quan và với các khách hàng bình thường. Thủ tục này chỉ thực sự cần thiết khi xuất hiện giao dịch với các bên liên quan, nếu không, về cơ bản cũng giống như GLV 5310 – Lập biểu tổng hợp.

GLV này có tham chiếu đến GLV 5380 - Các bên liên quan, nhưng các giao dịch này không phát sinh nên KTV sẽ không thực hiện lên GLV này.

*c. Thủ tục phân tích*

Mục đích: So sánh số dư khoản phải thu khách hàng giữa năm nay với năm trước kết hợp phân tích biến động của doanh thu thuần và dự phòng phải thu khó đòi giữa hai năm. Xem xét và so sánh các hệ số chính như vòng quay các khoản phải thu khách hàng và thời gian thu nợ của kỳ hiện tại và các kỳ trước, chính sách tín dụng bán hàng trong kỳ để đánh giá tính hợp lý của số dư nợ phải thu.

Thủ tục phân tích được thực hiện trên GLV 5342, gồm 4 thủ tục như sau:

		THỦ TỤC PHÂN TÍCH				5342	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A					Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021					Người thực hiện	LVH
Nội dung	Thủ tục phân tích					Soát xét	NMC
							15/02/2022
<b>Thủ tục 1</b>							
<b>So sánh khoản phải thu ngắn hạn khách hàng qua các năm</b>							
		31-12-21	31-12-20	31-12-19	Chênh lệch	% chênh lệch	
Phải thu ngắn hạn KH		27.859.570.370	52.059.844.142	56.001.447.650	(24.200.273.772)	-46%	
<b>Phân tích</b>	Công nợ phải thu năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020, nguyên nhân do Công ty đẩy nhanh tốc độ thu						
	Đồng thời, Công ty cũng đã thu hồi được phần lớn công nợ tồn đọng (phát sinh ở chi nhánh trước khi giải thể)						
<b>Kết luận</b>	Phân tích vòng quay phải thu						
<b>Thủ tục 2</b>							
<b>So sánh số vòng quay nợ phải thu và số ngày 1 vòng quay nợ phải thu qua các năm</b>							
		2021	2020	Chênh lệch	% chênh lệch		
Khoản phải thu KH bình quân		39.959.707.256	54.030.645.896	(14.070.938.640)	-26%		
Doanh thu thuần		468.834.900.041	444.631.005.649	24.203.894.392	5%		
Số vòng quay NPT		12	8	4			
Số ngày 1 vòng quay KPT		31	44	(13)			
<b>Phân tích</b>	Số vòng quay nợ phải thu năm 2021 tăng so với năm 2020 thể hiện tốc độ thu hồi nợ của Công ty tốt hơn. (Tương ứng là số ngày một vòng quay phải thu giảm)						
<b>Kết luận</b>	Rủi ro về nợ quá hạn thanh toán cần lập dự phòng bổ sung giảm đi đáng kể.						

- **Thủ tục 1:** So sánh khoản phải thu khách hàng qua các năm.

Nhìn chung, khoản phải thu ngắn hạn khách hàng năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020. Cụ thể, chỉ tiêu này giảm 46% từ 52.059.844.142 VND xuống còn 27.859.570.370 VND, tương ứng giảm 24.200.273.772 VND. Điều này cho thấy công ty A đã đẩy nhanh tốc độ thu tiền hơn năm trước. Phần lớn, công ty đã thu hồi được công nợ tồn đọng phát sinh ở chi nhánh trước khi giải thể.

- **Thủ tục 2:** So sánh số vòng quay nợ phải thu và số ngày 1 vòng quay nợ phải thu qua các năm.

Trước hết, KTV thu thập số liệu các khoản phải thu khách hàng trong 3 năm liên tiếp là 2019, 2020, 2021 từ Báo cáo tài chính của các năm. Nhận thấy, khoản phải thu khách hàng bình quân năm 2021 so với năm 2020 giảm 14.070.938.640 VND từ 54.030.645.896 VND xuống còn 39.959.707.256 VND tương ứng 26%. Bên cạnh đó, doanh thu thuần lại tăng nhẹ từ 444.631.005.649 VND lên 468.834.900.041 VND, tương ứng 5%. Điều này làm cho số vòng quay nợ phải thu khách hàng năm 2021 tăng thêm 4 vòng so với năm 2020. Số ngày 1 vòng quay cũng vì thế mà giảm đi 13 ngày, từ 44 ngày

xuống còn 31 ngày. Đây thực sự là một dấu hiệu tích cực đối với công ty khách hàng khi mà công tác thu nợ được cải thiện hơn, thu tiền về nhanh hơn.

<b>Thủ tục 3</b>					
<b>So sánh tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi qua các năm</b>					
	31-12-21	31-12-20	Chênh lệch	% chênh lệch	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	#DIV/0!	
Nợ phải thu khách hàng	27.859.570.370	52.059.844.142	(24.200.273.772)	-46%	
Tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-		
<b>Phân tích</b>					
<b>Kết luận</b>					
<b>Thủ tục 4</b>					
<b>So sánh các khoản khách hàng trả tiền trước qua các năm</b>					
	31-12-21	31-12-20	Chênh lệch	% chênh lệch	
Người mua ứng trước	5.035.844.703	615.018.235	4.420.826.468	719%	
<b>Phân tích</b>					
<b>Kết luận</b>					

- **Thủ tục 3:** So sánh tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi qua các năm.

Trong năm 2020 và 2021, công ty không có khoản trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi. KTV cần xem xét lại hợp đồng để xác định thời hạn thanh toán của các khoản nợ.

- **Thủ tục 4:** So sánh các khoản khách hàng ứng trước qua các năm.

Trong năm, công ty A được một số khách hàng ứng trước khoản tiền 5.035.844.703 VND, tăng hơn 7 lần so với năm trước. Đây là biến động có thể được giải thích được, cụ thể, hai trong số khách hàng lớn đó là Công ty Lập Phương ứng trước 1.211.824.355 VND và Công ty Chan. Yoma ứng trước 3.429.081.979 VND [GLV 5340-1, 5340-2].

*d. Xem xét dự phòng khoản phải thu khó đòi*

Công ty Kiểm toán ECOVIS AFA VIETNAM có thiết kế các GLV liên quan đến khoản nợ phải thu khó đòi. KTV bắt đầu với GLV 5351, đây là GLV thể hiện mục tiêu kiểm toán, nguồn gốc số liệu và quy trình thực hiện kiểm toán. Cụ thể hơn, mục tiêu kiểm toán của dự phòng nợ phải thu khó đòi là xem xét tính đầy đủ của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH A không trích lập bất cứ khoản dự phòng phải thu khó đòi nào nên GLV 5352 sẽ không được thực hiện.

Ở GLV 5353, KTV sẽ phải liệt kê danh sách khách hàng mua hàng khó đòi, thực hiện phân loại tuổi nợ và đánh giá trích lập dự phòng. Ta thấy KTV sẽ phải tính toán lại tuổi nợ của từng khách hàng và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định. Cụ thể, số

nợ của khách hàng An Phú Hưng là 85.713.333 VND, tuổi nợ thuộc mức 2-3 năm, phải được trích lập 70% giá trị, tương ứng là 59.999.333 VND. Thứ 2 là công ty Hồng Hà sau khi bù trừ thanh toán sau niên độ có số dư nợ là 75.573.000 VND, tuổi nợ nằm trong khoảng 6 tháng - 1 năm, phải được trích lập 30% giá trị, tương ứng là 22.671.900 VND. Tóm lại, KTV đã phát hiện công ty TNHH A trích thiếu số dự phòng tổng cộng là 82.671.233 VND.

EcoVISA AFI VIETNAM		TỔNG HỢP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÓI										5353			
Tên KH	CÔNG TY TNHH A											Người thực hiện	Ngày thực hiện		
Niên độ	31/12/2021											Người thực hiện	04/02/2022		
Nội dung	Tổng hợp dự phòng nợ phải thu khó đòi											Sốít xét	05/02/2022		
		A		BS											
STT	Khách hàng	Số dư	Bù trừ thanh toán sau niên độ		Số dư ròng	Tuổi nợ					Dự phòng			Dự phòng được trích lập	
			Ngày	Số tiền		> 3 năm	2 năm-3 năm	1 năm-2 năm	6 tháng-1 năm	< 6 tháng	KTV	Đơn vị khách hàng	Chênh lệch		
						100%	70%	50%	30%						
1	An Phú Hưng	85.713.333			85.713.333		85.713.333					59.999.333	-	59.999.333	59.999.333
2	Công ty CP Xây Lấp và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồng	100.000.000		24.427.000	75.573.000				75.573.000			22.671.900	-	22.671.900	22.671.900
	<b>Total</b>	<b>185.713.333</b>		<b>24.427.000</b>	<b>161.286.333</b>		<b>85.713.333</b>		<b>75.573.000</b>			<b>82.671.233</b>		<b>82.671.233</b>	<b>82.671.233</b>
	Check	27.673.857.037											<5352>		
Notes:															
Workdone:															
A - Agreed to detailed trade receivables aging as at year end															
BS - Checked subsequent receipts to Bank Statement for clearance															
Adjustments															
	Adjust the allowance for foubful debts				<5320>										
	Nợ TK 642			82.671.233											
	Có TK 131				82.671.233										

Từ đó, KTV đưa ra bút toán điều chỉnh đề nghị công ty trích lập dự phòng thêm một khoản là 82.671.233 VND. Để bước cuối cùng sẽ đưa vào GLV 5320, tham chiếu ở phần tổng hợp các sai sót.

#### e. Thủ tục Breakdown

Đây là một thủ tục quan trọng đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng. KTV thực hiện thủ tục này trên GLV 5340-1 (VND), GLV 5340-2 (USD) và GLV 5340-3 (chi nhánh). Về cơ bản, thủ tục này chi tiết hóa nợ phải thu theo từng khách hàng, số dư đầu kỳ bên nợ, bên Có; số phát sinh bên Nợ, bên Có; số dư cuối kỳ bên Nợ, bên Có. Từ đó, KTV có thể dễ dàng thực hiện các thủ tục khác nhờ thủ tục này. Thủ tục này được tổng hợp từ Sổ chi tiết khách hàng và bảng tổng hợp khách hàng nếu có.

#### f. Thủ tục chọn mẫu và gửi Thư xác nhận

Đầu tiên, KTV thực hiện phương pháp chọn mẫu trên GLV 520.20 – Audit Sampling. Đối với phương pháp này, KTV sẽ thực hiện trên GLV MUS và GLV Audit Sampling (Phần A và Phần B) – tham khảo Phụ lục 6. Kết quả chọn mẫu để gửi thư xác nhận được trình bày trong GLV Kết quả 131 Nợ và 131 Có. Đối với khoản phải thu khách hàng, mẫu được chọn tương ứng 73%; đối với các khoản trả tiền trước của người mua, KTV chọn mẫu tương ứng với 92%. Cụ thể hơn sẽ trình bày trong Thủ tục gửi thư xác nhận.

Sau khi đã chọn được mẫu để gửi thư xác nhận, bước tiếp theo là sẽ soạn thư xác nhận gửi đến cho từng khách hàng. Việc gửi thư xác nhận là một thủ tục bắt buộc đối với KTV khi kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng và mỗi công ty kiểm toán sẽ có cách thức gửi thư xác nhận khác nhau. Đối với ECOVIS AFA VIỆT NAM, để tiết kiệm thời gian, KTV không trực tiếp gửi thư cho khách hàng mà KTV sẽ nhờ kế toán trưởng đại diện lập và gửi thư xác nhận đến cho khách hàng; và thư phản hồi sẽ được gửi trực tiếp đến cho KTV. Các bước công việc thực hiện được KTV thể hiện trên GLV 5360 – Xác nhận nợ phải thu khách hàng.

Theo đó, tổng số tiền KTV sẽ gửi thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu khách hàng là 20.234.978.236 VND, tương ứng 73% so với tổng nợ phải thu khách hàng; đối với khoản trả tiền trước của người mua, tổng số tiền gửi thư xác nhận là 4.640.906.334 VND, tương ứng 92%. Vì thư phản hồi xác nhận chưa đạt được mục đích ban đầu nên KTV có thực hiện thêm thủ tục thay thế và đã nhận được đầy đủ các xác nhận về số dư của các khoản nợ phải thu. Các bước công việc thực hiện được trình bày trong GLV 5361 - Đối với nợ phải thu khách hàng và GLV 5362 – Đối với khoản trả trước của người mua.



ECOVIS <sup>®</sup> AFA VIETNAM		XÁC NHẬN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG					5360	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A						Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021					Người thực hiện	LVH	04/02/2022
Nội dung	Xác nhận nợ phải thu khách hàng					Soát xét	NMC	05/02/2022
<b>Mục tiêu</b>								
Đề đảm bảo tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản nợ phải thu khách hàng (Assertion: A and E of trade receivables).								
<b>Nguồn</b>								
Các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2021.								
<b>Lấy mẫu</b> Chon mẫu <Tham chiếu GV 520.20.Audit Sampling.TK 131>								
<b>Các bước thực hiện</b> Gửi thư xác nhận khoản phải thu khách hàng:								
(a) Năm bắt được tất cả các thông tin cần thiết của khách hàng để thực hiện việc chọn các đối tượng gửi TXN.								
(b) Chọn Hóa đơn hoặc số dư xác nhận								
(c) Trao đổi với người đại diện về danh sách hóa đơn/ Người mua mà KTV đề xuất gửi TXN								
(d) Nếu Khách hàng muốn KTV không xác nhận một số hóa đơn hay đối tượng mua hàng nhất định, phải ghi lại lý do và thảo luận lại với Trưởng đoàn/ Người chịu trách nhiệm chính.								
(e) Xác minh địa chỉ của người mua với khách hàng								
(f) Thư xác nhận phân hồi từ các đối tượng phải tuyệt đối đảm bảo và được kiểm soát trong quá trình gửi thư. TXN phải được gửi và nhận trực tiếp bởi								
(g) Nếu chưa nhận được thư phân hồi, gửi thư yêu cầu xác nhận lần 2 sau một khoảng thời gian hợp lý kể từ lần 1.								
(h) Đối với các xác nhận đã nhận được:								
(i) Đối chiếu số tiền trên thư xác nhận với hồ sơ kế toán của khách hàng								
(ii) Chuyển tiếp bản sao của tất cả các xác nhận chỉ ra sự khác biệt cho khách hàng để đối chiếu. Có được những lời giải thích thỏa đáng cho những khác biệt này.								
(iii) Xác thực nguồn xác nhận ở dạng điện tử (Ví dụ: theo dõi xác nhận qua fax hoặc thư điện tử qua điện thoại)								
(i) Thực hiện các thủ tục thay thế đối với các hóa đơn/ đối tượng mua hàng mà công ty KH không đồng ý gửi TXN và TXN không có phân hồi hoặc phân hồi chưa thỏa đáng.								
<b>Đối với Nợ phải thu KH:</b>								
(i) Đối chiếu với các biên lai thu tiền hoặc phiếu gửi tiền.								
(ii) Đối chiếu với phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng								
(iii) Xem xét các tài liệu hỗ trợ khác, ví dụ như Hợp đồng, thỏa thuận mua bán,...								
<b>Đối với khoản trả tiền trước của người mua:</b>								
(i) Agree subsequent goods receipts to duplicate GRN (Goods Receipt Note) or Invoice.								
(ii) Agree to purchasing records.								
(iii) Xem xét các tài liệu hỗ trợ khác, ví dụ như Hợp đồng, thỏa thuận mua bán,...								
(j) Hoàn thành GLV gửi thư xác nhận								
(k) Chuyển tiếp bản sao của tất cả các xác nhận chỉ ra sự khác biệt cho khách hàng để xóa khi có được những lời giải thích thỏa đáng cho những khác biệt								
<b>Findings:</b>								
	<b>Tài khoản</b>	<b>Số liệu trên sổ sách</b>	<b>Gửi thư xác nhận</b>	<b>Ref</b>	<b>Xác nhận từ khách hàng</b>	<b>Thủ tục thay thế</b>	<b>Còn lại</b>	
	Nợ phải thu khách hàng	27.859.570.370	20.234.978.236	<5361>	12.867.842.676	7.367.135.560	-	
	Tỷ lệ	<5340>	73%		46%	26%	0%	
	Người mua ứng trước	5.035.844.703	4.640.906.334	<5362>	1.211.824.355	3.429.081.979	-	
	Tỷ lệ	<5340>	92%		24%	68%	0%	
<b>Kết luận</b>								
Dựa trên các bước công việc kiểm toán thực hiện, chúng tôi kết luận rằng rủi ro của sai sót có trọng yếu được giảm xuống mức chấp nhận được.								

ECOVIS <sup>®</sup> AFA VIETNAM		NGƯỜI MUA ỨNG TRƯỚC- TỔNG HỢP THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ										5362				
Tên KH	CÔNG TY TNHH A											Người thực hiện	Ngày thực hiện			
Niên độ	31/12/2021											Người thực hiện	LVH	04/02/2022		
Nội dung	Người mua ứng trước - Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế											Soát xét	NMC	05/02/2022		
<b>Khách hàng ứng trước</b>																
		Số tiền theo sổ sách			Thư xác nhận				Chênh lệch			Thủ tục thay thế		Đối chiếu mẫu Công ty		
Mã	Khách hàng	Loại tiền tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Ngày gửi	Ngày nhận	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Số tiền	Đối chiếu	Ref	Số tiền	Ref	
00-067	CHAN MYAE YOMA CO.,LTD	USD	3.429.081.979	147.202.70										3.429.081.979	3.429.081.979	<5362-1>
	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương	VND	1.211.824.355				1.211.824.355					<5362-2>				
<b>Total</b>			<b>4.640.906.334</b>				<b>1.211.824.355</b>							<b>3.429.081.979</b>		
			<5360>				<5360>							<5360>		
<b>Work steps:</b>																
C - Confirmations circularised																
INV -Vouched to sales invoices after year																
CT -Vouched to contract																

ECOVIS AFA VIETNAM		TỔNG HỢP THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ										5361		
Tên KH	CÔNG TY TNHH A											Người thực hiện	Ngày thực hiện	
Niên độ	31/12/2021											Người thực	04/02/2022	
Nội dung	Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế											Soát xét	05/02/2022	
Nợ phải thu KH		Thư xác nhận										Các thủ tục thay thế	Đối chiếu công nợ	Giấy báo có
Mã	Khách hàng	Loại tiền tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Ngày gửi	Ngày nhận	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Đối chiếu			
53-122	Công ty TNHH Quick One	VND	2.462.556.678	-			2.462.556.678	-				5361-1		
00-008.18	Savanmisay Import-Export Company	USD	3.659.585.265	159.147,00									3.659.585.265	3.659.585.265
00-010	Camel Industries Co.,Ltd	USD	3.659.079.805	158.848,70			3.659.079.805	158.848,70	-			5361-3		
00-062	INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD	USD	2.427.562.364	105.385,82									2.427.562.364	2.427.562.364
29-118	Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam	VND	1.965.642.752	-			1.965.642.752	-	-			5361-5		
29-121	Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam	VND	1.400.000.000	-			1.400.000.000	-	-			5361-6		
43-102	Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hóa	VND	706.204.523	-			706.204.523	-	-			5361-7		
53-121	Công ty TNHH Năng Lương Đình Việt	VND	636.320.617	-			636.320.617	-	-			5361-8		
88-001	Công ty TNHH Lưu Lan	VND	1.244.546.387	-			1.244.546.387	-	-			5361-9		
00-024	TECK HIN MOTOR TRADING SDN. BHD	USD	1.279.987.931	55.663,75									1.279.987.931	1.279.987.931
00-051	NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan Chonsamut)	USD	793.491.914	34.507,15			793.491.914	34.507,15	-	-				
<b>Tổng</b>			<b>20.234.978.236</b>	<b>513.552,42</b>			<b>12.867.842.676</b>	<b>193.355,9</b>					<b>7.367.135.560</b>	
			<5360>				<5360>						<5360>	

*g. Thủ tục đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ*

Mục tiêu: Đảm bảo các số dư có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế ngày 31/12/2021. Trong phần này sẽ không đánh giá các khoản trả tiền trước của người mua. KTV tính toán lại theo tỷ giá thực tế được tra từ website của ngân hàng đó. Sau quá trình tính toán, cho ra kết quả không có chênh lệch.



### 2.2.5. Kết thúc kiểm toán

Sau khi kết thúc giai đoạn thực hiện kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tổng hợp lại tất cả các GLV của các thành viên và bảng tổng hợp sai sót khoản nợ phải thu khách hàng, KTV cần xem xét những vấn đề cụ thể như sau:

#### 2.2.5.1. Xem xét và điều chỉnh lại mức trọng yếu kế hoạch và các sai sót

Trong giai đoạn Chuẩn bị kiểm toán, KTV đã xác định mức trọng yếu tổng thể dựa trên tiêu chí Doanh thu, nhưng lại không lấy số chính xác (cụ thể là 471.130.770.977 VND) mà giảm nó đi một ít để phòng trường hợp cho các điều chỉnh giảm doanh thu do ghi nhận sai kỳ hoặc khai không doanh thu. Đến giai đoạn kết thúc kiểm toán, không có yêu cầu nào cần điều chỉnh giảm doanh thu nên sẽ điều chỉnh lại mức trọng yếu kế hoạch ban đầu là 9.422.615.420 VND ( $= 471.130.770.977 * 2\%$ ). Đánh giá mức trọng yếu tổng thể cuối cùng trích GLV 710.10 – Phụ lục 6:

1. Trọng yếu tổng thể cuối cùng	9.422.615.420
2. Trọng yếu tổng thể kế hoạch	9.000.000.000
3. Chênh lệch	422.615.420

Tổng hợp các sai sót liên quan đến khoản mục nợ phải thu khách hàng, nội dung cần điều chỉnh là trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi một khoản là 82.671.233 VND. Bút toán điều chỉnh: Nợ Tài khoản 642: 82.671.233 VND

Có Tài khoản 131: 82.671.233 VND.

#### B. Tổng hợp các sai sót điều chỉnh

Diễn giải	Tham chiếu	KQHĐKD	Bảng CĐKT
		Nợ/Có	Nợ/Có
Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cho một số công nợ phải thu tồn đọng quá hạn thanh toán trên TK 131 là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019. Số dự phòng cần phải trích lập bổ sung là: 82.671.233 VND	<b>5320</b>	82.671.233	(82.671.233)

(Nguồn: Trích GLV 710)

#### 2.2.5.2. Thủ tục phân tích tổng thể BCTC cuối cùng

KTV thực hiện lại thủ tục phân tích BCTC nhằm mục đích kiểm tra lại các biến động bất thường chưa được giải quyết. Thủ tục này khác với thủ tục ở giai đoạn tiền kế hoạch ở chỗ số liệu được dùng để phân tích là số liệu sau khi đã kiểm toán. Nhìn chung không có sự thay đổi ở 2 khoản mục này so với giai đoạn Chuẩn bị kiểm toán. Thủ tục phân tích được minh họa như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Chênh lệch
	VND	VND	VND	%
<b>Doanh thu</b>	471.130.770.977	445.641.702.982	25.489.067.995	5,7
<b>Nợ phải thu KH</b>	27.859.570.370	52.059.844.142	(24.200.273.772)	-46,5

### **2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

#### **2.3.1. Ưu điểm**

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM đang ngày càng phát triển và là đối tác quan trọng đối với những khách hàng tại khu vực miền Trung và cả nước. Vì vậy, công ty luôn đề cao về mặt chất lượng trong các cuộc kiểm toán. Để làm được điều đó, công ty chú trọng việc đào tạo và cập nhật các kiến thức mới nhất cho nhân viên bằng cách tổ chức các giờ học bắt buộc và luôn phổ biến những chuẩn mực, thông tư mới nhất cho nhân viên.

Thông qua trải nghiệm thực tế tại công ty, có thể thấy rằng công ty có quy trình kiểm toán cực kỳ logic và chặt chẽ. Công ty có bao gồm năm giai đoạn kiểm toán, khác với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VACPA) và hầu hết các công ty kiểm toán trong nước – chỉ có 3 giai đoạn.

**Đối với giai đoạn đánh giá và chấp nhận khách hàng:** Công ty TNHH A là công ty kiểm toán năm thứ sáu, tuy nhiên công ty vẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục để đánh giá rủi ro hợp đồng kiểm toán và tính độc lập của công ty kiểm toán đối với khách hàng. Trên thực tế khi đi kiểm toán, tùy vào quy mô của khách hàng, ECOVIS AFA VIETNAM sẽ sắp xếp đoàn kiểm toán phù hợp. Đối với khách hàng cũ, công ty kiểm toán sẽ phân công đoàn kiểm toán có ít nhất một người đã từng tham gia kiểm toán năm trước. Tuy nhiên, công ty vẫn theo dõi và luân chuyển các thành viên trong đoàn để đảm bảo tính độc lập.

**Đối với giai đoạn tiền kế hoạch:** Tại ECOVIS AFA VIETNAM, chương trình kiểm toán mẫu được thiết kế ngay từ đầu và có thể được điều chỉnh phù hợp tùy với khách hàng. Mỗi quy mô khách hàng lớn hay vừa đều có mẫu giấy làm việc khác nhau. Việc này khiến cho công ty tiết kiệm được thời gian kiểm toán, và có thể dễ dàng tiếp cận vấn đề hơn. Mặt khác, phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro là một xu hướng

tất yếu trong kiểm toán ngày nay, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và Chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

**Đối với giai đoạn lập kế hoạch:** Tại giai đoạn này, dựa trên các rủi ro đã được đánh giá ở phần tiền kế hoạch, KTV đã thiết lập mức trọng yếu một cách có hệ thống. Ngoài ra, trưởng đoàn sẽ xem xét mức độ quan trọng của các khoản mục và kinh nghiệm làm việc của các thành viên trong đoàn để có sự sắp xếp hợp lý. Đối với chu trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng, thường sẽ là trưởng đoàn và KTV có kinh nghiệm từ ba năm trở nên đảm nhiệm, vì vậy hạn chế được sai sót trong quá trình kiểm toán. Bên cạnh đó, ở giai đoạn này, trưởng đoàn sẽ kiểm tra lại tất cả các vấn đề trong giai đoạn lập kế hoạch để định hướng công việc cụ thể, và tránh gây ra sai sót trong quá trình thực hiện kiểm toán.

**Đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán:** Các thủ tục thực hiện ở giai đoạn kiểm toán được ECOVIS AFA VIETNAM thực hiện theo trình tự hợp lý, từ các thủ tục chung đến thủ tục phân tích và thử nghiệm chi tiết. Thêm vào đó, ECOVIS AFA VIETNAM thiết kế mẫu giấy làm việc dễ hiểu, các thủ tục được thể hiện ngắn gọn, xúc tích, nhờ vậy chất lượng của cuộc kiểm toán được nâng cao. Mặc dù thời gian kiểm toán thực tế tại đơn vị có hạn, KTV vẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục và trao đổi với Ban giám đốc, kế toán trưởng để đưa ra nhận xét hợp lý đối với các biến động bất thường trên giấy làm việc. Đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng, các thủ tục được thực hiện trên nhiều giấy làm việc của khoản mục nợ phải thu khách hàng (Giấy làm việc 5300), nhưng KTV vẫn có tham chiếu GLV để có thể đối chiếu với nhau.

**Đối với giai đoạn kết thúc kiểm toán:** Giai đoạn này cũng không kém phần quan trọng, vì tại giai đoạn này KTV đưa ra ý kiến kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán. KTV đã tiến hành các thủ tục như kiểm tra sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán, phân tích BCTC lần cuối cùng,... hoàn toàn tuân thủ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Bên cạnh đó, để phát hành Báo cáo kiểm toán, phải trải qua nhiều giai đoạn soát xét được trưởng đoàn kiểm tra lại. Sau đó, những KTV đã có kinh nghiệm lâu năm là Ban soát xét và Ban giám đốc sẽ duyệt lại lần nữa, giảm thiểu khả năng đưa ra ý kiến sai, ảnh hưởng đến khách hàng và uy tín của công ty kiểm toán.

### **2.3.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trong từng giai đoạn kiểm toán ở trên, trong giai đoạn lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại ECOVIS AFA VIETNAM vẫn có một số hạn chế có thể kể đến sau đây:

**Thứ nhất, đối với giai đoạn lập kế hoạch:**

Về quy trình đánh giá mức trọng yếu, công ty thực hiện đánh giá mức trọng yếu tổng thể chung cho toàn BCTC sau đó lấy kết quả đánh giá mức trọng yếu tổng thể đó áp dụng vào từng khoản mục, đồng nghĩa rằng không tồn tại hoạt động đánh giá mức trọng yếu riêng cho các khoản mục. Điều này có thể gây ra sự sai lệch về giá trị chọn mẫu cho từng khoản mục riêng biệt, cụ thể ở đây là khoản mục nợ phải thu khách hàng. Vì mỗi khoản mục sẽ chiếm một tỷ trọng khác nhau và sự ảnh hưởng của khoản mục đó đến toàn bộ BCTC cũng khác nhau. Nên việc lấy kết quả đánh giá mức trọng yếu tổng thể ban đầu rồi áp dụng cho tất cả các khoản mục trong BCTC là chưa thực sự phù hợp. Nguyên nhân công ty không thực hiện đánh giá mức trọng yếu cho từng khoản mục vì như vậy sẽ tốn nhiều thời gian và cả chi phí (nếu mời thêm chuyên gia) để tìm hiểu bản chất từng khoản mục trong từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của khách hàng. Bởi chỉ khi tìm hiểu kỹ thì mới có thể đánh giá mức trọng yếu một cách phù hợp và chính xác nhất, hạn chế được các sai lệch có thể gây ra.

### **Thứ hai, đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán:**

Về việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát, các thử nghiệm này sẽ giúp KTV đánh giá lại hệ thống KSNB, từ đó KTV điều chỉnh tăng hoặc giảm các thử nghiệm cơ bản cũng như giúp KTV đưa ra những giải pháp phù hợp để hoàn thiện thủ tục kiểm soát cho đơn vị khách hàng. Tuy vậy, trong quá trình trải nghiệm thực tế cuộc kiểm toán tại công ty khách hàng, KTV đã hạn chế các thử nghiệm kiểm soát mà thực hiện ngay các thử nghiệm cơ bản ở mức độ phù hợp. Nguyên nhân là để hạn chế tổn kém về thời gian và chi phí của cuộc kiểm toán. Công ty kiểm toán cũng không thiết kế các GLV cho thử nghiệm kiểm soát mà chỉ thông qua các GLV khác.

Về việc gửi thư xác nhận, như đã nói ở phần trước, KTV yêu cầu công ty khách hàng gửi thư xác nhận cho các khách hàng của họ (theo mẫu thư xác nhận được thiết kế là khách hàng kiểm toán sẽ ký ở mục gửi đi và sau đó gửi cho khách hàng của họ, với nội dung xác nhận sẽ gửi kết quả trực tiếp về cho KTV). Điều này tuy có thể tiết kiệm chi phí và thời gian của cuộc kiểm toán nhưng có thể dẫn đến việc KTV sẽ không nhận được thư phản hồi từ các đối tượng đó do công ty khách hàng không gửi (do cố ý hoặc vô ý). Khi đó, KTV buộc phải làm các thủ tục thay thế, sẽ làm mất thời gian của cuộc kiểm toán hơn.

Về giấy tờ làm việc của công ty: Các KTV thực hiện một số giấy làm việc còn khá đơn giản, ví dụ như GLV 5300 - To do list, Chương trình kiểm toán (Audit program). Thường thì để tiết kiệm thời gian, KTV sẽ bỏ qua những GLV như trên. Đây có thể là sự chủ quan đến từ các KTV bởi vì các GLV trên không mất quá nhiều thời gian để hoàn thành. Một số GLV liên quan đến đánh giá hệ thống KSNB đối với khoản mục nợ phải

thu khách hàng thì công ty chưa thiết kế GLV riêng để đánh giá hệ thống KSNB của khoản mục này.

Về tình hình nhân sự, công ty dường như đang thiếu hụt nhân sự trong những ngày trọng tâm của mùa kiểm toán, khối lượng công việc quá lớn và thời gian kiểm toán quá ngắn ngày cộng với việc các đoàn kiểm toán phải di chuyển nhiều nơi đã vắt kiệt sức lực của các thành viên trong đoàn. Điều đó sẽ ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của các thành viên và có thể sẽ làm giảm chất lượng kiểm toán mà ban đầu công ty cam kết mang lại.



## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

### **3.1. Quan điểm hoàn thiện của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

**Về hoạt động kinh doanh:** Hoạt động kiểm toán độc lập đã hình thành, phát triển và đã trở thành nhu cầu tất yếu đối với hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng quản lý của doanh nghiệp. Đối với bất kỳ một công ty kiểm toán nào khi tham gia vào thị trường đều mong muốn đứng vững trên thị trường và trở thành một công ty kiểm toán hàng đầu. Không nằm ngoài quy luật chung ấy, ECOVIS AFA VIETNAM cũng luôn không ngừng cố gắng để nâng cao chất lượng kiểm toán của mình.

**Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:** Ban giám đốc ECOVIS AFA VIETNAM hằng năm luôn tuyển dụng và đào tạo nhân viên mới. Công ty có soạn và giảng dạy những tài liệu để đào tạo nội bộ nhân viên theo hướng riêng của ECOVIS AFA VIETNAM mang lại hiệu quả cao và nhanh chóng. Đối với sinh viên thực tập, công ty sẽ có 1 tuần đào tạo các thực tập sinh nhằm tổng quan hóa những vấn đề kiểm toán và hệ thống lại kiến thức về kiểm toán các khoản mục, làm tiền đề để thực tập sinh trang bị vững kiến thức trước khi bước vào mùa thực tập thực tế. Ngoài ra, ban lãnh đạo của công ty cũng thường xuyên được mời tham dự các buổi tọa đàm được tổ chức ở các trường đại học, học viện để chia sẻ kinh nghiệm cũng như lan tỏa năng lượng, tiếp thêm động lực cho các sinh viên yêu thích ngành kiểm toán.

**Về quy trình và chất lượng dịch vụ:** Chương trình kiểm toán của công ty được thiết kế chặt chẽ nhằm đảm bảo tất cả các cuộc kiểm toán được tiến hành phù hợp với chuẩn mực và đạt hiệu quả cao nhất. Để đảm bảo những vấn đề phát sinh được giải quyết kịp thời, cuộc kiểm toán luôn được đặt dưới sự hướng dẫn chu đáo và giám sát kỹ lưỡng từ các cấp quản lý. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng một kế hoạch kiểm toán từ tổng thể đến chi tiết, cùng với sự phân công phù hợp và liên kết chặt chẽ giữa các KTV.

Ngoài ra, giấy tờ làm việc được thiết kế và soát xét kỹ lưỡng qua nhiều cấp, hồ sơ kiểm toán được sắp xếp hợp lý, khoa học và thuận tiện cho KTV trong quá trình làm việc cũng như tra cứu và phát hiện các sai sót trọng yếu.

**Về công tác tổ chức, quản lý:** Đối với ban giám đốc, công ty đã không ngừng nâng cao năng lực quản lý, khả năng lãnh đạo để kiện toàn bộ máy tổ chức điều hành công ty. Tăng cường chỉ đạo hoạt động của công ty thông qua việc phân công công việc cụ thể nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong từng bộ phận.

Về mặt đối ngoại: Sự chuyên nghiệp, đặt chất lượng lên hàng đầu cùng với thái độ tận tâm tạo nên thương hiệu ECOVIS AFA VIETNAM. Từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên ECOVIS AFA VIETNAM đều cẩn trọng trong từng tương tác với khách hàng, trau chuốt trong từng sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp. Đồng thời, ECOVIS AFA VIETNAM luôn gương mẫu trong việc hoàn thành nghĩa vụ với xã hội, cộng đồng, cam kết góp phần tích cực vào xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ và nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Về mặt đối nội: ECOVIS AFA VIETNAM tồn tại và phát triển trên tinh thần đoàn kết và chia sẻ, đó cũng là điểm cốt lõi làm nên sức mạnh tập thể. Tinh thần đó thể hiện qua sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau trong công việc, sự chân thật và cởi mở trong giao tiếp và trong cuộc sống. Mỗi nhân viên đều được công ty tạo mọi điều kiện để phát huy sở trường, thế mạnh của mình, phát triển cả về chuyên môn và cuộc sống cá nhân, đồng thời trở thành một thành viên trong một đội thống nhất, để cùng hoàn thiện và phát triển bền vững.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

Nhìn chung, chương trình kiểm toán BCTC của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM xây dựng phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, quốc tế và với hầu hết các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, công ty vẫn cần nâng cao hiệu quả của cuộc kiểm toán nhằm hướng đến mục tiêu chung là đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán, tăng độ tin cậy của người sử dụng đối với báo cáo tài chính đã qua kiểm toán, nâng cao uy tín và vị thế của công ty. Để làm được điều này, công ty cần phải cải thiện được những hạn chế xảy ra trong quá trình thực hiện kiểm toán. Sau khi được công ty tạo cơ hội được đi trải nghiệm kiểm toán thực tế tại công ty khách hàng, đặc biệt là kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng, em xin phép được mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng nói riêng.

#### **Thứ nhất, đối với giai đoạn lập kế hoạch:**

Như đã trình bày lại phần hạn chế của công ty, công ty không đánh giá mức trọng yếu cho từng khoản mục mà chỉ thiết lập mức trọng yếu tổng thể cho tất cả các khoản mục. Điều này là do mỗi khoản mục đều có đặc điểm nhất định và có thể dẫn đến việc các sai phạm nhỏ hơn trọng yếu sẽ bị bỏ qua. Bởi vì thế, xác định mức trọng yếu riêng cho từng khoản mục là rất hữu ích để KTV có thể khoanh vùng được các khoản mục đặc biệt, từ đó đưa ra các thủ tục kiểm toán phù hợp.

Để tiến hành phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục, KTV phải căn cứ và rủi ro đã được đánh giá tại giai đoạn tiền kế hoạch của khoản mục đó. Đồng thời, KTV nên kết hợp giữa kinh nghiệm, chi phí và thời gian kiểm toán của khoản mục đó để ước tính mức trọng yếu theo giá trị cho khoản mục. Như vậy, khoản mục được đánh giá có rủi ro cao (cụ thể là rủi ro kiểm soát và rủi ro tiềm tàng) thì mức trọng yếu được phân bổ là thấp. Nếu mức trọng yếu thấp, thì KTV phải tốn nhiều thời gian để thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán, cụ thể là thử nghiệm chi tiết. Và khi tổng hợp lại các sai lệch, KTV so sánh với mức trọng yếu tổng thể. Sau đây là các bước chi tiết hơn để phân bổ mức trọng yếu:

KTV sẽ chọn ra những khoản mục đặc biệt chắc chắn phải kiểm tra, đối với khoản mục này, nên thiết lập mức trọng yếu bằng không. Còn đối với những khoản mục có số dư quá bé, hầu như là không có rủi ro thì KTV sẽ bỏ qua. Những khoản mục còn lại sẽ được ước tính mức trọng yếu thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Mức trọng yếu tổng thể từng khoản mục} = \text{Tiêu chí} * \text{Tỷ lệ}$$

Trong đó, mức tỷ lệ này phụ thuộc vào xét đoán của KTV đối với từng khoản mục trên báo cáo tài chính của từng khách hàng cụ thể.

#### **Thứ hai, đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán:**

Về thử nghiệm kiểm soát: Thử nghiệm kiểm soát là các thủ tục được thiết kế để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống KSNB trong việc ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa các sai sót trọng yếu ở cấp độ cơ sở dẫn liệu. Việc đánh giá hệ thống KSNB tại công ty khách hàng là bước quan trọng khi thực hiện kiểm toán vì nó giúp KTV thiết kế một chương trình kiểm toán phù hợp, định rõ được phạm vi của các thử nghiệm cơ bản (nên mở rộng hay thu hẹp). Hệ thống KSNB của công ty khách hàng được KTV đánh giá là hiệu quả thì càng phải thu thập nhiều bằng chứng kiểm toán thuyết phục hơn. Ngược lại, khi hệ thống KSNB của khách hàng được đánh giá là không hiệu quả thì những Bảng câu hỏi về độ tin cậy phải được bổ sung. Do đó, công ty nên chú trọng hơn vào thực hiện kiểm tra hệ thống KSNB đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Vì đối với những công ty có hệ thống KSNB hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, KTV sẽ tập trung thu về các bằng chứng hơn là mở rộng các thử nghiệm cơ bản, đỡ tốn kém chi phí và nguồn lực hơn. Ngoài ra, Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM nên thiết kế các GLV thử nghiệm kiểm soát riêng cho từng đối tượng khách hàng để thể hiện rõ ràng và đầy đủ các thử nghiệm KSNB liên quan đến khoản mục.

Về việc gửi thư xác nhận: Thư xác nhận nên được gửi bởi KTV và được thiết kế mẫu thư xác nhận với chủ thể gửi thư là công ty kiểm toán (KTV). Như vậy sẽ đảm bảo

chất lượng cũng như thời gian của kết quả thư xác nhận nhận được. Thư xác nhận cần được đảm bảo đúng thời gian nhận thư để KTV có thể dùng các thủ tục thay thế trong trường hợp thư xác nhận không cho được kết quả kiểm toán mong muốn. Để tránh việc thư xác nhận được phản hồi chậm, KTV (hoặc trợ lý KTV) nên gửi điện báo hoặc email nhắc các đối tượng khách hàng cần xác nhận trước 1 – 2 ngày so với thời gian ghi trong thư. Điều này hạn chế bớt việc KTV làm các thủ tục thay thế, vì có thể bên đối tượng khách hàng quên mất thời gian, không kịp thời trả lời thư xác nhận. Sau đây là mẫu TXN được đề xuất sau khi thay đổi thiết kế chủ thể gửi thư:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

**Địa chỉ: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.**

**Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338**

Ngày:

**Kính gửi: CÔNG TY X**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 VÀ TẠI NGÀY 31/12/2020 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên trên. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền Công ty TNHH A phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : ... VND

Số tiền Công ty TNHH A phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2020 : ... VND

Số tiền Công ty TNHH A nhận ứng trước của Quý vị tại ngày 31/12/2021 : ... VND

Số tiền Công ty TNHH A nhận ứng trước của Quý vị tại ngày 31/12/2020 : ... VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho chúng tôi.

Trân trọng,

Đại diện công ty kiểm toán:

**Giám đốc**

**Phạm Quang Trung – Kiểm toán viên**

---

Xác nhận của **CÔNG TY X**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

---

**CÔNG TY X**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

Số điện thoại:

**Địa điểm, Ngày:**

Địa chỉ Email:

Về tình hình nhân sự: Trong các mùa kiểm toán, giai đoạn từ tháng 12 đến hết tháng 3, tình trạng nhân viên đối mặt với việc phải làm quá sức và không đảm bảo thực hiện kịp thời hợp đồng kiểm toán khá dễ xảy ra. Điều đó có thể vừa làm ảnh hưởng sức khỏe của các đoàn kiểm toán vừa dễ làm uy tín của công ty bị giảm sút khi bị trễ so với thời hạn dự kiến ban đầu. Chính vì vậy, với quy mô ngày càng phát triển như ECOVIS AFA VIETNAM thì công ty nên tuyển dụng thêm nhân sự, đào tạo về chuyên môn, về kỹ năng nghiệp vụ. Thời gian tuyển trợ lý KTV hợp lý nhất là khoảng từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm. Ngoài ra, vào mùa kiểm toán, công ty có thể phụ cấp thêm cho thực tập sinh để có thể vừa đảm bảo đủ nhân lực làm việc, tăng thêm tinh thần hào hứng, nhiệt tình của toàn thể công ty và quan trọng hơn hết là uy tín và chất lượng của ECOVIS AFA VIETNAM được nâng cao.

### 3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước

#### 3.3.1. Kiến nghị đến Bộ Tài chính

Ở nước ta hiện nay ngành kiểm toán đang ngày càng phát triển, tuy nhiên các văn bản pháp luật và pháp lý về ngành kiểm toán của nước ta còn nhiều điểm chưa hoàn chỉnh, thường xuyên sửa đổi bổ sung, gây khó khăn cho KTV trong quá trình cập nhật các điều Luật, Thông tư và Nghị định khi thực hiện kiểm toán. Nhằm nâng cao chất lượng ngành kiểm toán, các cơ quan Nhà nước nên tổ chức các lớp tập huấn nhằm trực tiếp giúp cho các doanh nghiệp kiểm toán kịp thời cập nhật và hiểu biết về pháp lý pháp luật để áp dụng các chuẩn mực, văn bản này một cách dễ dàng, hạn chế những sai sót do hiểu nhầm hoặc không hiểu rõ quy định.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính nên tăng cường kiểm soát hoạt động của các công ty kiểm toán và xử lý tức thời các sai phạm phát sinh. Bộ Tài chính rất chú trọng đến các doanh nghiệp niêm yết, công ty đại chúng vì nhằm giúp cho các doanh nghiệp chuẩn hóa, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Cụ thể, trách nhiệm này đã giao Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán chủ trì, phối hợp với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính. Để đạt được hiệu quả cao hơn và quyết liệt hơn, cần phải tăng cường, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm nghiêm trọng yêu cầu khẩn trương chuyển cơ quan công an xử lý theo quy định của pháp luật.

Hơn nữa, để nền kinh tế phát triển và dễ hội nhập toàn cầu hơn, các doanh nghiệp trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng cần tuân theo một Chuẩn mực kế toán, vì nếu mỗi quốc gia theo một chuẩn mực riêng sẽ rất khó để hòa nhập. Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) tuy có cập nhật và sửa đổi nhưng vẫn có nhiều vấn đề chưa thực sự phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, mong rằng trong tương lai gần Nhà nước và Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện hơn cơ sở pháp lý chung cho hoạt động kiểm toán, thường xuyên cập nhật Chuẩn mực quốc tế và soạn thảo lại phù hợp với tình hình thực tế ở nước ta trong từng thời điểm và từng lĩnh vực ngành nghề. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng nên vạch rõ lộ trình để hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp về Chuẩn mực kế toán quốc tế, có các biện pháp hỗ trợ để các doanh nghiệp áp dụng IFRS phù hợp để hạn chế các sai sót.

Ngoài ra, cùng với sự phát triển của thời đại tin học hóa, hoạt động kế toán - kiểm toán cũng dần được cơ giới hóa và hiện đại hóa. Như vậy việc hoàn thiện hệ thống kế toán, kiểm toán, ban hành các văn bản pháp luật, biên soạn quy trình nghiệp vụ, tổ chức bộ máy kế toán phải hướng tới kế toán trên máy vi tính, kế toán sử dụng thống nhất các

phần mềm chuẩn để mang lại lợi ích cao nhất cho điều hành quản lý kế toán và kiểm toán. Bộ Tài chính cần có những chính sách nhằm khuyến khích các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm hỗ trợ kiểm toán, kế toán.

### **3.3.2. Kiến nghị đến Hội nghề nghiệp**

Trong điều kiện phát triển kinh tế xu hướng toàn cầu hóa, các BCTC của doanh nghiệp trong mỗi quốc gia, đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết và công ty đại chúng, thường phải đáp ứng nhu cầu của Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Do đó, xu hướng áp dụng Chuẩn mực kế toán báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và khuynh hướng kế toán hội tụ quốc tế đã và đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Điều này thúc đẩy Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cần hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp kiểm toán khi doanh nghiệp gặp vướng mắc trong công tác kiểm toán cũng như các quy định liên quan. Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam nên theo dõi sát sao và kịp thời tư vấn các vấn đề phát sinh cho KTV. Bên cạnh đó, nhắc nhở đối với những sai phạm, yếu kém của các công ty kiểm toán, có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với các sai phạm. Hội kiểm toán viên hành nghề nên thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo để cập nhật những kiến thức mới về các điều luật sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính, hoạt động kiểm toán đối với các doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động kinh doanh đặc biệt, giải đáp thắc mắc liên quan, tạo cơ hội cho KTV trau dồi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Để ngành kiểm toán hoạt động ngày càng hiệu quả và chất lượng, ngoài việc theo sát các doanh nghiệp kiểm toán, Hiệp hội còn cần phải quản lý chặt chẽ chất lượng các KTV hành nghề. Đến đầu năm 2020, Bộ Tài chính tổ chức các kỳ thi cho kế toán viên và kiểm toán viên Việt Nam và đã cấp khoảng 10.000 chứng chỉ. Không những thế, dù không chính thức nhưng vẫn có một số bộ phận kế toán viên hành nghề tự do và làm việc cho các công ty hoặc cá nhân có nhu cầu lập báo cáo hoặc tư vấn thuế.... Vì vậy, Hiệp hội KTV hành nghề nên theo dõi, quản lý tốt các công ty kiểm toán và KTV hành nghề, đảm bảo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kiểm toán. Bên cạnh đó, đề ra những chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển và nâng cao đào tạo các chuyên gia kiểm toán, kế toán, đây là những cán bộ nòng cốt để hoạch định chính sách kế toán và trong vận hành bộ máy kiểm tra, kiểm toán. Bên cạnh đào tạo theo chương trình chuẩn, chính quy thì cũng phải có chương trình đào tạo bổ sung cập nhật kiến thức, thông tin mới về kế toán, kiểm toán cho họ. Vấn đề đào tạo cần chú ý đến đặc thù của nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đó là đạo đức nghề nghiệp, giỏi về chuyên môn nhưng phải trung thực, vô tư, khách quan.

Các tổ chức nghề nghiệp về kế toán và kiểm toán phải thực sự trở thành các tổ chức tự quản, mang tính nghề nghiệp cao, có uy tín và danh tiếng để thu hút hội viên cấp cao

hướng đến mục tiêu nâng tầm khu vực và quốc tế, tránh sự can thiệp quá sâu của Nhà nước vào hoạt động nghề nghiệp. Các tổ chức nghề nghiệp ở Việt Nam như VACPA, VAA cần nâng cao năng lực hoạt động, chủ động hơn về tổ chức và hoạt động để thực sự là một tổ chức độc lập, mang tính nghề nghiệp cao và được quốc tế thừa nhận.

Ngoài quy định về khối lượng kiến thức phải cập nhật hàng năm, Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cần tổ chức thêm các buổi hội thảo, chuyên đề cập nhật kiến thức hoặc hỗ trợ cho KTV giải đáp các thắc mắc, tư vấn cho KTV kịp thời những vướng mắc của họ hoặc mời các chuyên gia hỗ trợ tư vấn đối với những trường hợp KTV có nhu cầu.



## KẾT LUẬN

Qua các nội dung đã được trình bày trong bài báo cáo, kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng là phần khá quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ. Vì vậy, việc xác nhận tính chính xác, trung thực và hợp lý của thông tin tài chính luôn là một đòi hỏi tất yếu từ phía những người có nhu cầu quan tâm đến BCTC của đơn vị.

Trải qua gần ba tháng được thực tập tại công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM, em đã may mắn được tham gia vào công tác kiểm toán thực tế, đồng thời được công ty tạo điều kiện để nghiên cứu các quy trình thực tiễn của kiểm toán báo cáo tài chính. Dựa vào trải nghiệm thực tế của bản thân và kiến thức đã được học tại trường, em đã đưa ra những mặt ưu nhược điểm của quy trình kiểm toán tại công ty, cũng như là một số những ý kiến hoàn thiện những hạn chế đó. Tuy nhiên, do sự hạn chế về kiến thức chuyên môn và thời gian nghiên cứu, nên quy trình được trình bày có lẽ chưa thực sự kỹ lưỡng và những ý kiến nhận xét còn mang tính chất cá nhân. Vì vậy, em mong nhận được những ý kiến chia sẻ và góp ý của quý Thầy Cô và quý công ty để em có thể hoàn thiện hơn bài luận văn của mình.

Cuối cùng, em xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM, các anh chị KTV tại công ty đã tạo nhiều cơ hội để em được trải nghiệm thực tế, tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý giá. Ngoài ra, em xin gửi lời cảm ơn đến ThS. Trần Thị Quanh đã giúp đỡ rất nhiều để em hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*
- [2] Bộ Tài chính (2019), *Thông tư số 48/2019/TT-BTC – Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.*
- [3] Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC quy định về Chuẩn mực kiểm toán số 260: Trao đổi các vấn đề với Ban quản trị đơn vị được kiểm toán*, Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2012.
- [4] Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC quy định về Chuẩn mực kiểm toán số 505: Thông tin xác nhận từ bên ngoài*, Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2012.
- [5] Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC quy định về Chuẩn mực kiểm toán số 580: Giải trình bằng văn bản*, Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2012.
- [6] Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC quy định về Chuẩn mực kiểm toán số 700: Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính*, Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2012.
- [7] Lê Thị Thanh Mỹ và cộng sự (2018); *Giáo trình Kiểm toán căn bản của trường Đại học Quy Nhơn*; Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [8] Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự (2020), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính 1*; Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [9] Tài liệu nội bộ của Tập đoàn Ecovis và Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.
- [10] Trang web của Công ty TNHH A.
- [11] Trần Thị Giang Tân và cộng sự (2016), *Kiểm soát nội bộ*; Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Website của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM, Truy cập ngày 03/03/2022, tại địa chỉ <<https://www.afac.com.vn/>>
- [13] Website ngân hàng Vietcombank tại địa chỉ:  
<<https://portal.vietcombank.com.vn/Corporate/TG/Pages/ty-gia.aspx>>



# PHỤ LỤC

## DANH MỤC PHỤ LỤC THAM KHẢO

<b>Phụ lục 1: GLV 301 – Hiểu biết chung về doanh nghiệp .....</b>	<b>1</b>
<b>Phụ lục 2: GLV 302 – Đánh giá rủi ro .....</b>	<b>6</b>
<b>Phụ lục 3: GLV 321 – Đánh giá rủi ro gian lận.....</b>	<b>26</b>
<b>Phụ lục 4: GLV 401 - Tài liệu về kế hoạch kiểm toán.....</b>	<b>31</b>
<b>Phụ lục 5: GLV 420 - Xác định mức trọng yếu .....</b>	<b>37</b>
<b>Phụ lục 6: GLV 5300 - Kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng .....</b>	<b>40</b>
<b>Phụ lục 7: GLV 710.10MPQ - Tổng hợp các điều chỉnh sai sót .....</b>	<b>74</b>
<b>Phụ lục 8: GLV 720.MO - Thủ tục phân tích cuối cùng.....</b>	<b>77</b>
<b>Phụ lục 9: Thư xác nhận nợ phải thu khách hàng .....</b>	<b>84</b>

**Phụ lục 1: GLV 301 – Hiểu biết chung về doanh nghiệp**

	<b>HIỂU BIẾT CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP</b>	<b>301.M</b>
---	--	--------------

Tên khách hàng	Công ty TNHH A		Tên	Ngày
		KTV	LVH	08-01-2022
Kết thúc niên độ	<b>31-12-2021</b>	Soát xét	TTNP	08-01-2022

Biểu mẫu này được hoàn thành trong năm đầu tiên và được chuyển sang cập nhật trong những năm tiếp theo.

**1 Thông tin liên lạc KH**

No.	Tên	Vị trí	Thông tin liên lạc
1	Ông Nit	Tổng Giám đốc	
2	Ông Boonlert	Phó Tổng Giám đốc	
3	Mr Khanh	Chief accountant	SĐT:, email:

**2 Yêu cầu báo cáo**

No.	Tên	Thời hạn báo cáo	Loại Báo cáo
1	Báo cáo kiểm toán	31-03-2022	VAS, 6 bộ tiếng Việt, 6 bộ tiếng anh

**3. Bản chất và loại hình DN**

<b>Bản chất kinh doanh của KH</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chất của doanh thu là bán sắm lớp xe máy</li> <li>- Thị trường trong nước và xuất khẩu nước ngoài</li> <li>- Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực chủ yếu là: sản xuất sắm lớp xe máy</li> <li>- Trụ sở chính được đặt tại: Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị, Việt Nam</li> </ul>
<b>Loại hình DN</b>
Công ty TNHH 100% vốn đầu tư nước ngoài

#### 4 Các cổ đông

No.	Tên	% nắm giữ CP	Đang hoạt động Yes/No	Tiêu đề
1	Nit Visanruengdej	19,05	<u>Y</u>	
2	Suda Visanruengdej	19,05	<u>N</u>	
3	Suwana Visanruengdej	20,73	<u>N</u>	
4	Burakiat Patomcharoenroj	7,74	<u>N</u>	
5	Paisan Chieovisamon	4,96	<u>N</u>	
6	Vipa Chiravinijandh	28,46	<u>N</u>	
			-	

## 5 Ban quản lý DN

No.	Tên	Vị trí	Số năm với DN	Thưởng Y/N	
1	Ông Nit	TGD	4	Y	
2	Ông Boonlert	PTGD	4	Y	

## 6 Các bên liên quan

No.	Tên	Quan hệ	Bản chất giao dịch
1	Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt	Lương và các khoản phải trả theo lương

## 7 Cố vấn pháp lí cho công ty

No.	Tên	Tổ chức	Loại dịch vụ
1	Ngân Hàng Vietcombank	ngân hàng	Vay + tiền gửi ngân hàng
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	ngân hàng	Vay + tiền gửi ngân hàng
3	Ngân hàng Agribank	Ngân hàng	Vay + tiền gửi ngân hàng

## 8 Tài chính của DN

No.	Người mượn	Tài chính sẵn có	Loại
1	NA		

## 9. Đối thủ cạnh tranh chính

No.	Tên	Quy mô	Quan hệ
1	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Cùng ngành nghề và quy mô	Cạnh tranh
2	Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Cùng ngành nghề và quy mô	Cạnh tranh
3	Công ty CP Cao su Miền nam	Cùng ngành nghề và quy mô	Cạnh tranh

## 10. Khách hàng chính

No.	Tên	% tổng doanh thu	Nhận xét
1	Công ty CAPITAL ACE	15%	Khách hàng lớn phát sinh trong năm
2	Công ty Camel Industries	19%	Khách hàng lớn phát sinh trong năm
3	Công ty Savanmisay Import-Export	10%	Khách hàng lớn phát sinh trong năm
4	Công ty SI BOUN HEUANG EXPORT - IMPORT SOLE	12%	Khách hàng lớn phát sinh trong năm

## 12. Nhà cung cấp chính

No.	Tên	% tổng giá trị mua hàng	Nhận xét
-----	-----	-------------------------	----------



1	Camel Industries Co.,Ltd	80%	Đơn vị cung cấp chính nguyên liệu đầu vào
2	Công ty TNHH 1TV Thương Mại Quảng Trị	10%	Cung cấp dịch vụ và nguyên liệu

### 13. Tổ chức bộ phận Hệ thống thông tin

No.	Tên	Vị trí	Trách nhiệm	Báo cáo cho:
1	Miss Huệ	Kế toán kho	Nhập liệu	Kế toán tổng hợp
2	Miss Huệ	Kế toán công nợ	nhập liệu và theo dõi công nợ	Kế toán tổng hợp
3	Miss Huệ	Kế toán tổng hợp	Tổng hợp và lập BCTC	Kế toán trưởng
4	Mr Khanh	Kế toán trưởng	Kiểm tra	Ban Tổng Giám đốc

### 14. Phần cứng và Hệ điều hành

Công ty Sử dụng phần mềm kế toán Misa - phần mềm này không phức tạp chủ yếu áp dụng để xử lý các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng, hàng tồn kho. Tất cả các các nghiệp vụ yêu cầu phải có sự xử lý của nhân viên.

**Phụ lục 2: GLV 302 – Đánh giá rủi ro**

	<b>ĐÁNH GIÁ RỦI RO</b>	<b>302.M PQ</b>
---	------------------------	---------------------

Tên khách hàng	Công ty TNHH A		Tên	Ngày
		KTV	LVH	08-01-2022
		Soát xét	TTNP	08-01-2022
Kết thúc niên độ	31-12-2021	GĐ	PQT	08-01-2022

**Biểu mẫu này được hoàn thành trong năm đầu tiên và được chuyển sang cập nhật trong những năm tiếp theo.**

**Cột "RMM": chỉ YES (Y) khi rủi ro cao**

**A. Rủi ro gian lận**

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Đánh giá rủi ro gian lận. Nhận diện ảnh hưởng của nó đến ban giám đốc, xem xét rủi ro kinh doanh tiềm ẩn.	N	Qua trao đổi Mr boonlert - Phó P.TGĐ Công ty (được TGĐ uỷ quyền), KTV không phát hiện bất kỳ yếu tố nào có thể dẫn đến rủi ro gian lận, bao gồm cả rủi ro gian lận trong việc ghi nhận doanh thu
2	Thảo luận với Ban quản trị hoặc những người trong đơn vị (kế toán) về các hành động hạn chế rủi ro.	N	Qua trao đổi với Mr Boonlert - PTGD khó xảy ra gian lận do các hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát và xét duyệt của kế toán trưởng và BTGD đồng thời do có bộ phận KSNB của Công ty luôn theo dõi và kiểm tra thường xuyên.

3	Đính kèm các ghi chú hoặc biên bản phỏng vấn nhân viên của đơn vị, các cuộc thảo luận trong nhóm kiểm toán.	N	Ref: <b>Giấy làm việc &lt;321&gt;</b> đính kèm ghi nhận kết quả phỏng vấn và Giấy làm việc về trao đổi trong nhóm kiểm toán
---	---	---	---

## B. Rủi ro kinh doanh

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Thảo luận với Ban GD về kế hoạch kinh doanh của họ và cách nó được thực hiện. Thảo luận về cách xác định và giải quyết rủi ro kinh doanh, các chỉ số sử dụng để đánh giá hoạt động tài chính.	N	Phỏng vấn Mr Boonlert - Phó P.TGD, Công ty kinh doanh trong ngành sản xuất sợi, ngành này đang có bước phát triển trong những năm nay. Công ty là 1 công ty lớn có thị phần nhất định. Theo Chiến lược Kinh doanh trong giai đoạn này thì Công ty vẫn tiếp tục quan tâm đến chất lượng sản phẩm. Chất lượng sản phẩm là mục tiêu hàng đầu, để giữ vững uy tín với khách hàng để giữ vững thị phần và mở rộng thị trường, đồng thời giảm bớt chi phí hoạt động, giảm hàng tồn kho...BTGD vẫn sử dụng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận để đánh giá tình hình thực hiện kinh doanh.
2	Đánh giá rủi ro kinh doanh tác động đến DN: <ul style="list-style-type: none"> <li><input type="checkbox"/> Điều kiện ngành nghề</li> <li><input type="checkbox"/> Môi trường pháp lý</li> <li><input type="checkbox"/> Hoạt động kinh doanh</li> <li><input type="checkbox"/> Sản phẩm hoặc Dịch vụ và Thị trường</li> <li><input type="checkbox"/> Máy móc sản xuất và thiết bị</li> <li><input type="checkbox"/> Thu xếp tài chính</li> <li><input type="checkbox"/> Mục tiêu và chiến lược</li> </ul>	N N Y N N Y Y	Ổn định Không có sự thay đổi Ổn định Không có sự thay đổi Đang hoạt động tốt Vay ngân hàng Nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh

### C. Phân tích sơ bộ BCTC ban đầu

Bảng này sẽ được làm chung với file báo cáo tài chính để có thể link công thức cho nhanh. Và nếu chỉ tiêu nào trọng yếu (>PM) hoặc biến động bất thường, hoặc biến động không theo mong đợi của KTV và xét thấy High Risk thì thêm vào mục other để phân tích và xem xét, và khi Y ở cột RMM thì phải đưa vào Risk Report.

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch		Y or N	Giải thích biến động
	VND	VND	VND	VND	%		
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
<b>Doanh thu</b>	471.130.770.977	445.641.702.982	495.244.067.951	25.489.067.995	5,7%	Y	Doanh thu biên động lớn, tăng mạnh so với năm trước. Qua lý giải ban đầu thì năm nay nhu cầu tiêu thụ tốt hơn, nên Công ty gia tăng sản xuất và bán hàng. Đây là khoản mục có giá trị lớn và theo nhận định của kiểm toán viên có tiềm ẩn nguy cơ sai sót cao (nhất là rủi ro bị ghi nhận sớm hơn thực tế) vì vậy cần phải thực hiện đầy đủ các thủ tục đã thiết kế để giải tỏa cả nghi vấn của kiểm toán viên - Ref risk No.1
<b>Giảm trừ DT</b>	2.295.870.936	1.010.697.333	291.153.900	1.285.173.603	127,2%	N	

<b>Doanh thu thuần</b>	468.834.900.041	444.631.005.649	494.952.914.051	24.203.894.392	5,4%	N	
<b>Giá vốn hàng bán</b>	419.361.138.013	405.207.024.351	431.000.639.332	14.154.113.662	3,5%	Y	Giá vốn tăng => biến động lớn phù hợp với doanh thu. Mức tăng ít hơn doanh thu vì chi phí cố định của Công ty lớn. Tuy nhiên là khoản mục trọng yếu => KTV cần xem xét lại sự phù hợp giữa doanh thu- giá vốn trong năm với rủi ro đánh giá là kết chuyển thiếu giá vốn. - Ref risk No.2
<b>Lợi nhuận gộp</b>	49.473.762.028	39.423.981.298		10.049.780.730	25%	N	
Lãi gộp/GVHB (%)	12%	10%		0,02	21,3 %	N	
Lãi gộp/ DT (%)	11%	9%		0,02		N	
<b>Doanh thu tài chính</b>	5.062.701.250	2.239.491.400		2.823.209.850	126,1 %	N	Doanh thu tài chính biến động nhiều. Ở Công ty đa phần là do chênh lệch tỷ giá. => xem xét về biến động tỷ giá trong năm
<b>Chi phí tài chính</b>	1.026.008.392	1.864.366.661				N	

<b>Chi phí bán hàng</b>	22.181.602.868	23.994.506.543		1.812.903.675	-7,6%	N	Chi phí bán hàng ổn định
<b>Chi phí QLDN</b>	12.334.508.338	13.894.679.047		1.560.170.709	-11,2%	N	Chi phí quản lý ổn định
<b>Thu nhập khác</b>	49.476.687	200.000.000		150.523.313	-75,3%	N	
<b>Chi phí khác</b>	19.970.247	-		19.970.247	-	N	
<b>Lợi nhuận khác</b>	29.506.440	200.000.000		170.493.560	-85,2%	N	
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	19.023.850.120	2.109.920.447		16.913.929.673	801,6%	N	
<b>Thuế TNDN</b>	5.911.230	1.476.969.020		1.471.057.790	-99,6%	Y	Công ty có rủi ro chưa tính đúng chi phí thuế TNDN phát sinh. => Ref Risk No.5
<b>Lợi nhuận thuần</b>	19.017.938.890	632.951.427		18.384.987.463	2904,6%	N	

**Bảng cân đối kế toán**

<b>Tiền mặt</b>	17.514.308.299	6.071.859.382		11.442.448.917	188,5 %	N	Tiền và tương đương tiền chủ yếu là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. KTV cần xem xét tính hiện hữu của khoản tiền gửi này
<b>Nợ phải thu KH ngắn hạn</b>	27.859.570.370	52.059.844.142	56.001.447.650	24.200.273.772	- 46,5 %	Y	Đi kèm với rủi ro doanh thu bị ghi nhận sớm hơn thực tế thì khoản mục Nợ phải thu khách hàng cũng có rủi ro bị trình bày cao hơn thực tế tại 31/12/2021. => Ref Risk No.3
Số ngày 1 VQ khoản phải thu	31	44		13,30	- 30,0 %	N	
<b>Trả trước cho người bán</b>	3.032.277.760	2.242.766.022		789.511.738	35,2 %	N	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	31.335.100	33.969.527		2.634.427	-7,8%	N	
<b>DP nợ phải thu khó đòi</b>	-	-		-	-	N	Năm trước có ý kiến ngoại trừ về trích lập dự phòng phải thu khó đòi thiếu. Nhưng qua trao đổi với P.TGD công ty, thì năm nay các Công nợ đề nghị trích lập dự phòng phải thu khó đòi đã được thu hồi. Những khách hàng còn lại thì đều kinh doanh làm ăn với Công ty lâu năm và tình hình thanh toán công nợ hàng

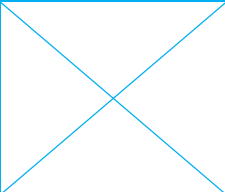

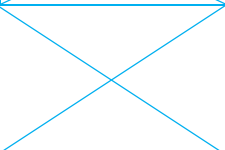
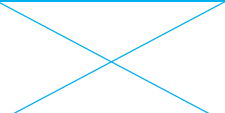
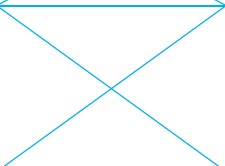
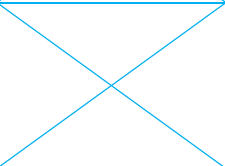
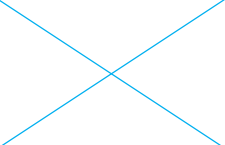
							năm đều rất tốt. => Rủi ro về trích lập thiếu dự phòng phải thu khó đòi giảm đi đáng kể. => Kiểm tra thông qua WP 5300. Trade Receivable
<b>TS thiếu chờ xử lý</b>	106.230.000	-		106.230.000	-	N	
<b>Hàng tồn kho</b>	67.651.498.938	61.279.084.553	55.673.750.833	6.372.414.385	10,4 %	Y	Hàng tồn kho có giá trị lớn. Qua lý giải ban đầu của Công ty thì là do cuối năm mua thêm nhiều vật tư dự trữ để đầu năm sau sản xuất để phục vụ nhu cầu tiêu thụ đang dần tốt lên. Đi kèm với rủi ro giá vốn kết chuyển thiếu thì lưu ý kiểm toán viên về sự hiện hữu của HTK (có thể bị cao hơn thực tế) tại thời điểm năm 2021 => Ref Risk No.4
<b>Số ngày IVQ hàng tồn kho</b>	56,11	52,67		3,43	6,5%	N	
<b>CP Trả trước ngắn hạn</b>	233.360.951	435.269.442		201.908.491	- 46,4 %	N	



<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	6.241.952.262	5.187.810.317		1.054.141.945	20,3 %	N	Mua hàng nhiều hơn nên VAT được khấu trừ lớn hơn.
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	-	13.858.660		13.858.660	- 100,0 %	N	
<b>TS dài hạn</b>	<b>94.002.781.589</b>	<b>86.156.155.854</b>		7.846.625.735	9,1%	N	
<b>TS lưu động</b>	<b>(25.072.436)</b>	<b>(157.989.513.953)</b>		157.964.441.517	- 100,0 %	N	
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	120.428.000	1.321.518.909		1.201.090.909	- 90,9 %	N	
<b>Tài sản cố định</b>	63.953.337.758	64.942.954.983		989.617.225	-1,5%	N	
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	20.772.331.742	13.446.376.826		7.325.954.916	54,5 %	N	
<b>CP Trả trước dài hạn</b>	9.156.684.089	6.445.305.136		2.711.378.953	42,1 %	N	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	75.496.250.624	254.609.335.927	258.894.618.302	179.113.085.303	- 70,3 %	N	Khoản phải trả người bán số dư lớn chủ yếu là khoản phải trả mua tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm nay số dư giảm là vì doanh thu tốt hơn

							nên Công ty có dòng tiền tốt hơn để thanh toán công nợ. Số ngày 1 vòng quay phải trả giảm mạnh cho thấy điều đó.
Số ngày mua phải trả người bán	143,66	231,28		87,62	- 37,9 %	N	
<b>Các khoản trả trước từ khách hàng</b>	5.035.844.703	615.018.235		4.420.826.468	718,8 %	N	Thể hiện nhu cầu tiêu thụ của KH tốt hơn. Một số khách hàng lớn đã ứng trước cho công ty.
<b>Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước</b>	-	1.000.697.212		1.000.697.212	- 100,0 %	N	
<b>Phải trả người lao động</b>	5.080.433.000	4.549.048.962		531.384.038	11,7 %	N	
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	40.000.000	40.000.000		-	0,0%	N	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	13.828.077.789	1.269.875.662		12.558.202.127	988,9 %	N	Qua trao đổi ban đầu thì công ty theo dõi số tiền đi mượn của cá nhân và theo dõi vào khoản mục phải trả khác. => Rủi ro công ty phân loại nhầm số dư. => Làm rõ qua WP 6500 và 6100

<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	23.215.000.000	23.230.000.000		15.000.000	-0,1%	N	Qua trao đổi ban đầu thì công ty theo dõi số tiền đi mượn của cá nhân và theo dõi vào khoản mục phải trả khác. => Rủi ro công ty phân loại nhầm số dư. => Làm rõ qua WP 6500 và 6100
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	501.015.000	86.911.857.506		86.410.842.506	- 99,4 %	N	Qua tìm hiểu ban đầu, các công ty đã ký quỹ cho công ty TNHH A đã thoả thuận chuyển công nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu.=> Kiểm tra hồ sơ chuyển Nợ thành vốn chủ. (WP 7100)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>123.196.621.116</b>	<b>372.225.833.504</b>		249.029.212.388	- 66,9 %	N	
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>93.481.723.244</b>	<b>(158.745.215.605)</b>		252.226.938.849	- 158,9 %	N	
Nợ/VCSH	1,32	- 2,34		4	- 156,2 %	N	
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	264.855.623.133	31.646.623.176		233.208.999.957	736,9 %	N	
<b>Lợi nhuận giữ lại</b>	(171.373.899.889)	(190.391.838.781)		19.017.938.892	- 10,0 %	N	

Tỷ số phân tích							
<b>Tỷ số thanh toán hiện hành</b> (TSNH/ Nợ ngắn hạn)	0,9998	0,4463		0,55	124,0 %	N	Hệ số thanh toán hiện hành đã được cải thiện rõ rệt. Rủi ro về giả định khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo - giảm đi đáng kể.
<b>Tỷ số thanh toán nhanh</b> [(TSNH - HTK/ Nợ NH)]	0,4484	0,2315		0,22	93,7 %	N	
<b>Tỷ số Nợ dài hạn/ VCSH</b>	0,0019	2,7463		2,74	- 99,9 %	N	
Tỷ số Nợ dài hạn/ VCSH	0,0019	2,7463		2,74		N	
<b>Tỷ số Nợ dài hạn/ Tổng TS</b>	0,0023	0,4071		0,40	- 99,4 %	N	
Tỷ số Nợ dài hạn/ Tổng TS	0,0023	0,4071		0,40		N	
<b>Nợ phải trả/ Tổng TS</b>	0,5686	1,7436		1,18	- 67,4 %	N	

Nợ phải trả/ Tổng TS	0,5686	1,7436		1,18	N	
----------------------	--------	--------	--	------	---	--

#### D. Khả năng hoạt động liên tục

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	<p>Xác định sơ bộ xem có tồn tại yếu tố nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục không? Nếu có ban giám đốc có kế hoạch giải quyết chúng:</p> <p><input type="checkbox"/> KIỂM TRA và/hoặc đưa ra các YÊU CẦU liên quan đến đánh giá sơ bộ của ban giám đốc về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục và dự kiến hoạt động trong tương lai</p> <p><input type="checkbox"/> YÊU CẦU về kiến thức của ban giám đốc về các sự kiện cũng như hoạt động nằm ngoài đánh giá của ban giám đốc liên quan đến khả năng hoạt động liên tục.</p>	<p>N</p> <p>N</p> <p>N</p>	<p>Dựa trên các thủ tục phân tích ban đầu và qua quá trình khảo sát cho thấy không có tồn tại yếu tố nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục,</p> <p>Qua Phòng vấn P.TGD Công ty, được biết công ty đang hoạt động kinh doanh có lãi, tình hình tài chính tốt và Công ty vẫn có ý định tiếp tục hoạt động trong tương lai</p> <p>Qua Phòng vấn P.TGD, được biết chưa có những sự kiện cũng như hoạt động nằm ngoài đánh giá của Ban GD liên quan đến những nghi ngờ trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Khách hàng</p>
2	<p>Dựa trên những hiểu biết về doanh nghiệp và các rủi ro kinh doanh trên, Xác định có bất kỳ yếu tố nào gây nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục hay không. Nếu CÓ, cân nhắc xem có tạo ra rủi ro trọng yếu không và thêm vào báo cáo rủi ro:</p> <p><input type="checkbox"/> Mô tả các sự kiện riêng lẻ hoặc tập trung có thể gây nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục, xác định ảnh hưởng của chúng đối với phương pháp kiểm toán theo kế hoạch.</p>	<p>N</p> <p>N</p>	<p>Dựa trên những hiểu biết về tình hình kinh doanh và những rủi ro kinh doanh đã được xác định ở trên, không nhận thấy có bất kỳ yếu tố nào dẫn đến những nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của DN</p> <p>Năm nay Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ. Đồng thời hoạt động kinh doanh ngày càng tạo ra nhiều lãi hơn.</p>

- Ban giám đốc có lập kế hoạch gì để giải quyết chúng chưa? Mô tả kết luận sơ bộ của KTV.	NA
--	----

### E. Kiểm soát nội bộ và cấp độ toàn DN

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Đính kèm mô tả ngắn gọn hiểu biết về Hệ thống thông tin, quyền kiểm soát của chủ sở hữu và các chu trình giao dịch chính	Y	Tham chiếu WP 351-Revenue cycles, WP 352-Inventory cycles
2	Thực hiện và lập hồ sơ các cuộc kiểm tra tổng thể để xác nhận hiểu biết của bạn về hệ thống kế toán, môi trường kiểm soát và các chu trình giao dịch chính	Y	Tham chiếu WP WP 351-Revenue cycles, WP 352-Inventory cycles WP,...
3	Nếu bất kỳ điểm yếu nào trong hồ sơ kế toán, môi trường kiểm soát và các chu trình giao dịch chính đã được xác định, hãy đảm bảo thông báo cho chủ sở hữu / người quản lý và xem xét các tác động đối với phương pháp kiểm toán	N	
4	Xác định xem các hồ sơ kế toán thích hợp đã được duy trì để cung cấp cơ sở thích hợp cho việc lập báo cáo tài chính hay chưa.	Y	Sổ kế toán đã được mở và cung cấp đủ cơ sở cho việc soạn thảo BCTC.
5	Xác định xem các kiểm soát của chủ sở hữu / người quản lý có phù hợp với quy mô và bản chất của doanh nghiệp hay không và đủ để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của thông tin tài chính.	Y	Tuy các bằng chứng về các thủ tục kiểm soát không có sẵn ở dạng tài liệu và hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được hệ thống hóa nhưng quy mô công ty thuộc vừa và nhỏ, do đó, nhà quản lý có thể kiểm soát hiệu quả để bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin tài chính

### F. Quy trình BCTC và rủi ro kế toán

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Xem xét các chính sách và thông lệ kế toán của khách hàng. Đánh giá xem chúng có phù hợp với doanh nghiệp và nhất quán với khuôn khổ báo cáo và các chính sách kế toán thường được sử dụng trong ngành của đơn vị hay không	Y	Các chính sách kế toán nhất quán với năm trước
2	Thảo luận về bất kỳ thay đổi nào trong chính sách kế toán trong năm với khách hàng, bao gồm cả tác động của các chuẩn mực kế toán mới và đảm bảo chúng tuân thủ khuôn khổ báo cáo.	Y	Không có sự thay đổi chính sách kế toán trong năm cũng như không có các chuẩn mực kế toán mới ảnh hưởng đến BCTC của khách hàng.
3	Nếu có bất kỳ lĩnh vực nào mà khách hàng sẽ sử dụng kiến thức chuyên môn / chuyên gia để tính toán số tiền đưa vào báo cáo tài chính	Y	Do bản chất kinh doanh không phức tạp nên không yêu cầu sử dụng kiến thức chuyên môn để tính toán số liệu trên báo cáo tài chính
4	Nếu có bất kỳ giao dịch quan trọng nào với bên liên quan nằm ngoài quy trình kinh doanh bình thường, hãy coi đây là những rủi ro đáng kể và:		
	<input type="checkbox"/> Kiểm tra các tài liệu liên quan để đánh giá tính hợp lý kinh doanh của các giao dịch	Y	Lý do kinh doanh của các giao dịch với bên có liên quan không có gì bất thường
	<input type="checkbox"/> Xác nhận rằng họ đã được ủy quyền và phê duyệt một cách thích hợp.	Y	Các nghiệp vụ với các bên liên quan được phê duyệt đầy đủ và đúng thẩm quyền
	<input type="checkbox"/> Xem xét liệu các điều khoản có phù hợp với giải thích của ban quản lý hay không	Y	Các điều khoản kinh doanh thì nhất quán với những giải thích của Ban TGD

5	Ghi chép lại các lĩnh vực lập báo cáo tài chính mà các xét đoán và ước tính kế toán được sử dụng (bao gồm cả ước tính giá trị hợp lý) cũng như các quy trình và kiểm soát của Ban giám đốc để lập các xét đoán và ước tính kế toán.	Y	Các ước tính kế toán tại doanh nghiệp (lưu thành tài liệu cơ sở của các ước tính kế toán) : - Khấu hao tài sản cố định dựa theo thông tư 45 - Dự phòng phải thu khó đòi, và dự phòng hàng tồn kho theo TT48. - Các ước tính khác
6	Xem xét các ước tính của kỳ trước và ghi lại bất kỳ sự khác biệt trọng yếu nào giữa các ước tính đó và số tiền thực tế.	Y	So sánh với ước tính và thực tế phát sinh của niên độ trước không phát hiện các chênh lệch trọng yếu
7	Xác định và liệt kê các giao dịch không thường xuyên hoặc bất thường.	Y	Không phát hiện có giao dịch nào bất thường
8	Ghi chép lại quy trình lập báo cáo tài chính và các thuyết minh liên quan, bao gồm cả việc điều chỉnh báo cáo tài chính	Y	Báo cáo tài chính được lập dựa trên phần mềm kế toán và được CFO xem xét kiểm tra trước khi phát hành.

### G. Hệ thống thông tin

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Xác định xem các biện pháp kiểm soát chung của IS nhằm giải quyết các rủi ro tiềm ẩn có được thiết kế hiệu quả hay không bằng cách mô tả các chính sách, thủ tục hoặc thông lệ sau:		
	<input type="checkbox"/> Những điều đó đảm bảo quản lý IS hiệu quả và giám sát nhân viên IS	N	[Hệ thống thông tin thì đơn giản -ref MAP 380.MO, chỉ phòng kế toán và nhà quản lý tham gia vào phần mềm: + Nên nhà quản lý và nhân viên giám sát có hiệu quả]
	<input type="checkbox"/> Những người đảm bảo quyền truy cập vào các chương trình, dữ liệu và tài sản hoặc dịch vụ IS được ủy quyền	N	+Mỗi nhân viên có 1 tài khoản và chỉ có thể đăng nhập và nhập liệu các phần hành được quyền truy cập



<input type="checkbox"/> Những biện pháp ngăn chặn việc phá hủy dữ liệu, thay đổi không phù hợp, giao dịch trái phép hoặc ghi chép giao dịch không chính xác	N	+ Các định khoản không phù hợp với quy tắc sẽ không thực hiện được + Các thay đổi đều phải được phê duyệt của P.TGD và chỉ có bộ phận IT mới được điều chỉnh các thay đổi này.
<input type="checkbox"/> Những biện pháp ngăn chặn sự phụ thuộc vào các hệ thống / chương trình xử lý dữ liệu không chính xác hoặc xử lý dữ liệu không chính xác.	Y	Các dữ liệu trước khi nhập vào hệ thống đều được kiểm tra bởi CFO để bảo đảm tính chính xác và hạch toán chính xác

### H. Tổ chức dịch vụ

No.	Yếu tố rủi ro	RMM Y or N	Nhận xét
1	Nếu đơn vị sử dụng và dựa vào một tổ chức dịch vụ để xử lý thông tin kế toán, hãy mô tả như sau:	NA	
	<input type="checkbox"/> Bản chất của các dịch vụ được cung cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/> Tầm quan trọng của các dịch vụ, bao gồm cả ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/> Mức độ của các giao dịch được xử lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/> Mức độ tương tác giữa các hoạt động của tổ chức dịch vụ và các hoạt động của đơn vị sử dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hiểu rõ về các kiểm soát của đơn vị đối với quá trình xử lý do tổ chức dịch vụ thực hiện. Nếu các biện pháp kiểm soát đó không được thiết kế đầy đủ (bất kể các biện pháp kiểm soát đang hoạt động tại tổ chức dịch vụ), hãy hoàn thành Full MAP 390.MO.		

**I. Báo cáo rủi ro**

Báo cáo rủi ro này tổng hợp các rủi ro tích lũy cho đến hiện tại:

No. #A.	Mô tả rủi ro			Tác động	Khả năng xảy ra	Nguy cơ đáng kể	Phân loại CSDL	Tổng hợp cách tiếp cận kiểm toán	Ref
				Cao/ Thấp	Cao/ Thấp	Có/ Không			
1	A1, C	Rủi ro kế toán	Doanh thu có rủi ro bị ghi nhận sớm hơn thực tế được ghi nhận	Cao	Thấp	Không	Doanh thu [Hiện hữu]	<p>- Tham chiếu thủ tục cut off đã thực hiện liên quan đến phân hành HTK. Xem xét các bằng chứng kiểm toán cần thiết đã được thu thập đầy đủ liên quan đến test cut off mở rộng dựa trên:</p> <p>1/Có sự gia tăng doanh thu bất thường trước ngày kết thúc niên độ và có doanh thu thấp sau ngày kết thúc niên độ.</p> <p>2/ Có trường hợp doanh thu được ghi nhận trước khi hàng được giao hoặc chuyển giao quyền sở hữu, trước khi dịch vụ đã được nghiệm thu?</p> <p>- Chọn mẫu kiểm tra phát sinh doanh thu với số lượng mẫu ở mức cao.</p> <p>'- Chọn mẫu xác nhận công nợ phải thu khách hàng với số lượng mẫu ở mức cao, thực hiện các thủ tục thay thế cần thiết nhằm khẳng định sự hiện hữu của số dư phải thu</p>	MAP 430

2	A1, C	Rủi ro kế toán	Giá vốn kết chuyển chưa phù hợp với doanh thu (kết chuyển thiếu)	Cao	Thấp	Không	GVHB [Đầy đủ]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích doanh thu - giá vốn - lãi gộp từng hoạt động qua 2 năm.</li> <li>- Xem xét chi phí nào giảm nhiều nhất so với năm trước và làm rõ nguyên nhân.</li> <li>- Rà soát để phát hiện xem liệu có khoản chi phí nào chưa được ghi nhận hoặc ghi nhận sai kỳ hay không (kết hợp với cut-off TK 331)</li> </ul>	MAP 430
3	A1, C	Rủi ro kế toán	Số dư phải thu khách hàng có rủi ro trình bày cao hơn thực tế tại 31/12/2021	Cao	Thấp	Không	[Hiện hữu]	<p>Thực hiện thủ tục cut-off doanh thu, phải thu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn mẫu xác nhận công nợ phải thu khách hàng với số lượng mẫu ở mức cao, thực hiện các thủ tục thay thế cần thiết nhằm khẳng định sự hiện hữu của số dư phải thu</li> </ul>	
4	A1, C	Rủi ro kế toán	Số dư phải hàng tồn kho có rủi ro trình bày cao hơn thực tế tại 31/12/2021 do giá vốn có thể bị kết chuyển thiếu	Cao	Thấp	Không	[Hiện hữu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thủ tục cut-off giá vốn, hàng tồn kho.</li> <li>- Kiểm tra sự phù hợp doanh thu - giá vốn</li> <li>- Đối chiếu biên bản kiểm kê tại 31/12/2021 và hồ sơ chứng kiến kiểm kê (có đánh giá về kiểm soát nội bộ liên quan đến khoá sổ Hàng tồn kho).</li> </ul>	
5	A1, C	Rủi ro kế toán	Rủi ro chưa tính đúng thuế TNDN phát sinh trong năm 2021	Thấp	Cao	Không	[Đầy đủ]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra các chi phí loại trừ của năm 2021.</li> <li>- ước tính độc lập chi phí thuế TNDN phát sinh năm 2021 và đề nghị điều chỉnh so với số hiện tại</li> </ul>	

## J. Rủi ro kiểm toán tổng thể

<p>Đánh giá và xác định mức độ rủi ro kiểm toán tổng thể</p> <p>Rủi ro kiểm toán được đánh giá là Cao/ Thấp?</p>	<b>Thấp</b>
<p>Xác nhận rằng các thỏa thuận thích hợp đã được đưa ra để giải quyết các hệ lụy của rủi ro báo cáo tài chính tổng thể. Điều này bao gồm việc xác định người đánh giá kiểm soát chất lượng của hợp đồng dịch vụ, sử dụng nhóm có kinh nghiệm hơn, sử dụng các thủ tục thử nghiệm chi tiết hơn và tác động đến thời gian và mức độ của các thủ tục được thực hiện.</p>	<b>Có</b>

**Phụ lục 3: GLV 321 – Đánh giá rủi ro gian lận****ĐÁNH GIÁ RỦI RO GIAN LẬN****321**

Tên KH	Công ty TNHH A		Tên	Ngày
		KTV	LVH	08-01-2022
		Soát xét	TTNP	08-01-2022
Kết thúc niên độ	31-12-2021	GĐ	PQT	08-01-2022
		EQCR:		

*GĐ chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát của doanh nghiệp và việc soạn thảo báo cáo tài chính, điều này thì phù hợp cho kiểm toán viên khi đưa ra những yêu cầu cho GĐ liên quan đến việc đánh giá của GĐ về rủi ro gian lận và thực hiện các thủ tục kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện rủi ro gian lận. Tính chất, mức độ và tần suất những đánh giá của GĐ về rủi ro và các thủ tục kiểm soát là khác nhau giữa các DN. Trong những doanh nghiệp niêm yết, GĐ có thể đánh giá chi tiết trên cơ sở hằng năm hoặc như là một phần của sự giám sát liên tục và giải trình cho Kiểm toán viên và Ủy ban kế toán hoặc cơ quan tương đương về bất kỳ gian lận nào, cho dù nó có trọng yếu hay không, điều này liên quan đến GĐ hoặc những nhân viên mà những người này có nhiệm vụ quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Doanh nghiệp. Trong các Doanh nghiệp khác, sự đánh giá của GĐ có thể ít chính thức hơn và không thường xuyên. Trong một vài doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ, sự đánh giá có thể tập trung vào rủi ro đối với sự gian lận ở cấp nhân viên hoặc biến thủ tài sản.*

**I. Hoàn thành bởi CEO và CFO (hoặc nhân sự có chức vụ tương đương)**

	Tên		Ngày
1	BOONLERT - Phó Tổng GĐ		08-01-2022

No.	Câu hỏi	Trả lời
a)	Trình bày những đánh giá của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong doanh nghiệp (Cao hay thấp)	Rủi ro gian lận là thấp vì Cty có cơ cấu tổ chức quản lý các bộ phận được phân công, phân nhiệm rõ ràng và những người quản lý chủ chốt các bộ phận là người đã gắn kết với Cty nhiều năm và đều có cổ đông của Cty nên mọi người làm việc rất tận tình.
b)	Trình bày những hiểu biết của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong công ty bao gồm những rủi ro gian lận đặc biệt mà công ty đã xác định hoặc bất kỳ số dư tài khoản hoặc phân loại các giao dịch mà rủi ro gian lận có khả năng tồn tại	Ban Tổng Giám đốc chưa phát hiện có gian lận hoặc rủi ro xảy ra gian lận tại công ty
c)	Trình bày những hiểu biết của Anh/Chị về những rủi ro gian lận trong nội bộ các công ty con khác của doanh nghiệp và quá trình xác định và biện pháp để xử lý những rủi ro này	Công ty không có Công ty con
d)	Mô tả Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã được đưa vào vận hành nhằm làm giảm rủi ro sai sót do gian lận	Công ty có văn bản quy chế quản trị để giám sát hoạt động của BTGD, trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm
e)	Mô tả hiểu biết của Anh/Chị về những rủi ro sai sót trong doanh nghiệp bao gồm những rủi ro sai sót đặc biệt mà doanh nghiệp đã xác định hoặc bất kỳ số dư tài khoản hay phân loại các giao dịch mà rủi ro sai sót có khả năng tồn tại	Công ty có sai sót trong các nghiệp vụ kế toán. Tuy nhiên các sai sót thường không lớn, bình thường không có sự gian lận hoặc cố tình vi phạm.
f)	Mô tả Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã được đưa vào vận hành nhằm làm giảm lỗi do sai sót	Việc kiểm tra và phê duyệt luôn được thực hiện trong các nghiệp vụ kế toán nhằm đảm bảo sai sót được hạn chế. Các bút toán được ghi thành tài liệu và được xem xét lại bởi cấp có thẩm quyền trước khi nhập vào phần mềm kế toán. Cụ thể kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi nhận. Kế toán trưởng có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt. Phó TGD hoặc TGD có trách nhiệm phê duyệt sau sự kiểm tra của kế toán trưởng.

g)	Đã trao đổi với Ủy ban kiểm toán hoặc cấp tương đương về quá trình Giám đốc xác định và xử lý những rủi ro về gian lận và sai sót trong Doanh nghiệp chưa?	Không nhận thấy nguy cơ có rủi ro gian lận
h)	Trình bày những thông tin trao đổi, nếu có, với những nhân viên liên quan về quan điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hành vi đạo đức	Có thông tin đến nhân viên về đạo đức và phong cách kinh doanh qua các cuộc họp toàn thể nhân viên, các quy định, quy chế của công ty
i)	Anh/Chị có hiểu biết về những rủi ro đã có thể xảy ra hoặc dẫn đến nghi ngờ gian lận ảnh hưởng đến doanh nghiệp không?	Chưa phát hiện gian lận nào trong công ty từ lúc thành lập
j)	Anh/Chị có phát hiện ra sai sót trọng yếu nào không?	Chưa có sai sót đáng kể nào trong công ty từ lúc thành lập
k)	Mô tả, nếu có, bản chất và mức độ của việc giám sát địa điểm hoạt động	
l)	Trình bày, nếu có, nơi hoạt động kinh doanh cụ thể, nơi mà rủi ro gian lận có thể xảy ra nhiều nhất	Không có khu vực kinh doanh dễ xảy ra gian lận
m)	Trình bày cách thức mà ủy ban kiểm toán và Hội đồng thành viên tham dự vào việc giám sát cách thức mà GD thực thi trách nhiệm của họ (nếu phù hợp)	HĐTV giám sát năng lực điều hành, cách phân công và thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban TGD. Hội đồng thành viên giám sát việc thực của Ban TGD có tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty hay không. Đánh giá hoạt động của Ban TGD tại cuộc họp thường niên.



<b>II. Phần này được hoàn thành bởi Ủy ban kiểm toán và/hoặc Hội đồng quản trị (nếu có)</b>			
	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày</b>
1	Mr. Nit	Chủ tịch HĐTV	08-01-2022

<b>No.</b>	<b>Câu hỏi</b>	<b>Trả lời</b>
a)	Trình bày đánh giá của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong doanh nghiệp (cao hay thấp)	Rủi ro gian lận là thấp vì công ty có cơ cấu tổ chức quản lý các bộ phận được phân công, phân nhiệm rõ ràng và những người quản lý chủ chốt các bộ phận là người đã gắn kết với công ty nhiều năm và đều có cổ đông của Công ty nên mọi người làm việc rất tận tình.
b)	Anh/Chị có hiểu biết về những rủi ro đã có thể xảy ra hoặc dẫn đến nghi ngờ gian lận ảnh hưởng đến doanh nghiệp không?	HĐTV chưa phát hiện có gian lận hoặc rủi ro xảy ra gian lận tại công ty
c)	Trình bày những mức độ mối liên quan của Anh/Chị trong việc giám sát đánh giá rủi ro gian lận và chương trình, thủ tục kiểm soát được thiết lập nhằm loại bỏ rủi ro gian lận	HĐTV giám sát năng lực điều hành, cách phân công và thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban TGD, giám sát việc thực của BTGD có tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty hay không. Đánh giá hoạt động của Ban TGD tại cuộc họp thường niên.

**III. Hoàn thành bởi bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có).**

<b>No.</b>	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày</b>
1	<b>Không có bộ phận kiểm toán nội bộ</b>		NA

<b>No.</b>	<b>Câu hỏi</b>	<b>Trả lời</b>
a)	Mô tả quan điểm của Anh/Chị về rủi ro gian lận	NA

b)	Bộ phận kiểm soát nội bộ đã thực hiện thủ tục nhằm xác định hoặc ngăn chặn rủi ro gian lận trong năm qua	NA
c)	Ban quản trị đã có xử lý thỏa đáng với bất kỳ phát hiện từ việc thực hiện những thủ tục trên	NA
d)	Anh/ Chị có nhận biết về bất kỳ gian lận, hoặc nghi ngờ có gian lận không	NA

**Phụ lục 4: GLV 401- Tài liệu về kế hoạch kiểm toán****TÀI LIỆU KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN****401.MP**

Tên KH	Công ty TNHH A		Tên	Ngày
		KTV	LVH	15-01-2022
		Soát xét	TTNP	15-01-2022
Kết thúc niên độ	<b>31-12-2021</b>	GĐ	PQT	15-01-2022

**1. Phạm vi kiểm toán**

No.	Thủ tục kiểm toán	Nhận xét hoặc tham chiếu
1.1	Phạm vi kiểm toán	Kiểm toán báo cáo tài chính theo VAS
	Mô tả phạm vi của cuộc kiểm toán	

**Chiến lược kiểm toán tổng thể:**

- Phạm vi kiểm toán
- Mục tiêu báo cáo của cuộc kiểm toán?

Kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 theo VAS

Đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.  
Tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

• Các yếu tố có vai trò quan trọng trong việc xác định công việc trọng tâm của nhóm kiểm toán?

• Kết quả của các thủ tục ban đầu của cuộc kiểm toán?

• Nội dung, lịch trình và phạm vi các nguồn lực cần thiết để thực hiện cuộc kiểm toán?

- Tìm hiểu chung về môi trường vĩ mô và vi mô tác động đến doanh nghiệp mà có thể có rủi ro phát sinh sai sót trọng yếu liên quan đến lập BCTC.

- Phỏng vấn về rủi ro có gian lận, Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính và liên kết với tình hình thực tế để khoanh vùng rủi ro có thể có sai sót trọng yếu.

- Thiết kế các thủ tục kiểm toán trọng tâm để giải quyết các rủi ro đã nhận định.

- Tổng hợp kết quả kiểm toán và kết luận, hình thành ý kiến kiểm toán.

Các nội dung cụ thể trao đổi ở phần 2

## 2. Cuộc họp lập KH kiểm toán

No.	Thủ tục kiểm toán	Trả lời/ Tham chiếu
2.1	Tài liệu cuộc họp: Thời gian và địa điểm Các thành viên: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ phân hùn kiểm toán</li> <li>• Chủ nhiệm kiểm toán</li> <li>• Trưởng nhóm kiểm toán</li> <li>• Trợ lý kiểm toán</li> </ul>	Ngày 15/01/2022 tại VP AFA  PQT TTNP LVH

- Khác:

Phạm vi kiểm toán

Thảo luận về rủi ro gian lận

Đánh giá rủi ro:

- KSNB, bao gồm hệ thống kế toán
- Rủi ro trọng yếu

HTH

NTQ

Kiểm toán theo VAS

Refer 302.MPQ

Refer 430.MPQ

Không có rủi ro Trọng yếu

**Tuy nhiên, Có thể có rủi ro có sai sót liên quan đến:**

Mô tả rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Nguy cơ đáng kể	Tổng hợp cách tiếp cận kiểm toán
	(H/L)	(H/L)	(Y or N)	
Doanh thu có rủi ro bị ghi nhận sớm hơn thực tế được ghi nhận	H	L	N	- Tham chiếu thủ tục cut off đã thực hiện liên quan đến phần hành HTK. Xem xét các bằng chứng kiểm toán cần thiết đã được thu thập đầy đủ liên quan đến test cut off mở rộng dựa trên: 1/ Có sự gia tăng doanh thu bất thường trước ngày kế thúc niên độ và có doanh thu thấp sau ngày kết thúc niên độ. 2/ Có trường hợp doanh thu được ghi nhận trước khi hàng được giao hoặc chuyển giao quyền sở hữu, trước khi dịch vụ đã được nghiệm thu?

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn mẫu kiểm tra phát sinh doanh thu với số lượng mẫu ở mức cao.'-</li> <li>- Chọn mẫu xác nhận công nợ phải thu khách hàng với số lượng mẫu ở mức cao.</li> </ul>
Giá vốn kết chuyển chưa phù hợp với doanh thu (kết chuyển thiếu)	H	L	N	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích doanh thu - giá vốn - lãi gộp từng hoạt động qua 2 năm.</li> <li>- Xem xét chi phí nào giảm nhiều nhất so với năm trước và làm rõ nguyên nhân.</li> <li>- Ra soát để phát hiện xem liệu có khoản chi phí nào chưa được ghi nhận hoặc ghi nhận sai kỳ hay không (kết hợp với cut-off TK 331)</li> </ul>
Số dư phải thu khách hàng có rủi ro trình bày cao hơn thực tế tại 31/12/2021	H	L	N	<p>Thực hiện thủ tục cut-off doanh thu, phải thu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn mẫu xác nhận công nợ phải thu khách hàng với số lượng mẫu ở mức cao</li> </ul>
Số dư phải hàng tồn kho có rủi ro trình bày cao hơn thực tế tại 31/12/2021 do giá vốn có thể bị kết chuyển thiếu	H	L	N	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thực hiện thủ tục cut-off giá vốn, hàng tồn kho.</li> <li>-Kiểm tra sự phù hợp doanh thu với giá vốn</li> <li>- Đối chiếu biên bản kiểm kê tại 31/12/2021 và hồ sơ chứng kiến kiểm kê (có đánh giá về kiểm soát nội bộ liên quan đến khoá sổ Hàng tồn kho).</li> </ul>
Rủi ro chưa tính đúng thuế TNDN phát sinh trong năm 2021	L	H	N	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kiểm tra các chi phí loại trừ của năm 2021.</li> <li>-Ước tính độc lập chi phí thuế TNDN phát sinh năm 2021 và đề nghị điều chỉnh so với số hiện tại</li> </ul>

<p>Các vấn đề của năm trước</p> <p>Các vấn đề bất thường</p> <p>Các bên liên quan</p> <p>Các vấn đề thảo luận với ban giám đốc trước khi bắt đầu thực hiện kiểm toán trên GLV</p>	<p>Lưu ý về chi phí được trừ khi tính thuế TNDN phát sinh trong năm của doanh nghiệp; Dự phòng công nợ phải thu khó đòi (tuy nhiên qua tìm hiểu thì hầu hết công nợ năm trước đề nghị trích dự phòng thì năm nay đã thu hồi được hầu như toàn bộ), phần còn lại chỉ còn chưa tới 100 triệu không đáng kể.</p> <p>Doanh thu - phải thu, giá vốn, hàng tồn kho, chi phí thuế TNDN.</p> <p>Ban Tổng Giám đốc</p> <p>Các vấn đề nhóm kiểm toán cần trao đổi với Ban giám đốc khách hàng khi bắt đầu kiểm toán: Tình hình kinh doanh năm 2021; Tính thuế TNDN; Tình hình thu hồi công nợ mà năm ngoái đề nghị trích Dự phòng công nợ phải thu khó đòi. Các tài liệu cần cung cấp khi tiến hành kiểm toán</p>
---	---

### 3. Lập kế hoạch trọng yếu

No.	Thủ tục kiểm toán	Nhận xét
3.1	Tính trọng yếu của kế hoạch được sử dụng để xác định mức độ của các thủ tục kiểm toán được thực hiện. Hoàn thành 420.MPQ	<b>Tham chiếu 420.MPQ</b>

### 5. Ngân sách và phí

No.	Thủ tục kiểm toán	Nhận xét
-----	-------------------	----------

5.1	Đính kèm bản sao ngân sách cam kết và chi tiết phí	Tham chiếu Hợp đồng kiểm toán số: XX/2021/HĐKT-AFA ngày 26 tháng 11 năm 2021
-----	--	--

**6. Thông báo trách nhiệm kiểm toán cho ban giám đốc, Ban quản trị:**

No.	Thủ tục kiểm toán	Yes or No or N/A	Ngày gửi	Nhận xét
6.1	Những người phụ trách Ban quản trị của đơn vị đã nhận được và ký vào thư cam kết, bao gồm mô tả về trách nhiệm tương ứng của kiểm toán viên và Ban giám đốc chưa?	Y		Tham chiếu Hợp đồng kiểm toán số: XX/2021/HĐKT-AFA ngày 26 tháng 11 năm 2021
6.2	Những người chịu trách nhiệm quản trị của đơn vị đã nhận được thông tin tổng quan về phạm vi và thời gian đã lập kế hoạch của cuộc kiểm toán chưa?	Y		Tham khảo Thư yêu cầu tài liệu được lưu tại phần hành ....trong hồ sơ kiểm toán



**Phụ lục 5: GLV 420 – Xác định mức trọng yếu**

XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU			420.MPQ	
Tên khách hàng	Công ty TNHH A			Ngày
		KTV	LVH	15-01-2022
Kết thúc niên độ	31-12-2021	Soát xét	TTNP	15-01-2022
		GĐ	PQT	15-01-2022

**Phần 1: Mức trọng yếu tổng thể**

## 1. Lựa chọn tiêu chí và đối tượng sử dụng BCTC

Thủ tục kiểm toán	Nhận xét
Xác định những người sử dụng chính của báo cáo tài chính.	Báo cáo cho các thành viên góp vốn; Cơ quan thuế và các cơ quan thống kê
Mô tả bản chất và tác động của tiêu chí được chọn.	Chỉ tiêu doanh thu thể hiện năng suất làm việc của Công ty trong năm; thể hiện được năng lực sản xuất và quy mô mở rộng thị trường của công ty trong năm.

## 2. Chọn ngưỡng trọng yếu

<b>Tiêu chí</b>		<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Mức trọng yếu tổng thể</b>
Doanh thu KTV có dự phòng cho khả năng doanh thu có rủi ro bị điều chỉnh giảm do ghi nhận sớm hơn thực tế.	Có	450.000.000.000	9.000.000.000
Tổng tài sản	Không	216.678.344.360	4.333.566.887
Tài sản ròng	Không	93.481.723.244	4.674.086.162
Lợi nhuận sau thuế Có thể sử dụng lợi nhuận sau thuế, vui lòng xem hướng dẫn bên dưới.	Không	19.017.938.890	1.901.793.889
Khác			
Lí do chọn tiêu chí khác:			

## 4. Mức trọng yếu kế hoạch:

<b>MỨC TRỌNG YẾU TỔNG THỂ</b>	<b>Nhận xét</b>
<b>Mức trọng yếu của năm trước</b>	
<b>Mức trọng yếu năm nay</b>	<b>9.000.000.000</b>


**Phần 2: Mức trọng yếu thực hiện**


Mức trọng yếu thực hiện	Cao/ Thấp
Đánh giá rủi ro kiểm toán tổng thể tại GLV 302	<b>Thấp</b>
Dựa vào đánh giá rủi ro kiểm toán ở GLV 302, mức trọng yếu thực hiện được tính: <i>(Nếu mức rủi ro kiểm toán tổng thể THẤP, lấy 75% mức trọng yếu tổng thể; Nếu mức rủi ro kiểm toán CAO, lấy 50% mức trọng yếu tổng thể)</i>	<b>6.750.000.000 VND</b>


**Phần 3: Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua**

Số tiền ở dưới mức này thì không điều chỉnh trong GLV 710. <i>(3% của mức trọng yếu tổng thể)</i>	<b>270.000.000 VND</b>
--	------------------------

### Phụ lục 6: GLV 5300 - Kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng

		BIỂU TỔNG HỢP				5310	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A				Người thực hiện	Ngày thực hiện	
Niên độ	31/12/2021				Người thực hi	LVH 14/02/2022	
Nội dung	Nợ phải thu khách hàng - Biểu tổng hợp				Soát xét	NMC 15/02/2022	
				Số liệu trên sổ sách	Điều chỉnh		Đã kiểm toán
		Acc.	Ref		Nợ	Có	31-12-2021 31-12-2020
				GL			LY
<b>Ngắn hạn</b>							
Nợ phải thu khách hàng		TK 131N	<5340>	27.859.570.370			27.859.570.370 52.059.844.142
		131-VND		12.745.090.567			12.745.090.567 16.578.105.698
		131-USD		15.028.766.470			15.028.766.470 30.691.195.638
		131-CN		85.713.333			85.713.333 4.790.542.806
Người mua ứng trước		TK 131C	<5340>	5.035.844.703			5.035.844.703 615.018.235
		131-VND		1.270.532.077			1.270.532.077 200.000.000
		131-USD		3.765.312.626			3.765.312.626 415.018.235
		131-CN		-			- -
<b>Workdone:</b>							
GL- Agreed to general ledger							
LY- Agreed to last audited amount							

		<b>TỔNG HỢP LỖI</b>			<b>5320</b>		
Tên KH	CÔNG TY TNHH A				Người thực hiện	Ngày thực hiện	
Niên độ	31/12/2021			Chuẩn bị bởi	LVH	14/02/2022	
Nội dung	Tổng hợp lỗi			Kiểm tra bởi	NMC	15/02/2022	
STT	Tên TK và mô tả	Ref.	Bảng CĐKT		Báo cáo KQHĐKD		
			Nợ	Có	Nợ	Có	
<b>A. Điều chỉnh</b>							
Đối tượng	Số dư	Phần bù trừ/thanh toán	Số dư tính trích	Thời điểm phát sinh	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng	Dự phòng
An Phú Hưng	85.713.333		85.713.333	Năm 2019	Từ 2- 3 năm	70%	59.999.333
Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Tổng	100.000.000	24.427.000	75.573.000	Tháng 1/2021	6 tháng - 1 năm	30%	22.671.900
	<b>185.713.333</b>	<b>24.427.000</b>	<b>161.286.333</b>				<b>82.671.233</b>

		MÔ TẢ CHI TIẾT VÀ PHÂN TÍCH CƠ BẢN			5340	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A				Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021				Chuẩn bị bởi	14/02/2022
Nội dung	Nợ phải thu khách hàng- Kiểm tra lên Sổ cái				Kiểm tra bởi	15/02/2022
		<b>Ref</b>	<b>31-12-21</b>	<b>31-12-20</b>		
<b>CURRENT:</b>			<b>GL</b>	<b>LY</b>		
Nợ phải thu khách hàng	<5360>,<5310>,<5340-1>		27.859.570.370	52.059.844.142		
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	<5352>		-	-		
<b>Tổng</b>			<b>27.859.570.370</b>	<b>52.059.844.142</b>		
Trả trước cho người bán	<5360>		5.035.844.703	615.018.235		
			Ø	Ø		
<b>Tổng hợp các khoản phải thu khách hàng</b>						
Outsiders			27.859.570.370	52.059.844.142		
Dự phòng phải thu khó đòi						
Các bên liên quan	<5380>					
Dự phòng cho các bên liên qua	<5380>					
			<b>27.859.570.370</b>	<b>52.059.844.142</b>		
<b>Tổng hợp các khoản người mua ứng trước</b>						
Outsiders			5.035.844.703	615.018.235		
Các bên liên quan	<5380>		-	-		
			<b>5.035.844.703</b>	<b>615.018.235</b>		
<b>Workdone:</b>						
<b>GL- Agreed to general ledger</b>						
<b>LY- Agreed to last audited amount</b>						
<b>Ø - Casting checked</b>						

## TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU

5340-1

Chi nhánh: Văn phòng Tổng công ty; Tài khoản: 13111; Loại tiền: &lt;&lt;Tổng hợp&gt;&gt;; Năm 2021

Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK CN	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
14-001	Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồng Hà	13111	0	0	681.656.261	581.656.261	100.000.000	0
18-102	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hướng Phát	13111	0	0	3.802.350.158	3.802.350.158	0	0
29-115	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Hoa Anh Đào	13111	219.407.760	0	1.484.526.500	1.480.122.426	223.811.834	0
29-115.19	Nguyễn Tiến Anh	13111	1.247.006.394	0	13.044.988.866	13.501.122.801	790.872.459	0
29-115.2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Lan	13111	0	0	746.682.332	746.682.332	0	0
29-118	Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam	13111	3.010.003.353	0	19.779.476.663	20.823.837.264	1.965.642.752	0
29-120	Hộ Kinh Doanh Trần Văn Bảo	13111	0	0	1.319.501.162	1.334.264.152	0	14.762.990

29-121	Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam	13111	0	0	28.717.054.794	27.317.054.794	1.400.000.000	0
29-122	Hộ kinh doanh Huân Hà	13111	0	0	1.215.807.144	1.215.807.144	0	0
34-001	Công ty TNHH Mai Trang ATD	13111	2.245.355.501	0	10.779.210.644	12.337.605.093	686.961.052	0
37-102	Phụ Tùng Xe Máy Thu Hà	13111	0	0	5.108.638.211	5.152.582.943	0	43.944.732
43-102	Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa	13111	0	0	3.806.553.053	3.100.348.530	706.204.523	0
43-106	Công ty TNHH Một Thành Viên Hùng Hưng CMI	13111	273.674.533	0	882.078.795	1.155.753.328	0	0
53-116	Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Tuân Tiến	13111	1.101.366.349	0	16.735.431.858	17.406.938.379	429.859.828	0
53-118	Công ty TNHH XNK Hiệp Tín Phát	13111	2.073.113.200	0	18.348.629.945	19.035.875.801	1.385.867.344	0
53-121	Công ty TNHH Năng Lượng Đỉnh Việt	13111	633.046.528	0	11.012.346.204	11.009.072.115	636.320.617	0
53-122	Công ty TNHH Quick One	13111	1.922.649.353	0	15.429.084.540	14.889.177.215	2.462.556.678	0



67-001	Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Duy Mô Tô-NPP Trần Duy	13111	735.206.164	0	2.758.716.243	3.493.922.407	0	0
72-104	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương	13111	703.029.888	0	15.248.009.640	17.162.863.883	0	1.211.824.355
74-102	Công ty CP TM và XNK Việt Hồng Chinh	13111	2.414.246.675	0	8.777.336.871	10.479.136.453	712.447.093	0
74-888	Khách hàng khác	13111	0	0	63.250.055	63.250.055	0	0
77-103	Công ty TNHH Xe Máy Vinh Thành	13111	0	200.000.000	2.690.672.600	2.490.672.600	0	0
88-001	Công ty TNHH Lưu Lan	13111	0	0	10.096.861.793	8.852.315.406	1.244.546.387	0
<b>Số dòng = 23</b>			<b>16.578.105.698</b>	<b>200.000.000</b>	<b>192.528.864.332</b>	<b>197.432.411.540</b>	<b>12.745.090.567</b>	<b>1.270.532.077</b>

CÔNG TY TNHH A LAO BẢO - HƯỚNG HÓA - QUẢNG TRỊ - VIỆT NAM													5340 - 2	
CUSTOMER BALANCE SUMMARY														
Branch: Văn phòng Tổng công ty; Account: 13121; Currency type: USD; Year 2021														
Customer code	Customer name	Debit account numb	Closing Debit balance		Opening Credit balance		Incurred Debit		Incurred Credit		Closing Debit balance		Closing Credit balance	
			Amount	Original amount	Amount	Original amount	Amount	Original amount	Amount	Original amount	Amount	Original amount	Amount	Original amount
00-008.18	Savanmisay Import-Export Company	13121	5.849.465.880	253.146,92			49.564.906.018	2.143.255,53	51.754.786.633	2.237.255,45	3.659.585.265	159.147,00		
00-010	Camel Industries Co.,Ltd	13121	3.212.353.626	139.020,80			15.390.937.922	663.126,45	14.944.211.743	643.298,55	3.659.079.805	158.848,70		
00-018	SS TIRE & TUBES (M) SDN.BHD	13121					4.199.973.525	181.230,93	4.199.973.525	181.230,93				
00-019	Sodicycle S.A.R.L	13121			120.156,400	5.200,00	1.203.884.443	52.114,07	1.203.075.243	52.094,07			119.347.200	5.180,00
00-022	Brillion - (City boy) - (Dinset Trading)	13121	754.433.152	32.649,55			5.824.467.370	251.412,21	6.041.538.415	260.693,11	537.362.107	23.368,65		
00-024	TECK HIN MOTOR TRADING SDN. BHD	13121	1.167.584.694	50.529,48			61.377.718.318	2.651.187,29	61.265.315.081	2.646.053,02	1.279.987.931	55.663,75		
00-034	DALLON MARK SDN.BHD	13121	824.794.198	35.694,56			1.603.046.810	69.355,23	2.427.841.008	105.049,79				
00-038	CAPITAL ACE COMPANY LTD	13121	17.684.470.143	765.329,56			17.367.667.783	741.766,01	35.052.137.926	1.507.095,57				
00-042	SECURE PARTS SDN BHD	13121					7.075.882.040	305.394,49	6.472.354.350	279.148,45	603.527.690	26.246,04		
00-045	GALAXY GOLD HOLDING LIMITED	13121	800.911.419	34.671,49			13.305.565.618	575.184,08	13.231.554.065	571.873,24	874.922.972	37.982,33		
00-046	SODIT MAROC	13121	397.182.526	17.188,84			1.282.739.775	55.541,67	1.679.922.301	72.730,51				
00-050	Wu King Company Limited	13121					7.691.189.522	332.211,11	7.153.052.944	308.808,78	538.136.578	23.402,33		
00-051	NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan _Chonsamut)	13121					6.357.581.017	274.730,50	5.564.089.103	240.223,35	793.491.914	34.507,15		
00-056	ENERWAY POWER SDN BHD	13121					1.539.785.179	66.595,19	1.545.754.382	66.854,27			5.969.203	259,08
00-057	Great Goal Co., Ltd	13121					7.980.767.682	344.795,91	7.980.767.682	344.795,91				
00-061	SOUTH EAST ASIA AUTO PARTS SDN BHD	13121					640.455.034	27.643,95	640.455.034	27.643,95				
00-062	INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD	13121					80.769.937.422	3.492.820,68	78.342.375.058	3.387.434,86	2.427.562.364	105.385,82		
00-067	CHAN MYAE YOMA CO.,LTD	13121			294.861.835	12.732,68	9.695.543.653	418.966,50	12.829.763.797	553.436,52			3.429.081.979	147.202,70
00-071	SAMER DABOUL	13121					581.890.326	25.136,40	792.804.570	34.173,00			210.914.244	9.036,60
00-072	FUYU MOTORPOL PARTS SUPPLY SDN BHD	13121					1.387.605.393	60.140,22	1.387.605.393	60.140,22				
00-073	MOTYL TRADING SDN BHD	13121					1.929.157.213	83.613,57	1.274.047.369	55.124,34	655.109.844	28.489,23		
<b>Total</b>			<b>30.691.195.638</b>	<b>1.328.231,20</b>	<b>415.018.235</b>	<b>17.932,68</b>	<b>296.770.702.063</b>	<b>12.816.221,99</b>	<b>315.783.425.622</b>	<b>13.635.157,89</b>	<b>15.028.766.470</b>	<b>653.041,00</b>	<b>3.765.312.626</b>	<b>161.678,38</b>

CÔNG TY TNHH A  
LAO BẢO - HƯỚNG HÓA - QUẢNG TRỊ - VIỆT NAM

**TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU**

*Chi nhánh: Văn phòng Tổng công ty; Tài khoản: 13119; Loại tiền: VND; Năm 2021*

Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK công nợ	Dư Nợ đầu kỳ	Dư Có đầu kỳ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ cuối kỳ	Dư Có cuối kỳ
			Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
16-101	Cty TNHH Phú Thịnh	13119	160.709.711			160.709.711		
17-101	Cửa hàng Hưng Thịnh	13119	178.143.622			178.143.622		
19-101	Cty Việt Kỳ TNHH	13119	7.515.963			7.515.963		
19-102	Cty TNHH TM và ĐT Nam Hải	13119	424.194.893			424.194.893		
20-101	CHPTXM Thuận Ngọc	13119	5.827.268			5.827.268		
29-108	Cty TNHH Con Đường Việt	13119	6.636.368			6.636.368		
29-110	Cty CP ĐT Xây Lắp TM Vicago	13119	1.687.398.783			1.687.398.783		
36-101	Cty TNHH Mai Thanh Sơn	13119	97.618.858			97.618.858		
37-101	Cửa hàng Thanh Hoàn	13119	989.193.566			989.193.566		
43-103	DNTN Kim Ngân	13119	321.339.012			321.339.012		
53-105	Lưu Văn Dũng	13119	16.218.232			16.218.232		
53-106	Cty TNHH TM và DV Ngọc Thuận	13119	22.188.844			22.188.844		

53-109	Công ty Metro cash & Carry Việt Nam	13119	21.367.862			21.367.862		
62-103	CT TM & XNK Vĩnh Hưng	13119	14.790.391			14.790.391		
63-101	Cửa hàng Lưu Hoàng	13119	20.000.000			20.000.000		
63-103	DNTN Hùng Tiến	13119	2.110.573			2.110.573		
71-101	KL	13119	24.262.734			24.262.734		
<b>74-000</b>	<b>An Phú Hưng</b>	<b>13119</b>	<b>85.713.333</b>				<b>85.713.333</b>	
75-101	DNTN Đức Tín	13119	37.876.409			37.876.409		
79-103	Cty TNHH Bảo Lập	13119	45.638.130			45.638.130		
81-101	DNTN TM Trung Hiếu	13119	246.687.250			246.687.250		
83-101	Tiểu Thị Như Lan	13119	27.674.529			27.674.529		
83-102	Đại lý vỏ ruột xe máy Hùng Linh	13119	43.125.322			43.125.322		
86-102	CHPTXM Thâm Ký	13119	264.231.403			264.231.403		
86-103	DNTN TM Nam Phát	13119	10.000.000			10.000.000		
89-201	Cty TNHH Sufat VN	13119	30.079.750			30.079.750		
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.790.542.806</b>			<b>4.704.829.473</b>	<b>85.713.333</b>	

## THỦ TỤC PHÂN TÍCH

5342

Tên KH	CÔNG TY TNHH A		Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31-12-2021	Chuẩn bị bởi	LVH	14-02-2022
Nội dung	Thủ tục phân tích	Kiểm tra bởi	NMC	15-02-2022

### Thủ tục 1

#### So sánh khoản phải thu ngắn hạn khách hàng qua các năm

	31-12-2021	31-12-20	31-12-19	Chênh lệch	% chênh lệch
Phải thu ngắn hạn KH	27.859.570.370	52.059.844.142	56.001.447.650	(24.200.273.772)	-46%

#### Phân tích

Công nợ phải thu năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020, nguyên nhân do Công ty đẩy nhanh tốc độ thu tiền hơn năm trước.

Đồng thời, Công ty cũng đã thu hồi được phần lớn công nợ tồn đọng (phát sinh ở chi nhánh trước khi giải thể)

#### Kết luận

Phân tích vòng quay phải thu

### Thủ tục 2:

#### So sánh số vòng quay nợ phải thu và số ngày 1 vòng quay nợ phải thu qua các năm

	2021	2020	Chênh lệch	% chênh lệch
Khoản phải thu KH bình quân	39.959.707.256	54.030.645.896	(14.070.938.640)	-26%
Doanh thu thuần	468.834.900.041	444.631.005.649	24.203.894.392	5%
Số vòng quay NPT	12	8	4	
Số ngày 1 vòng quay KPT	31	44	(13)	

**Phân tích** Số vòng quay nợ phải thu năm 2021 tăng so với năm 2020 thể hiện tốc độ thu hồi nợ của Công ty tốt hơn.  
(Tương ứng là số ngày một vòng quay phải thu giảm)

**Kết luận** Rủi ro về nợ quá hạn thanh toán cần lập dự phòng bổ sung giảm đi đáng kể.

### Thủ tục 3

#### So sánh tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi qua các năm

	31-12-2021	31-12-20	Chênh lệch	% chênh lệch
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-
Nợ phải thu khách hàng	27.859.570.370	52.059.844.142	(24.200.273.772)	-46%
Tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	


**Phân tích**

**Kết luận**

**Thủ tục 4****So sánh các khoản khách hàng trả tiền trước qua các năm**

	<b>31-12-2021</b>	<b>31-12-20</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>% chênh lệch</b>
Người mua ứng trước	5.035.844.703	615.018.235	4.420.826.468	719%


**Phân tích****Kết luận**

		PHÂN TÍCH TUỔI NỢ				5350	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A					Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021				KTV	LVH	14/02/2022
Nội dung	Phân tích tuổi nợ				Soát xét	NMC	15/02/2022
<b>Mục tiêu</b>	Đảm bảo mục tiêu đầy đủ và chính xác của khoản mục nợ phải thu khách hàng.						
<b>Nguồn</b>	Bảng kê phân loại tuổi nợ phải thu khách hàng tại 31/12/2021						
<b>Các bước thực hiện</b>							
1	Đối với các nghiệp vụ đã chọn, theo dõi hóa đơn bán hàng và ghi lại ngày của hóa đơn.						
2	Xác định xem các khoản phải thu có được theo dõi theo ngày hóa đơn bán hàng hoặc theo thời hạn thanh toán.						
<b>Finding:</b>							
	<b>Test tuổi nợ</b>						
		<a href="#">&lt;Tuổi nợ VND&gt;</a>	<5350-1>				
		<a href="#">&lt;Tuổi nợ USD&gt;</a>	<5350-2>				
	<b>A - Agreed to detailed trade receivables aging as at 31/12/2021</b>						
	<b>SI - Vouched to sales invoices</b>						
	<b>Ø - Casting checked</b>						
<b>Kết luận</b>							
Dựa trên các bước công việc kiểm toán thực hiện, chúng tôi kết luận rằng rủi ro của sai sót có trọng yếu được giảm xuống mức chấp nhận được.							



TEST TUỔI NỢ PHẢI THU - KHÁCH HÀNG VND										5350-1
Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ		Ngày phát sinh H/E	Tuổi nợ quá hạn
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có		
14-001	Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồng Hà	13111	0	0	681.656.261	581.656.261	100.000.000	0	04-01-2021	6 tháng - 1 năm
18-102	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hưởng Phát	13111	0	0	3.802.350.158	3.802.350.158	0	0		
29-115	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Hoa Anh Đào	13111	219.407.760	0	1.484.526.500	1.480.122.426	223.811.834	0	11/11, 26/12	< 6 tháng
29-115.19	Nguyễn Tiến Anh	13111	1.247.006.394	0	13.044.988.866	13.501.122.801	790.872.459	0	11/12,	< 6 tháng
29-115.2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Lan	13111	0	0	746.682.332	746.682.332	0	0		
29-118	Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam	13111	3.010.003.353	0	19.779.476.663	20.823.837.264	1.965.642.752	0	26/11 - 28/12	< 6 tháng
29-120	Hộ Kinh Doanh Trần Văn Bảo	13111	0	0	1.319.501.162	1.334.264.152	0	14.762.990		
29-121	Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam	13111	0	0	28.717.054.794	27.317.054.794	1.400.000.000	0	17,22,29,31/12	< 6 tháng
29-122	Hộ kinh doanh Huân Hà	13111	0	0	1.215.807.144	1.215.807.144	0	0		
34-001	Công ty TNHH Mai Trang ATD	13111	2.245.355.501	0	10.779.210.644	12.337.605.093	686.961.052	0	26,30/12	< 6 tháng
37-102	Phụ Tùng Xe Máy Thu Hà	13111	0	0	5.108.638.211	5.152.582.943	0	43.944.732		
43-102	Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa	13111	0	0	3.806.553.053	3.100.348.530	706.204.523	0	10,25/12	< 6 tháng
43-106	Công ty TNHH Một Thành Viên Hùng Hưng CMI	13111	273.674.533	0	882.078.795	1.155.753.328	0	0		
53-116	Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Tuấn Tiến	13111	1.101.366.349	0	16.735.431.858	17.406.938.379	429.859.828	0	28/12	< 6 tháng
53-118	Công ty TNHH XNK Hiệp Tín Phát	13111	2.073.113.200	0	18.348.629.945	19.035.875.801	1.385.867.344	0	12,22,31/12	< 6 tháng
53-121	Công ty TNHH Năng Lương Đình Việt	13111	633.046.528	0	11.012.346.204	11.009.072.115	636.320.617	0	26/09	< 6 tháng
53-122	Công ty TNHH Quick One	13111	1.922.649.353	0	15.429.084.540	14.889.177.215	2.462.556.678	0	10,17,24,31	< 6 tháng
67-001	Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Duy Mốt-NPP Trần Duy	13111	735.206.164	0	2.758.716.243	3.493.922.407	0	0		
72-104	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương	13111	703.029.888	0	15.248.009.640	17.162.863.883	0	1.211.824.355		
74-102	Công ty CP TM và XNK Việt Hồng Chính	13111	2.414.246.675	0	8.777.336.871	10.479.136.453	712.447.093	0	30/11, 11,15/12	< 6 tháng
74-888	Khách hàng khác	13111	0	0	63.250.055	63.250.055	0	0		
77-103	Công ty TNHH Xe Máy Vinh Thành	13111	0	200.000.000	2.690.672.600	2.490.672.600	0	0		
88-001	Công ty TNHH Lư Lan	13111	0	0	10.096.861.793	8.852.315.406	1.244.546.387	0	21, 31	< 6 tháng
<b>Số dòng = 23</b>			<b>16.578.105.698</b>	<b>200.000.000</b>	<b>192.528.864.332</b>	<b>197.432.411.540</b>	<b>12.745.090.567</b>	<b>1.270.532.077</b>		

TEST TUỔI NỢ PHẢI THU - KHÁCH HÀNG USD														5350-2		
Branch: Văn phòng Tổng công ty; Account: 13121; Currency type: USD; Year 2021																
Mã	Tên KH	TK	Số dư Nợ đầu kỳ		Số dư Có đầu kỳ		PS Nợ		PS Có		Số dư Nợ cuối kỳ		Số dư Có cuối kỳ		Ngày phát sinh HĐ tạo nên công nợ	Tuổi nợ
			Số tiền	Ngoại tệ	Số tiền	Ngoại tệ	Số tiền	Ngoại tệ	Số tiền	Ngoại tệ	Số tiền	Ngoại tệ	Số tiền	Ngoại tệ		
00-008.18	Savanmisay Import-Export Company	13121	5.849.465.880	253.146,92			49.564.906.018	2.143.255,53	51.754.786.633	2.237.255,45	3.659.585.265	159.147,00			24-12-21	< 6 tháng
00-010	Camel Industries Co.,Ltd	13121	3.212.353.626	139.020,80			15.390.937.922	663.126,45	14.944.211.743	643.298,55	3.659.079.805	158.848,70			Từ 07/11 - cuối tháng 12	< 6 tháng
00-018	SS TIRE & TUBES (M) SDN.BHD	13121					4.199.973.525	181.230,93	4.199.973.525	181.230,93						
00-019	Sodicycle S.A.R.L	13121			120.156.400	5.200,00	1.203.884.443	52.114,07	1.203.075.243	52.094,07			119.347.200	5.180,00		
00-022	Brillion - (City boy) - (Dinset Trading)	13121	754.433.152	32.649,55			5.824.467.370	251.412,21	6.041.538.415	260.693,11	537.362.107	23.368,65			24-12-21	< 6 tháng
00-024	TECK HIN MOTOR TRADING SDN. DALLON MARK SDN. BHD	13121	1.167.584.694	50.529,48			61.377.718.318	2.651.187,29	61.265.315.081	2.646.053,02	1.279.987.931	55.663,75			18/12 và 25/12/	< 6 tháng
00-034	CAPITAL ACE COMPANY LTD	13121	824.794.198	35.694,56			1.603.046.810	69.355,23	2.427.841.008	105.049,79						
00-038	SECURE PARTS SDN BHD	13121	17.684.470.143	765.329,56			17.367.667.783	741.766,01	35.052.137.926	1.507.095,57						
00-042	GALAXY GOLD HOLDING LIMITED	13121	800.911.419	34.671,49			13.305.565.618	575.184,08	13.231.554.065	571.873,24	874.922.972	37.982,33			01-12-21	< 6 tháng
00-045	SODIT MAROC	13121	397.182.526	17.188,84			1.282.739.775	55.541,67	1.679.922.301	72.730,51					25-12-21	< 6 tháng
00-046	Wu King Company Limited	13121					7.691.189.522	332.211,11	7.153.052.944	308.808,78	538.136.578	23.402,33			22-12-21	< 6 tháng
00-051	NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan)	13121					6.357.581.017	274.730,50	5.564.089.103	240.223,35	793.491.914	34.507,15			22/09 và 20/12	< 6 tháng
00-056	ENERWAY POWER SDN BHD	13121					1.539.785.179	66.595,19	1.545.754.382	66.854,27			5.969.203	259,08		
00-057	Great Goal Co., Ltd	13121					7.980.767.682	344.795,91	7.980.767.682	344.795,91						
00-061	SOUTH EAST ASIA AUTO PARTS	13121					640.455.034	27.643,95	640.455.034	27.643,95						
00-062	INTERNATIONAL PART &	13121					80.769.937.422	3.492.820,68	78.342.375.058	3.387.434,86	2.427.562.364	105.385,82			22,25,28,30/12/	< 6 tháng
00-067	CHAN MYAE YOMA CO. LTD	13121			294.861.835	12.732,68	9.695.543.653	418.966,50	12.829.763.797	553.436,52			3.429.081.979	147.202,70		
00-071	SAMER DABOUL	13121					581.890.326	25.136,40	792.804.570	34.173,00			210.914.244	9.036,60		
00-072	FUYU MOTORPOL PARTS SUPPLY	13121					1.387.605.393	60.140,22	1.387.605.393	60.140,22						
00-073	MOTYL TRADING SDN BHD	13121					1.929.157.213	83.613,57	1.274.047.369	55.124,34	655.109.844	28.489,23			28-12-21	< 6 tháng
<b>Total</b>			<b>30.691.195.638</b>	<b>1.328.231,20</b>	<b>415.018.235</b>	<b>17.932,68</b>	<b>296.770.702.063</b>	<b>12.816.221,99</b>	<b>315.783.425.622</b>	<b>13.635.157,89</b>	<b>15.028.766.470</b>	<b>653.041,00</b>	<b>3.765.312.626</b>	<b>161.678,38</b>		

		<b>DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI</b>			<b>5351</b>	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A				Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021				Chuẩn bị bởi LVH	04/02/2022
Nội dung	Dự phòng nợ phải thu khó đòi				Kiểm tra bởi NMC	05/02/2022
<b>Mục tiêu</b>	Xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi					
<b>Nguồn</b>	Bảng tổng hợp tuổi nợ của khoản phải thu khách hàng tại 31/12/2021					
<b>Các bước thực hiện</b>	Kiểm tra xem các khoản dự phòng cho các khoản nghi ngờ có đầy đủ hay không bằng cách thực hiện các bước sau:					
(a)	Thảo luận với ban giám đốc các giả định chính được sử dụng để chuẩn bị trích lập dự phòng					
(b)	Chuẩn bị các giấy tờ do Ban Giám đốc thực hiện để xác định khoản dự phòng cho các tài khoản nghi ngờ					
(c)	Phân tích tuổi nợ phải thu khó đòi					
(d)	Chọn số dư tài khoản có số dư quá hạn chưa được thanh toán vào ngày biên lai tiếp theo được xác minh, thảo luận về tình trạng tài khoản với người quản lý tín dụng và xác định xem có nên trích lập dự phòng cho mỗi số dư tài khoản này hay không.					
(e)	Đồng ý chi phí nợ khó đòi và xóa nợ khó đòi liên quan với tài liệu hỗ trợ (ví dụ: thư của người được ủy thác khi phá sản) và đảm bảo phê duyệt thích hợp việc xóa nợ (ví dụ: biên bản của hội đồng quản trị)					
(f)	Kiểm tra khoản tín dụng được ghi nhận đã phát hành sau khi kết thúc kỳ và xác định sự cần thiết của khoản dự phòng chiết khấu thương mại hoặc các khoản trả lại và trợ cấp khác.					
(g)	Kiểm tra các khoản xóa nợ phải thu khó đòi cuối kỳ và kiểm tra xem chúng có được phản ánh trong kỳ hiện tại hay không					
<b>Finding:</b>	Thảo luận với: Mr Phi Khanh, Chief Accountant, 04/2/2022.					
A	<u>Thủ tục của KH cho việc dự phòng nợ phải thu khó đòi</u>					
B	Hỏi xem có bất kỳ:					
	Số tiền được biết là không thể thu được				Yes / No	
	Số tiền tranh chấp / bất đồng				Yes / No	
	Số tiền bảo hiểm tín dụng				Yes / No	
	Please refer to <b>&lt;5350&gt;</b> for work done.					
<b>Kết luận</b>	Dựa trên các bước công việc kiểm toán thực hiện, chúng tôi kết luận rằng rủi ro của sai sót có trọng yếu được giảm xuống mức chấp nhận được.					



**Thủ tục chọn mẫu: GLV 520- Audit Sampling**

Lấy mẫu kiểm toán (Phần A-B)			520.20.1	
<b>Tên khách hàng</b>	<b>Công ty TNHH A</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
		<b>KTV</b>	L.V.H	14-02-2022
<b>Kết thúc niên độ</b>	<b>31-12-2021</b>	<b>Soát xét</b>	P.Q.T	14-02-2022
<b>Nhận xét của người lập:</b>				
<b>Phần A: Mục tiêu</b>				
<p>Mục tiêu của KTV khi sử dụng mẫu đánh giá là cung cấp cơ sở hợp lý để KTV đưa ra kết luận về tổng thể mà từ đó chọn được mẫu. Lấy mẫu kiểm toán là việc áp dụng một thủ tục kiểm toán cho ít hơn 100 % các mục trong số dư tài khoản hoặc nhóm giao dịch nhằm mục đích đánh giá một số đặc điểm của số dư hoặc loại giao dịch.</p>				
<p>Các mẫu được chọn dự kiến là đại diện cho tổng thể. Do đó, tất cả các mục trong tổng thể nên có cơ hội được lựa chọn. Khi thiết kế mẫu đánh giá, KTV cần xem xét mục đích của thủ tục đánh giá và các đặc điểm của tổng thể mà từ đó mẫu sẽ được rút ra.</p>				
<p>Khi lập kế hoạch cho một mẫu cụ thể, kiểm toán viên cần xem xét mục tiêu đánh giá cụ thể cần đạt được và cần xác định rằng thủ tục đánh giá hoặc kết hợp các thủ tục được áp dụng sẽ đạt được mục tiêu đó. KTV cần xác định rằng tập hợp mà người lấy mẫu là phù hợp với mục tiêu đánh giá cụ thể.</p>				
<b>Chi tiết</b>				
<b>Tên tài khoản</b>	<b>Số dư công nợ 131 tại 31/12/2021</b>			
<b>Xác định các CSDL có liên quan:</b>	Hiện hữu			
	Đánh giá			

Mô tả mục tiêu của thủ tục: Các thủ tục được thực hiện	
Nhận diện lỗi/ sai sót	
Điều kiện lỗi bị ngoại trừ:	
<b>Phần B: Thiết kế mẫu</b>	
<b>Nhận dạng tổng thể</b>	
Mô tả bản chất tổng thể:	
Mô tả cơ sở để xác định mức độ hoàn chỉnh của tổng thể:	
<b>Nhận dạng đơn vị lấy mẫu</b>	
Lấy mẫu chính, đơn vị:	
Lấy mẫu con, nếu có:	
<b>Tham số lấy mẫu</b>	
Toàn bộ tổng thể có phải là đối tượng lấy mẫu không?	Không
Mức PM có được sử dụng cho sai sót có thể chấp nhận được không?	Có
Sai sót có thể chấp nhận được PM (Tham chiếu 420.MPQ)/Ngưỡng sai sót chấp nhận	6.750.000.000
Toàn bộ tổng thể được lấy mẫu:	Phần không chọn mẫu

Kích thước mẫu (VND or dollar)	27.859.570.370	
<i>Note: If using VND (or dollar) unit sample within IDEA and absolute values are selected, use the absolute value of the population rather than the net amount</i>		
Tổng thể phải lấy mẫu	27.859.570.370	
Sai sót có thể chấp nhận được sử dụng mẫu này	6.750.000.000	
Expected error	337.500.000	
Đánh giá rủi ro đối với khoản mục là:	<b>HIGH</b>	
KTV có dựa vào KSNB của KH đối với khoản mục để kiểm tra thông qua việc lấy mẫu kiểm toán?	Không	
Có phải mức độ đảm bảo dự kiến sẽ đạt được thông qua các thủ tục Rà soát Phân tích Cơ bản phù hợp với Sổ tay Kiểm toán RSM, phần 52 không?	Không	
Việc cam kết này có được thực hiện theo các tiêu chuẩn của PCAOB không?	Không	
Phương pháp chọn mẫu	Monetary Unit	

Yếu tố đảm bảo						
Đánh giá rủi ro	Tin vào kiểm soát	Bảo đảm từ các thủ tục phân tích	Các thủ tục phân tích không được thực hiện	Yếu tố đảm bảo		
		Có	Không			
HIGH	No	1,6	3,0		1	3,00
LOW	No	1,0	1,9			
HIGH	Yes	0,7	1,6			
LOW	Yes	0,0	1,0			
Xác định cỡ mẫu						
Yếu tố đảm bảo		3,00				
Kiểm tra chi tiết – Hoàn thành phần C-E		Yes				
Khoảng cách mẫu/ Bước nhảy		<b>2.137.500.000</b>		= (PM – Expected error) / Yếu tố đảm bảo		
Tổng các giá trị high value		<b>12.208.784.112</b>				
Giá trị tổng thể còn lại		<b>15.650.786.258</b>				
Cỡ mẫu bắt buộc		7		<i>for Monetary Unit (MUS)</i>		
Cỡ mẫu dự kiến – Excluding Items in HV table		N/A		<i>for Random/Haphazard</i>		
Sample size of JSSD testing		N/a		<i>for JSSD</i>		



Actual sample size selected – Excluding Items in HV table				
Link to IDEA documentation (If applicable)				

<b>Tổng giá trị high value</b>				<b>12.208.784.112</b>	20.234.978.236
<b>Mã KH</b>	<b>Tên khách hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Nợ Nguyên tệ</b>	<b>Phải thu (VND)</b>	<b>Xác nhận</b>
53-122	Công ty TNHH Quick One	VND	-	2.462.556.678	
00-008.18	Savanmisay Import-Export Company	USD	159.147	3.659.585.265	
00-010	Camel Industries Co.,Ltd	USD	158.849	3.659.079.805	
00-062	INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD	USD	105.386	2.427.562.364	

**Chọn mẫu theo đơn vị tiền tệ [MUS CN131N]**

Giá trị tổng thể còn lại	<b>15.650.786.258</b>
Cỡ mẫu	7
Bước nhảy	2.137.500.000

<b>Mã KH</b>	<b>Tên khách hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Nợ Nguyên tệ</b>	<b>Phải thu (VND)</b>	<b>Lũy kế</b>	<b>Bước nhảy</b>	<b>Sample</b>
29-118	Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam	VND	-	1.965.642.752	3.080.327.045	1.300.000.000	Yes
29-121	Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam	VND	-	1.400.000.000	4.480.327.045	3.437.500.000	Yes
43-102	Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa	VND	-	706.204.523	5.873.492.620	5.575.000.000	Yes
53-121	Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt	VND	-	636.320.617	8.325.540.409	7.712.500.000	Yes
88-001	Công ty TNHH Lưu Lan	VND	-	1.244.546.387	10.282.533.889	9.850.000.000	Yes
00-024	TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD	USD	55.664	1.279.987.931	12.099.883.927	11.987.500.000	Yes
00-051	NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan _Chonsamut)	USD	34.507	793.491.914	14.909.963.081	14.125.000.000	Yes
	<b>Tổng</b>			<b>8.026.194.124</b>	<b>59.052.068.016</b>	<b>53.987.500.000</b>	

<b>Lấy mẫu kiểm toán (Phần A-B)</b>				<b>520.20.1</b>	
<b>Tên khách hàng</b>	<b>Công ty TNHH A</b>		<b>Tên</b>	<b>Date</b>	
		<b>KTV</b>	L.V.H	14-02-2022	
<b>Kết thúc niên độ</b>	<b>31-12-2021</b>	<b>Soát xét</b>	P.Q.T	14-02-2022	
<b>Nhận xét của người lập:</b>					
<b>Phần A: Mục tiêu</b>					
<p>Mục tiêu của KTV khi sử dụng mẫu đánh giá là cung cấp cơ sở hợp lý để KTV đưa ra kết luận về tổng thể mà từ đó chọn được mẫu. Lấy mẫu kiểm toán là việc áp dụng một thủ tục kiểm toán cho ít hơn 100 % các mục trong số dư tài khoản hoặc nhóm giao dịch nhằm mục đích đánh giá một số đặc điểm của số dư hoặc loại giao dịch.</p>					
<p>Các mẫu được chọn dự kiến là đại diện cho tổng thể. Do đó, tất cả các mục trong tổng thể nên có cơ hội được lựa chọn. Khi thiết kế mẫu đánh giá, KTV cần xem xét mục đích của thủ tục đánh giá và các đặc điểm của tổng thể mà từ đó mẫu sẽ được rút ra.</p>					
<p>Khi lập kế hoạch cho một mẫu cụ thể, kiểm toán viên cần xem xét mục tiêu đánh giá cụ thể cần đạt được và cần xác định rằng thủ tục đánh giá hoặc kết hợp các thủ tục được áp dụng sẽ đạt được mục tiêu đó. KTV cần xác định rằng tập hợp mà người lấy mẫu là phù hợp với mục tiêu đánh giá cụ thể.</p>					
<b>Chi tiết</b>					
Tên tài khoản		<b>Số dư có công nợ 131 tại 31/12/2021</b>			
Xác định các CSDL có liên quan:		Hiện hữu			

	Đánh giá	
Mô tả mục tiêu của thủ tục: Các thủ tục được thực hiện		
Nhận diện lỗi/ sai sót		
Điều kiện lỗi bị ngoại trừ:		
<b>Phần B: Thiết kế mẫu</b>		
<b>Nhận dạng tổng thể</b>		
Mô tả bản chất tổng thể:		
Mô tả cơ sở để xác định mức độ hoàn chỉnh của tổng thể:		
<b>Nhận dạng đơn vị lấy mẫu</b>		
Lấy mẫu chính, đơn vị:		
Lấy mẫu con, nếu có:		
<b>Tham số lấy mẫu</b>		
Toàn bộ tổng thể có phải là đối tượng lấy mẫu không?	Có	
Mức PM có được sử dụng cho sai sót có thể chấp nhận được không?	Có	

Sai sót có thể chấp nhận được PM (Tham chiếu 420.MPQ)/Ngưỡng sai sót chấp nhận	6.750.000.000	(PM)
Toàn bộ tổng thể được lấy mẫu:		
Kích thước mẫu (VND or dollar)	5.035.844.703	-
<i>Note: If using VND (or dollar) unit sample within IDEA and absolute values are selected, use the absolute value of the population rather than the net amount</i>		
Tổng thể phải lấy mẫu	5.035.844.703	
Sai sót có thể chấp nhận được sử dụng mẫu này	6.750.000.000	N/A
Expected error	337.500.000	
Đánh giá rủi ro đối với khoản mục là:	<b>HIGH</b>	
KTV có dựa vào KSNB của KH đối với khoản mục để kiểm tra thông qua việc lấy mẫu kiểm toán?	Không	
Có phải mức độ đảm bảo dự kiến sẽ đạt được thông qua các thủ tục Rà soát Phân tích Cơ bản phù hợp với Sổ tay Kiểm toán RSM, phần 52 không?	Không	
Việc cam kết này có được thực hiện theo các tiêu chuẩn của PCAOB không?	Không	
Phương pháp chọn mẫu	Monetary Unit	

<b>Yếu tố đảm bảo</b>					
Đánh giá rủi ro	Tin vào kiểm soát	Bảo đảm từ các thủ tục phân tích	Các thủ tục phân tích không được thực hiện	<b>Yếu tố đảm bảo</b>	
		Có	Không		
HIGH	No	1,6	3,0	<b>1</b>	<b>3,00</b>
LOW	No	1,0	1,9		
HIGH	Yes	0,7	1,6		
LOW	Yes	0,0	1,0		
<b>Sample Size Determination</b>					
Yếu tố đảm bảo		3,00			
Kiểm tra chi tiết – Hoàn thành phần C-E		Có			
Khoảng cách mẫu/ Bước nhảy		2.137.500.000	= (PM – Expected error) / Yếu tố đảm bảo		
Tổng các giá trị High value		3.429.081.979			
Giá trị tổng thể còn lại		1.606.762.724			
Cỡ mẫu bắt buộc – Excluding Items in HV table		1	<i>for Monetary Unit (MUS)</i>		
Cỡ mẫu dự kiến – Excluding Items in HV table		N/A	<i>for Random/Haphazard</i>		

Sample size of JSSD testing	N/a	<i>for JSSD</i>		
Actual sample size selected – Excluding Items in HV table				
Link to IDEA documentation (If applicable)				

<b>Tổng giá trị chọn mẫu Dư Có TK 131</b>				<b>4.640.906.334</b>
			<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	
<b>Mã KH</b>	<b>Tên khách hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Có Nguyên tệ</b>	<b>Ứng trước (VND)</b>
00-067	CHAN MYAE YOMA CO.,LTD	USD	147.203	3.429.081.979
	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương	VND		1.211.824.355
	<b>Tổng</b>		<b>147.203</b>	<b>4.640.906.334</b>

## XÁC NHẬN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

**5360**

Tên KH	CÔNG TY TNHH A		Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31-12-2021	Chuẩn bị bởi	LVH	04-02-2022
Nội dung	Xác nhận nợ phải thu khách hàng	Kiểm tra bởi	NMC	05-02-2022

### Mục tiêu

Để đảm bảo tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản nợ phải thu khách hàng (*Assertion: A and E of trade receivables*).

### Nguồn

Các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2021.

**Lấy mẫu**      Chọn mẫu      <Tham chiếu GV 520.20.Audit Sampling.TK 131>

### Các bước thực hiện

Gửi thư xác nhận khoản phải thu khách hàng:

- (a) Nắm bắt được tất cả các thông tin cần thiết của khách hàng để thực hiện việc chọn các đối tượng gửi TXN.  
Chọn Hóa đơn hoặc sổ dư xác
- (b) nhận
- (c) Trao đổi với người đại diện về danh sách hóa đơn/ Người mua mà KTV đề xuất gửi TXN



- (d) Nếu Khách hàng muốn KTV không xác nhận một số hóa đơn hay đối tượng mua hàng nhất định, phải ghi lại lý do và thảo luận lại với Trưởng đoàn/ Người chịu trách nhiệm chính.
- (e) Xác minh địa chỉ của người mua với khách hàng
- (f) Thư xác nhận phản hồi từ các đối tượng phải tuyệt đối đảm bảo và được kiểm soát trong quá trình gửi thư. TXN phải được gửi và nhận trực tiếp bởi AFA.
- (g) Nếu chưa nhận được thư phản hồi, gửi thư yêu cầu xác nhận lần 2 sau một khoản thời gian hợp lý kể từ lần 1.  
Đối với các xác nhận đã nhận
- (h) được:
  - (i) Đối chiếu số tiền trên thư xác nhận với hồ sơ kế toán của khách hàng
  - (ii) Chuyển tiếp bản sao của tất cả các xác nhận chỉ ra sự khác biệt cho khách hàng để đối chiếu. Có được những lời giải thích thỏa đáng cho những khác biệt này.
  - (iii) Xác thực nguồn xác nhận ở dạng điện tử (Ví dụ: theo dõi xác nhận qua fax hoặc thư điện tử qua điện thoại)
- (i) Thực hiện các thủ tục thay thế đối với các hóa đơn/ đối tượng mua hàng mà công ty KH không đồng ý gửi TXN và TXN không có phản hồi hoặc phản hồi chưa thỏa đáng.

Đối với Nợ phải thu KH:

- (i) Đối chiếu với các biên lai thu tiền hoặc phiếu gửi tiền.
- (ii) Đối chiếu với phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng
- (iii) Xem xét các tài liệu hỗ trợ khác, ví dụ như Hợp đồng, thỏa thuận mua bán,...

Đối với khoản trả tiền trước của người mua:

Khớp tới biên lai giao nhận hàng hóa hoặc:

- (i) Hóa đơn

- (ii) Khớp với đơn mua hàng
- (iii) Xem xét các tài liệu hỗ trợ khác, ví dụ như Hợp đồng, thỏa thuận mua bán,...
- (j) Hoàn thành GLV gửi thư xác nhận
- (k) Chuyển tiếp bản sao của tất cả các xác nhận chi ra sự khác biệt cho khách hàng để xóa khi có được những lời giải thích thỏa đáng cho những khác biệt này.

**Findings:**

Tài khoản	Số liệu trên sổ sách	Gửi thư xác nhận	Ref	Xác nhận từ khách hàng	Thủ tục thay thế	Còn lại
Nợ phải thu khách hàng	27.859.570.370	20.234.978.236	<5361>	12.867.842.676	7.367.135.560	-
Tỷ lệ	<5340>	73%		46%	26%	0%
Người mua ứng trước	5.035.844.703	4.640.906.334	<5362>	1.211.824.355	3.429.081.979	-
Tỷ lệ	<5340>	92%		24%	68%	0%


**Kết luận**


Dựa trên các bước công việc kiểm toán thực hiện, chúng tôi kết luận rằng rủi ro của sai sót có trọng yếu được giảm xuống mức chấp nhận được.

**TỔNG HỢP THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ**

5361

TỔNG HỢP THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ													5361		
Tên KH	CÔNG TY TNHH A											Người thực hiện	Ngày thực hiện		
Niên độ	31/12/2021											Người thực	LVH	04/02/2022	
Nội dung	Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế											Soát xét	NMC	05/02/2022	
Thư xác nhận													Các thủ tục thay thế	Đối chiếu công nợ	Giấy báo có
Nợ phải thu KH		Số tiền theo sổ sách		Ngày gửi	Ngày nhận	Số tiền được xác nhận		Chênh lệch			Số tiền	Số tiền			
Mã	Khách hàng	Loại tiền tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng			Số tiền ngoại tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ	Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng	Số tiền ngoại tệ				Đối chiếu	Ref
53-122	Công ty TNHH Quick One	VND	2.462.556.678	-			2.462.556.678	-				5361-1			
00-008.18	Savanmisay Import-Export Company	USD	3.659.585.265	159.147,00									3.659.585.265	3.659.585.265	
00-010	Camel Industries Co.,Ltd	USD	3.659.079.805	158.848,70			3.659.079.805	158.848,70	-			5361-3			
00-062	INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD	USD	2.427.562.364	105.385,82									2.427.562.364		2.427.562.364
29-118	Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam	VND	1.965.642.752	-			1.965.642.752	-	-			5361-5			
29-121	Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam	VND	1.400.000.000	-			1.400.000.000	-	-			5361-6			
43-102	Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa	VND	706.204.523	-			706.204.523	-	-			5361-7			
53-121	Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt	VND	636.320.617	-			636.320.617	-	-			5361-8			
88-001	Công ty TNHH Lư Lan	VND	1.244.546.387	-			1.244.546.387	-	-	-		5361-9			
00-024	TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD	USD	1.279.987.931	55.663,75									1.279.987.931		1.279.987.931
00-051	NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan _Chonsamut)	USD	793.491.914	34.507,15			793.491.914	34.507,15	-	-					
<b>Tổng</b>			<b>20.234.978.236</b>	<b>513.552,42</b>			<b>12.867.842.676</b>	<b>193.355,9</b>					<b>7.367.135.560</b>		
			<5360>				<5360>						<5360>		

		<b>NGƯỜI MUA ỨNG TRƯỚC- TỔNG HỢP THƯ XÁC NHẬN VÀ THỦ TỤC THAY THẾ</b>											<b>5362</b>	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A											Người thực hiện	Ngày thực hiện	
Niên độ	31-Dec-21											Chuẩn bị bởi	LVH	04-02-22
Nội dung	Người mua ứng trước - Tổng hợp thư xác nhận và thủ tục thay thế											Kiểm tra bởi	NMC	05-02-22
<b>Khách hàng ứng trước</b>		<b>Circularisation</b>										<b>Thủ tục thay thế</b>	<b>Đối chiếu mẫu Công ty</b>	
<b>Mã</b>	<b>Khách hàng</b>	<b>Loại tiền tệ</b>	<b>Số tiền theo sổ sách</b>		<b>Ngày gửi</b>	<b>Ngày nhận</b>	<b>Số tiền được xác nhận</b>		<b>Chênh lệch</b>				<b>Số tiền</b>	
			<b>Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng</b>	<b>Số tiền ngoại tệ</b>			<b>Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng</b>	<b>Số tiền ngoại tệ</b>	<b>Số tiền theo đơn vị tiền tệ chức năng</b>	<b>Số tiền ngoại tệ</b>	<b>Đối chiếu</b>	<b>Ref</b>		
00-067	CHAN MYAE YOMA CO.,LTD	USD	3.429.081.979	147.202,70									3.429.081.979	3.429.081.979
	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương	VND	1.211.824.355				1.211.824.355					<5362-2>		
<b>Total</b>			<b>4.640.906.334</b>				<b>1.211.824.355</b>						<b>3.429.081.979</b>	
			<5360>				<5360>						<5360>	
Work steps:														
C - Confirmations circularised														
INV -Vouched to sales invoices after year														
CT -Vouched to contract														

		ĐÁNH GIÁ CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ NGOẠI TỆ					5370	
Tên KH	CÔNG TY TNHH A						Người thực hiện	Ngày thực hiện
Niên độ	31/12/2021					Chuẩn bị bởi	LVH	04/02/2022
Nội dung	Đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ					Kiểm tra bởi	NMC	05/02/2022
<b>Mục tiêu</b>	Đảm bảo số dư tại thời điểm cuối năm được đánh giá xấp xỉ theo tỷ giá cuối năm.							
<b>Nguồn</b>	Các khoản phải thu của khách hàng được liệt kê tại thời điểm cuối năm bằng ngoại tệ.							
<b>Cơ sở chọn mẫu</b>	Tất cả các số dư có gốc ngoại tệ							
<b>Các bước thực hiện</b>								
1	Kết chuyển lại số dư chưa thanh toán tại thời điểm cuối năm theo tỷ giá tại ngày khóa sổ.							
2	Thực hiện điều chỉnh trên BCTC nếu lãi/lỗ chưa thực hiện là trọng yếu							
<b>Lưu ý</b>	Theo TT 200, khoản ứng trước từ khách hàng là tài khoản phi tiền tệ=> không đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ.							
<b>Translation performed</b>								
		<u>Tiền tệ</u>	<u>Số tiền ngoại tệ</u>	<u>Tỷ giá tại 31/12/2021</u>	<u>KTV tính toán lại</u>	<u>Trên Sổ cái</u>	<u>Diff.</u>	<u>Remarks</u>
	<b>Nợ phải thu khách hàng</b>		<b>653.041,00</b>		<b>15.028.766.470</b>	<b>15.028.766.470</b>	-	
	Savanmixay Import-Export Company	USD	159.147,00	22.995	3.659.585.265	3.659.585.265	-	
	Camel industries Co., Ltd	USD	158.848,70	23.035	3.659.079.805	3.659.079.805	-	
	Citiboy	USD	23.368,65	22.995	537.362.107	537.362.107	-	
	Teck hin	USD	55.663,75	22.995	1.279.987.931	1.279.987.931	-	
	Secure part SDN BHD	USD	26.246,04	22.995	603.527.690	603.527.690	-	
	Cosmic	USD	37.982,33	23.035	874.922.972	874.922.972	-	
	Wukung Company Limited	USD	23.402,33	22.995	538.136.578	538.136.578	-	
	Nana Auto part Co., LTD	USD	34.507,15	22.995	793.491.914	793.491.914	-	
	International part & Accessories Co., Ltd	USD	105.385,82	23.035	2.427.562.364	2.427.562.364	-	
	Motyl Trading SDN BHD	USD	28.489,23	22.995	655.109.844	655.109.844	-	
	<b>Total</b>		<b>653.041,00</b>		<b>15.028.766.470</b>	<b>15.028.766.470</b>	-	
<b>Kết luận</b>	Dựa trên các bước công việc kiểm toán thực hiện, chúng tôi kết luận rằng rủi ro của sai sót có trọng yếu được giảm xuống mức chấp nhận được.							

**Phụ lục 7: GLV 710.10MPQ – Tổng hợp các điều chỉnh sai sót****TỔNG HỢP CÁC ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT****710.10**

Tên khách hàng:	Công ty TNHH A		Tên	Ngày
		KTV	LVH	27-03-2022
		Soát xét	TTNP	27-03-2022
Kết thúc niên độ	31-12-2021	GĐ	PQT	27-03-2022
		EQCR:		

Biểu mẫu này được sử dụng để tóm tắt các sai sót chưa được điều chỉnh để xác định xem tổng số chênh lệch chưa điều chỉnh có khả năng dẫn đến sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hay không và đảm bảo có đủ cơ sở cho bất kỳ điều chỉnh bổ sung nào.

***Đánh giá trọng yếu tổng thể cuối cùng***

1. Trọng yếu tổng thể cuối cùng	9.422.615.420	
2. Trọng yếu tổng thể kế hoạch	9.000.000.000	<Ref 420>
3. Chênh lệch	422.615.420	(1)

**Kết luận:**

Trọng yếu tổng thể theo kế hoạch vẫn có hiệu lực đối với giai đoạn Hoàn thành kiểm toán.

**A. Dự phòng cho các sai sót chưa được phát hiện:**

Trọng yếu tổng thể			9.422.615.420
Rủi ro kiểm toán tổng thể ( <i>Cao/Thấp</i> ):			Thấp
Dự phòng cho sai sót trọng yếu chưa được phát hiện(%):			25%
Dự phòng cho sai sót trọng yếu chưa được phát hiện:			2.355.653.855
Trọng yếu thuần:			7.066.961.565

**B. Tổng hợp các sai sót chưa điều chỉnh****(2)**

Mô tả	Ref	PAJE #	Kết quả hoạt động kinh doanh	Cân đối kế toán
			Dr / (Cr)	Dr/(Cr)
<b>Lỗi đã phát hiện</b>				
Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cho một số công nợ phải thu tồn đọng quá hạn thanh toán trên TK 131 là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019. Số dự phòng cần phải trích lập bổ sung là: 82.671.233 VND	<b>5300</b>		82.671.233	(82.671.233)
<b>Sai sót dự kiến và sự khác biệt trong xét đoán</b>				
			-	-
<b>Sai sót trong các tài khoản trước khi hoàn nhập trong kỳ hiện tại</b>				
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế ảnh hưởng của các sai sót</b>			<b>82.671.233</b>	<b>(82.671.233)</b>
<b>Ảnh hưởng sai sót đến thuế</b>			16.534.247	(16.534.247)

<b>Post tax effect of all unadjusted errors</b>	66.136.986	(66.136.986)
<b>Báo cáo tài chính (FS) [Tổng tài sản / Tài sản ròng]</b>		
<b>Số tiền trên Báo cáo tài chính [Thu nhập ròng trong kỳ.]</b>		
<b>Tỷ lệ phần trăm các sai sót chưa được điều chỉnh sau thuế đối với số tiền trên BCTC</b>	-	-

**C. Lỗi không xác định được (ghi nhận các lỗi không định lượng được như: thuyết minh thiếu, các thủ tục kiểm toán không thực hiện được, ...)**

--

#### **D. Kết luận**

Do các sai sót chưa được điều chỉnh riêng lẻ hoặc tổng hợp dẫn đến sai sót trọng yếu đối với các báo cáo tài chính?

Nếu Có, hãy điều chỉnh báo cáo tài chính hoặc xem xét ảnh hưởng đến báo cáo kiểm toán.

<b>Có/Không</b>
Không



**Phụ lục 8: GLV 720.MO – Thủ tục phân tích cuối cùng****THỦ TỤC PHÂN TÍCH CUỐI CÙNG****0720.MO**

Tên KH	<b>Công ty TNHH A</b>		Tên	Ngày
		KTV	LVH	27-03-2022
Kết thúc niên độ	<b>31-12-2021</b>	Soát xét	TTNP	27-03-2022

Giám đốc kiểm toán cần thực hiện soát xét phân tích bằng cách sử dụng bộ báo cáo tài chính cuối cùng và được tóm tắt trên biểu mẫu này để đảm bảo kỳ vọng ban đầu không khác biệt đáng kể với kết quả kiểm toán cuối cùng. Điều này có thể được sử dụng khi chuẩn bị cho cuộc họp cuối cùng.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch		Giải thích
	VND	VND		VND	%	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
<b>Doanh thu</b>	471.130.770.977	445.641.702.982	495.244.067.951	25.489.067.995	5,7%	Doanh thu tăng do nhu cầu tiêu thụ tăng
<b>Giảm trừ DT</b>	2.295.870.936	1.010.697.333	291.153.900	1.285.173.603	127,2%	
<b>Doanh thu thuần</b>	468.834.900.041	444.631.005.649	494.952.914.051	24.203.894.392	5,4%	

<b>Giá vốn hàng bán</b>	419.361.138.013	405.207.024.351	431.000.639.332	14.154.113.662	3,5%	Giá vốn tăng cùng chiều doanh thu. Do chi phí cố định nhiều nên tỷ lệ tăng không bằng tỷ lệ tăng doanh thu.
<b>Lợi nhuận gộp</b>	49.473.762.028	39.423.981.298		10.049.780.730	25,5%	
Lãi gộp/GVHB (%)	<b>11%</b>	<b>9%</b>			18,7%	
Lãi gộp/ DT (%)	11%	9%		0	18,7%	
<b>Doanh thu tài chính</b>	5.062.701.250	2.239.491.400		2.823.209.850	126,1%	
<b>Chi phí tài chính</b>	1.029.217.092	1.864.366.661		- 835.149.569	-44,8%	
<b>Chi phí bán hàng</b>	22.181.602.868	23.994.506.543		(1.812.903.675)	-7,6%	
% CPBH/DT	5%	5%		(0)		
<b>Chi phí QLDN</b>	12.331.701.293	13.894.679.047		(1.562.977.754)		
% CPQLDN/DT	3%	3%		- 0	-16,1%	

<b>Thu nhập khác</b>	49.476.687	200.000.000		(170.493.560)	-85,2%
<b>Lợi nhuận khác</b>	29.506.440	200.000.000		- 170.493.560	-85,2%
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	19.023.448.465	2.109.920.447		16.913.528.018	801,6%
<b>Thuế TNDN</b>	2.128.111.402	1.476.969.020		651.142.382	44,1%
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	16.895.337.063	632.951.427		16.262.385.636	2569,3%
<b>Thu nhập ròng</b>	16.895.337.063	632.951.427		16.262.385.636	2569,3%

### Bảng cân đối kế toán

<b>Tiền mặt</b>	17.517.115.344	6.071.859.382		11.445.255.962	188,5%	Tiền là hiện hữu tại ngày 31/12/2021 các khoản tiền gửi không kỳ hạn là có thật.
<b>Nợ phải thu KH ngắn hạn</b>	27.859.570.370	52.059.844.142	56.001.447.650	(24.200.273.772)	-46,5%	Phải thu khách hàng chủ yếu là các công nợ doanh thu xuất xuất - các khoản công nợ này là hiện hữu
<b>Số ngày 1 VQ khoản phải thu</b>	31	44		(13)	-30,0%	

<b>Trả trước cho người bán</b>	3.032.277.760	2.242.766.022		789.511.738	35,2%	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	31.335.100	33.969.527		- 2.634.427	-7,8%	
<b>TS thiếu chờ xử lý</b>	106.230.000	-		106.230.000	-	Giải thích biến động hợp lí
<b>Hàng tồn kho</b>	67.651.498.938	61.279.084.553	55.673.750.833	6.372.414.385	10,4%	Hàng tồn kho tăng nhanh chủ yếu là mua nguyên liệu dự trữ phục vụ cho việc sản xuất hàng hoá trong đầu năm 2022,
Số ngày 1VQ hàng tồn kho	56,11	52,67		3		
<b>CP Trả trước ngắn hạn</b>	233.360.951	435.269.442		- 201.908.491	-46,4%	
<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	6.241.952.262	5.187.810.317		1.054.141.945	20,3%	
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	-	13.858.660		- 13.858.660	-100,0%	
<b>TS dài hạn</b>	<b>94.002.781.589</b>	<b>86.156.155.854</b>		7.846.625.735		
<b>TS lưu động</b>	<b>(239.821.275.932)</b>	<b>157.989.513.953</b>		(81.831.761.979)		

<b>Phải thu dài hạn khác</b>	120.428.000	1.321.518.909		-	-90,9%	
<b>Tài sản cố định</b>	63.953.337.758	64.942.954.983		(989.617.225)	-1,5%	
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	20.772.331.742	13.446.376.826		7.325.954.916	54,5%	
<b>CP Trả trước dài hạn</b>	9.156.684.089	6.445.305.136		2.711.378.953	42,1%	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	75.233.059.127	254.609.335.927	258.894.618.302	(179.376.276.800)	-70,5%	
Số ngày mua phải trả người bán	144	231		(88)		
<b>Các khoản trả trước từ khách hàng</b>	5.035.844.703	615.018.235		4.420.826.468	718,8%	
<b>Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước</b>	2.122.200.172	1.000.697.212		1.121.502.960	112,1%	Khoản phải trả thuế là khoản tiền thuế TNDN phải nộp là chủ yếu
<b>Phải trả người lao động</b>	5.080.433.000	4.549.048.962		531.384.038	11,7%	
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	301.371.108	40.000.000		261.371.108	653,4%	

<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	583.075.499	1.269.875.662		686.800.163	-54,1%	
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	36.460.002.290	23.230.000.000		13.230.002.290	57,0%	Vay cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn và chuyển khoản
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	501.015.000	86.911.857.506		86.410.842.506	-99,4%	Năm ngoài Khoản phải trả khác là tiền ký quỹ của các đối tác nước ngoài. Năm nay đã chuyển thành vốn góp.
<b>Quỹ KH và PTCN</b>		-		-	-	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>125.317.000.899</b>	<b>372.225.833.504</b>		<b>(246.908.832.605)</b>	<b>-66,3%</b>	
<b>VCSH</b>	<b>91.359.121.415</b>	<b>158.745.215.605</b>		<b>250.104.337.020</b>	<b>-157,6%</b>	
Nợ/ VCSH	1,37	(2,34)		4	372%	
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	264.855.623.133	31.646.623.176		233.208.999.957	736,9%	
<b>Lợi nhuận giữ lại</b>	(173.496.501.718)	(191.024.790.208)		17.528.288.490	-9,2%	



**Phụ lục 9: Thư xác nhận nợ phải thu khách hàng****Công ty TNHH Quick One****Địa chỉ:****Ngày:****Kính gửi: Công ty TNHH Quick One**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

ố tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 2.462.556.678 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA****VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty TNHH Quick One*Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng** Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không** **đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

---

**Công ty TNHH Quick One**

---

**Tên:****Chức vụ:****Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:



**Savanmisay Import-Export Company****Địa chỉ:**

Ngày:

**Kính gửi: Savanmisay Import-Export Company**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH  
KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 3.659.585.265 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 0 VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA  
VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Savanmisay Import-Export Company*Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng** Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không đúng** 

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):***Savanmisay Import-Export Company**

---

**Tên:****Chức vụ:****Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Camel Industries Co.,Ltd**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Camel Industries Co.,Ltd**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 3.659.079.805 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA

VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Camel Industries Co.,Ltd*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Camel Industries Co.,Ltd**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD****Địa chỉ:**

Ngày:

**Kính gửi: INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH  
KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 2.427.562.364 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA

VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD*Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng** Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không** **đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):***INTERNATIONAL PART & ACCESSORIES CO.,LTD**

---

**Tên:****Chức vụ:****Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 1.965.642.752 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA**

**VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty Cổ Phần Xuân Thiệu Việt Nam**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 1.400.000.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA  
VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty Cổ Phần Thương Mại Huka Việt Nam**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 706.204.523 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA**

**VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty TNHH MTV Nguyễn Đức Hòa**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 636.320.617 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA**

**VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty TNHH Năng Lượng Đình Việt**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty TNHH Lư Lan**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty TNHH Lư Lan**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 1.244.546.387 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA**

**VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty TNHH Lư Lan*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty TNHH Lư Lan**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:



**TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD****Địa chỉ:**

Ngày:

**Kính gửi: TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH  
KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 1.279.987.931 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA

VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD*Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng** Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không** **đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

---

**TECK HIN MOTOR TRADING SDN, BHD**

---

**Tên:****Chức vụ:****Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan \_Chonsamut)**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan \_Chonsamut)**

**Địa chỉ:**

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 793.491.914 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày : 0 VND

31/12/2021

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA**

**VIỆT NAM**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan \_Chonsamut)*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

---

**NANA AUTO PART CO., LTD (Duongtwan \_Chonsamut)**

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**CHAN MYAE YOMA CO.,LTD****Địa chỉ:**

Ngày:

**Kính gửi: CHAN MYAE YOMA CO.,LTD**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 0 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 3.429.081.979 VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA  
VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của CHAN MYAE YOMA CO.,LTD*Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng** Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không đúng** 

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):***CHAN MYAE YOMA CO.,LTD**

---

**Tên:****Chức vụ:****Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

**Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương**

**Địa chỉ:**

**Ngày:**

**Kính gửi: Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương**

Địa chỉ:

**Về việc: XÁC NHẬN SỐ DƯ PHẢI THU TẠI NGÀY 31/12/2021 CHO MỤC ĐÍCH KIỂM TOÁN**

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 0 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị tại ngày 31/12/2021 : 1.211.824.355 VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

---

**Giám đốc**

---

**Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA

VIỆT NAM

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

---

*Xác nhận của Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương*

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không**

**đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

*(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):*

**Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lập Phương**

---

**Tên:**

**Chức vụ:**

**Địa điểm, Ngày:**

Số điện thoại:

Địa chỉ Email: